VĂN HỌC

tạp chí sáng tác nhận định văn nghệ

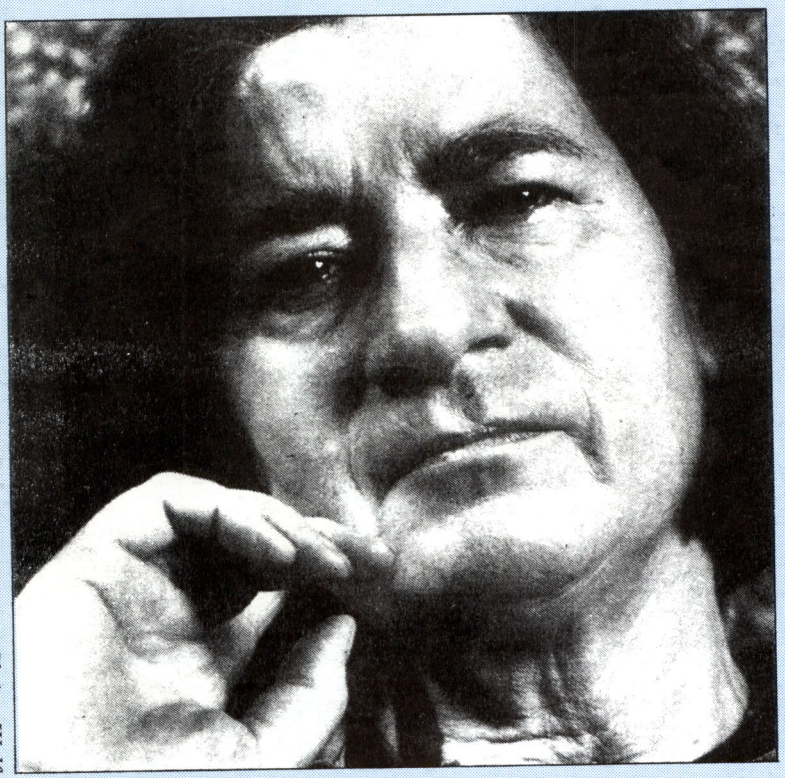

Christa Wolf

số 89 • tháng 9 năm 1993

nhà văn Christa Wolf

VĂN HỌC

Tạp chí sáng tác nhận định văn nghệ

Phát hành mỗi đầu tháng

Chủ nhiệm: Trịnh Y Thư

Phụ tá chủ nhiệm: Lê Thọ Giáo

Chủ bút: Nguyễn Mộng Giác

Tổng thư ký: Cao Xuân Huy

Đại diện Văn Học ở Âu châu: Mrs Lê Tất Luyện

15 Place Souham, 75013 Paris, France

Phone: 45-831-912

Đại diện Văn Học ở Úc châu: Nguyễn Khắc Phú

14 Lester Rd, Padstow, NSW 2221 Australia

Tel: (02) 771-1770

Thư từ tiền bạc xin gửi về:

Văn Học

P.O. Box 1359

Garden Grove, CA 92642-1359, USA

Tel: (714) 894-8535

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN - 0885 - 128X

TRONG SỐ NÀY

	thư tòa soạn	2
THẠCH HÃN	christa wolf: còn lại được gì?	3
CAO XUÂN TỨ	*thiền sư*	12
CAO XUÂN TỨ	*người tình người tu*	13
CHRISTA WOLF THẠCH HÃN dịch	còn lại được gì	14
ĐOÀN NHẬT	*theo vào trời xuân đất đỏ*	35
TRẦN THỊ LAI HỒNG	*chuồn chuồn*	36
ĐINH PHỤNG TIẾN	trên đôi cánh hạc	37
ĐẶNG HIỀN	*ngày vui bay đi*	55
HOÀNG LIÊN	bức tranh sen và chiếc đồng hồ	56
LƯU HY LẠC	*buổi trưa*	64
LƯU HY LẠC	*tuổi tôi*	65
HOÀNG CHÍNH	tai họa	66
NGUYỄN ANH DŨNG	của bụi và người	90
HUỲNH LIỄU NGẠN	*mù sương*	94
MAI KIM NGỌC	chị em	95
TRIỀU HOA ĐẠI	*dường như*	112
TRẦN HỒNG CHÂU	bản cáo trạng nhắm...	113
HOÀNG XUÂN SƠN	*tỏ tình*	122
GHI NHẬN DÓ ĐÂY		123
TÒA SOẠN VÀ BẠN ĐỌC		128

thư tòa soạn

Văn Học số này giới thiệu với bạn đọc một nhà văn nữ hàng đầu của Đông Đức: Christa Wolf.

Tòa soạn lựa chọn giới thiệu nhà văn này vì nhiều lý do. Trước hết, đây là một nhà văn quan trọng của Đông Đức. Tác phẩm của bà chẳng những được độc giả Đông Đức đánh giá cao mà còn được các nhà phê bình và độc giả Tây Đức nhiệt liệt tán thưởng. Bà đã nhận được nhiều giải thưởng văn chương cao quí, kể cả giải văn học Georg Büchner, một giải văn chương uy tín nhất của Tây Đức năm 1980, mười năm trước khi bức tường Bá Linh sụp đổ kéo theo sự sụp đổ của chế độ cộng sản Đông Đức.

Nhưng văn tài chưa phải là lý do duy nhất. Những tranh luận sôi nổi, gay gắt chung quanh cuộc đời và tác phẩm của Christa Wolf từ khi nước Đức thống nhất làm nổi bật lên nhiều vấn đề quan trọng: như trách nhiệm của những nhà văn sống và viết dưới chế độ cộng sản, liên lệ giữa họ và chế độ như thế nào, nên phán xét họ như những "chiến sĩ văn hóa" và phải mạnh mẽ lên án sự cộng tác của họ với chế độ cũ hay nên thông cảm hoàn cảnh của họ như những con người bình thường với tất cả những hệ lụy yếu đuối. Tác phẩm của Christa Wolf cho xuất bản sau khi Đông Đức sụp đổ tố cáo guồng máy dàn áp tinh thần tinh vi của mật vụ Đông Đức Stasi, nhưng người ta liền đặt câu hỏi là tại sao cho đến bây giờ bà mới công bố những tác phẩm ấy, và bà viết tác phẩm ấy lúc nào, viết để chạy tội hay viết để tâng công với chế độ mới. Vấn đề càng trở nên rắc rối khi người ta khám phá thời trẻ, chính bà cũng cộng tác với Stasi.

Vì văn tài, uy tín và hoàn cảnh phức tạp của Christa Wolf, bà trở nên một đề tài tranh luận lớn lao hiện nay trong văn giới Âu châu, và không khí tranh luận gay gắt nghiệt ngã hơn cả những tranh luận về Milan Kundera năm năm trước đây.

Do giới hạn số trang, Văn Học chỉ đăng một bài giới thiệu tổng quát và bản dịch truyện vừa "Còn lại được gì", tác phẩm đầu mối của các cuộc tranh luận hiện nay. Muốn tìm hiểu sâu thêm, bạn đọc có thể tìm tới các thư viện, hoặc mua ở các hiệu sách hai tác phẩm của Christa Wolf vừa mới được dịch sang Anh ngữ và xuất bản là What Remains And Other Stories và The Author's Dimension.

Phần còn lại là các tiểu luận và sáng tác của những văn hữu từng được bạn đọc yêu mến lâu nay.

Cuối cùng, Tòa soạn xin thông báo chủ đề Văn Học số 90 ra đầu tháng 10-1993 sẽ là "Tưởng niệm thi sĩ Quách Tấn"

Văn Học

THẠCH HÃN

christa wolf: còn lại được gì?

Phải đợi cho đến khi bức tường Bá Linh sụp đổ vào cuối năm 1989, các quốc gia thuộc khối tự do ở Tây Âu cũng như những nơi khác trên thế giới mới có một cái nhìn khá rõ ràng về những biến động xã hội và chính trị xảy ra bên trong biên giới nước Cộng Hòa Dân Chủ Đức từ lúc phần đất là thành trì của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu (1949) cho đến những ngày cuối cùng của chủ thuyết Cộng Sản, giải thể toàn bộ cơ cấu chính trị (đảng và nhà nước), trở lại thống nhất với phần đất phía Tây như trước khi phân chia sau thế chiến thứ hai. Nhưng điều này lại không đúng hẳn khi nói đến các sinh hoạt văn học, hay vai trò của các nhà văn nói riêng và giới trí thức nói chung, trong những năm dài xây dựng chủ nghĩa xã hội. Riêng trong lãnh vực văn học, học giới Tây phương đã có dịp chứng kiến cũng như theo dõi một cách khá rành rẽ những sinh hoạt văn học. Những biến cố có liên hệ đến Đảng và Nhà Nước, những vụ phản kháng, chống đối, cùng những hành động truy nã, bắt bớ, lưu đầy khá nhiều danh tài trong giới làm văn học nghệ thuật đã không còn xa lạ gì với các quốc gia ngoài Đông Âu. Thế nhưng sau khi bức tường Bá Linh bị san bằng, những sự thật dần dần được phô bày một cách chính xác hơn (vì có tư liệu), và các quốc gia phương Tây nhờ đó cũng đã thấy rõ được khả năng kiềm chế tinh vi của tổ chức công an vạn năng Stasi, nhất là trong những trường hợp đối đầu với giới trí thức, các nhà văn, nhà thơ chống đối chế độ. Đã có rất nhiều trường hợp những nhà thơ nhà văn nổi danh của Đông Đức trở thành nạn nhân của Stasi, như Heiner Müller, Helga Konigsdorf, Christa

Wolf, v.v... Trong số những nhà văn nổi tiếng của nền văn học Đông Đức, Christa Wolf giữ một vị thế rất quan trọng, không riêng về mặt văn tài và ảnh hưởng của bà lên toàn nền văn học Đông Đức và thế giới, mà còn là một nhân vật gây nhiều tranh cãi giữa giới trí thức phương Tây chung quanh vấn đề bà đã vừa là một nạn nhân, vừa là một người hợp tác với công an Stasi.

Về văn tài, chỗ đứng của bà trong văn học Đức, và nói rộng ra, trong nền văn học hiện đại (rất nhiều tác phẩm đã được phiên dịch ra nhiều thứ tiếng), không còn là một vấn đề cần tranh cãi nữa. Với hơn mười tác phẩm đã xuất bản, trước và sau Bức Tường Bá Linh sụp đổ, mỗi tác phẩm đã là một viên gạch xây dựng nền tảng chắc chắn cho sự nghiệp văn chương của bà. Christa Wolf đã từng được trao tặng nhiều giải thưởng văn chương cao quý, trong đó có cả giải văn học Georg Büchner, một giải thưởng văn chương cao quý nhất Tây Đức đã trao cho bà năm 1980, nghĩa là gần một thập niên trước ngày tan hàng của chế độ và nhà nước Đông Đức.

Bà sinh ngày 18 tháng 3 năm 1929 tại Landsburg nằm bên dòng sông Warthe, nay là thị trấn Gorzów Wielkopolsky thuộc Ba Lan, trong một gia đình không lấy gì làm sung túc. Cha là Otto Ihlenfeld, trông coi một cửa tiệm thực phẩm nhỏ, mẹ giúp chồng trong việc buôn bán và nuôi nấng Christa cùng người em trai. Trong mười sáu năm đầu của thời thơ ấu, Christa Wolf đã sống 12 năm dưới chế độ quốc xã tại Landsburg, nhưng sau đó đã theo gia đình về lánh nạn ở Mecklenburg khi những bước chân đầu tiên của Hồng Quân Nga ào đến năm 1945. Christa Wolf ham học hỏi, đọc sách nhiều, và cũng vì thế nên đã trở thành một tín đồ của chủ nghĩa xã hội sau khi đã ngấu nghiến hết những sách vở của Marx và Engels. Năm 1949, tức là năm đầu tiên của nước Cộng Hòa Dân chủ Đức, sau khi tốt nghiệp trung học, Christa Wolf gia nhập Đảng Xã hội Đoàn Kết của Đức, viết tắt SED. Bốn năm kế tiếp, Wolf theo học văn chương và ngôn ngữ Đức ở Jena và Leipzig. Từ năm 1952 đến 1962, bà là phụ tá nghiên cứu cho Hội các nhà văn Đức, và làm chủ biên của một tạp chí quan trọng và hai nhà xuất bản. Những hoạt động của bà trong thời kỳ này đã đánh dấu một khúc quanh quan trọng trong sự nghiệp văn học cũng như những hoạt động đối kháng của bà về sau này. Tuy vẫn nặng lòng với xã hội chủ nghĩa, bà đã dần dần nhận ra được những sai trái của Đảng và Nhà nước, thấy thất vọng trước chính sách đàn áp nhân vụ chính quyền Đông Đức từ chối

không cho Wolf Bierman, một ca nhạc sĩ nổi danh đã sáng tác những bài ca châm biếm chỉ trích chế độ được tái nhập cảnh Đông Đức sau một chuyến lưu diễn ở Tây Đức vào năm 1976, nên bà đã cùng với chồng là Gerhard và mười một nhà văn, trí thức tên tuổi khác trong đó có Stefan Heym, Heiner Müller, Sarah Kirsch, v.v. ký tên vào một kháng thư gởi Ủy Ban Trung Ương Đảng SED, cùng các hãng thông tấn Tây phương như Reuters và Agence France Presse. Việc phản kháng này cũng đã khơi dậy một phong trào phản kháng tiếp theo do hơn 150 nhà văn và nghệ sĩ đứng tên viết thư phản đối. Hậu quả của hành động phản kháng này là Christa Wolf đã bị Hội Nhà Văn thanh trừng vào ngày 26 tháng 11, rồi cuối cùng bị loại ra khỏi hàng ngũ lãnh đạo của Hội vào ngày 20 tháng 12 năm 1976.

Lập gia đình cùng Gerhard Wolf, một nhà phê bình văn học có uy tín, vào năm 1951, và năm sau, 1952, bà sinh Annette, đứa con gái đầu lòng. Năm 1955, bà bắt đầu những chuyến đi Nga sau này làm bối cảnh cho tác phẩm đầu tiên, thuộc loại truyện vừa (novella), xuất bản năm 1961, có nhan đề là *Moskauer Novelle*. Từ năm 1955 đến 1976, bà là Ủy viên Ủy ban thường trực của Hội Nhà Văn. Năm 1962, bà được trao tặng giải thưởng nghệ thuật của thành phố Halle và cũng từ năm đó, bà hành nghề nhà văn tự do và sinh sống tại Bá Linh. Tiếp tục việc sáng tác trong tư thế của một nhà văn không dính dáng gì đến một tổ chức hay cơ quan văn hóa nào, bà xuất bản tiểu thuyết *Der Geteil Himmel* (Thiên Đường Phân Xẻ) năm 1965, và sau đó đã đoạt giải thưởng Heinrich Mann do Viện Hàn Lâm Nghệ Thuật Cộng Hòa Dân Chủ Đức trao tặng. Song song với công việc sáng tác, bà còn tham gia vào hoạt động của đảng Xã Hội Đoàn Kết Đức (SED) và là ứng viên Ủy Ban Trung Ương Đảng từ đại hội đảng kỳ 6 cho đến kỳ 8. Năm 1964, tiểu thuyết *Der Geteil Himmel* được quay thành phim, và đã đoạt giải hạng ba toàn quốc cũng do Viện Hàn Lâm Nghệ thuật trao tặng. Cũng trong năm này, bà đã tham dự một chương trình sinh hoạt đánh dấu một bước rẽ ngoặt trong việc xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Đông Đức về mặt văn hóa. Đó là hội nghị Bitterfeld. Phong trào này lấy tên Bitterfeld từ một khu kỹ nghệ điện khí nơi đã tổ chức kỳ đại hội lần đầu tiên vào năm 1959. Đây là một phong trào cho nhà nước đề xướng nhằm chỉ đạo sinh hoạt văn hóa văn học, tìm cách gây dựng một cuộc cách mạng văn hóa trong đó có sự tham dự của

công nhân, khuyến khích công nhân sáng tác, lấy đời sống và những đóng góp của họ vào việc xây dựng chủ nghĩa làm đề tài, cùng việc đặt để một số nhà văn sinh hoạt sáng tác ngay bên cạnh những người thợ thuyền đơn giản này. Kết quả thực tiễn của phong trào này là việc thành lập được một số hội nhà văn công nhân. Một số tác phẩm về sau này ra đời trong bối cảnh của phong trào đó nhằm mục đích duy trì và đẩy mạnh một truyền thống "văn chương công nhân" đã có ngay từ những năm có phong trào theo chủ nghĩa xã hội ở Đức, và về sau này được đẩy mạnh trong thế kỷ dưới nền cộng hòa Weimar. Một số nhà văn đồng nghiệp với Christa Wolf cũng đã tham gia vào phong trào này. Những sáng tác của họ đều đặt trong khung cảnh của những khu kỹ nghệ hay những hợp tác xã nông nghiệp.

Tác phẩm quan trọng đầu tiên mang tên *Nachdenken über Christa T.* (Đi tìm hình dáng Christa T.). Đây là một tác phẩm đã gây được nhiều sự chú ý của các nhà phê bình văn học, và là tác phẩm đầu tiên truyền đạt quan niệm độc đáo của bà về nguyên tắc sáng tác văn học, gọi là "sự chân thực chủ quan" (subjective authenticity). Từ tác phẩm này, và trong các tác phẩm về sau, Christa Wolf đã sử dụng những phương tiện cũng như những chủ đề, kêu gọi một sự tham dự tích cực của người đọc/người kể chuyện/người đối thoại, sử dụng những độc thoại xảy ra bên trong nội tâm, thay đổi cách dùng những trạng từ chỉ người (personal pronouns), sự lẫn lộn cố tình giữa những người kể chuyện, tránh những lời nói có tính cách tuyệt đối, và tỏ ra không lạc quan mấy với ngôn ngữ hiện tại. Sự thay đổi bút pháp và kỹ thuật này phản ánh sự thay đổi nơi con người tác giả: đó là sự chú ý đến tiềm thức của người nghệ sĩ, âm vang những vấn nạn về mục đích của nghệ thuật, một vấn nạn đã làm đề tài cho nhiều tranh luận trong suốt thế kỷ 20 này. Tác phẩm này cũng là tác phẩm đã gây khá nhiều phiền hà với sở kiểm duyệt vì những tình tiết trong truyện thiên về cá nhân chủ nghĩa, trong lúc nhà cầm quyền Đông Đức lại đang cổ võ xây dựng mô thức tập thể theo khuôn mẫu của xã hội chủ nghĩa. Tuy lúc này bà đã có uy tín trong văn giới, tác phẩm này cũng bị sở kiểm duyệt cắt bỏ nhiều đoạn. Nhưng cũng với tính bướng bỉnh, Christa Wolf đã yêu cầu, và cuối cùng đã được chấp thuận, là trong bản in, câu nào hay đoạn nào bị kiểm duyệt phải được thay thế bằng ba dấu chấm lửng (ellipsis...). Đây là lần đầu tiên sở kiểm

duyệt phải chịu nhượng bộ trước một đòi hỏi tuy nhỏ nhoi nhưng vô cùng ý nghĩa này của một nhà văn.

Năm 1976, tác phẩm tiếp theo có nhan đề *Kindheitsmuster* (Những mảnh đời thơ ấu) ra đời. Cũng trong năm này, bà đã bị trục xuất ra khỏi ủy ban điều hành của Hội Nhà Văn vì đã ký tên vào kháng thư chống việc nhà cầm quyền không cho Wolf Bierman trở lại Đông Đức như đã nói ở trên. Năm sau, bà được giải Văn Chương của Thành phố Bremen.

Tác phẩm kế tiếp mang tên *Kei Ort. Nirgends* (Không nơi nương tựa) xuất bản vào năm 1977, và năm sau Christa Wolf xuất bản một tuyển tập phê bình văn học *Lesen und Schreben* (Giữa người đọc và người viết), gồm những tiểu luận bàn về tương quan cũng như tác động giữa người dọc và người viết. Đây cũng là năm bà được trao giải thưởng văn học cao quý nhất của Tây Đức, giải Georg Büchner. Trong thập niên từ 1980 đến khi bức tường Bá Linh sụp đổ, bà đã xuất bản tiếp cuốn *Kassandra* (1980), *Die Dimension des Autors. Essays und Aufsatze, Reden und Gesprëchte 1959-1985*, và cuốn *Storfall. Nachriten eines Tages* (Tai nạn/Tin tức trong một ngày, 1889), viết về vấn đề môi sinh nhân vụ nổ lò nguyên tử Tchernobyl ở Nga.

Sau khi bức tường Bá Linh sụp đổ, Christa Wolf đã là một mục tiêu cho nhiều sự công kích từ giới trí thức và truyền thông ở phương Tây. Nhất là từ khi bà cho xuất bản tuyển tập truyện ngắn có tên *Was Bleist* (Còn lại gì) năm 1989, báo giới cũng như văn giới mạnh mẽ chỉ trích bà khi họ khám phá ra rằng chính bà cũng đã có một thời gian làm mật báo viên cho công an Stasi, nhưng đồng thời cũng đã khám phá ra được là công an Stasi đã theo dõi bà trong nhiều năm, với những chứng tích còn sót lại qua các hồ sơ tình báo về những hoạt động của bà. "Was Bleist", tên truyện ngắn (hay truyện vừa?) cuối cùng trong tuyển tập thuật lại một ngày trong đời của tác giả, trong thời gian bị công an theo dõi, viết theo lối viết nhật ký, ghi ngày bắt đầu viết (Tháng 6/7-1979) cho đến ngày chấm dứt (11-1989). Dư luận đã căn cứ vào ngày viết sau cùng (1989) để đặt nghi vấn về sự thật của câu chuyện. Có người đã không ngần ngại lên tiếng là bà đã sửa bản thảo để nói tốt cho mình, vì họ cho là nếu không, tại sao phải đợi đến khi chế độ cộng sản Đông Đức tan rã, bà mới cho xuất bản tập truyện này. Suốt trong các năm 1990 và

1991, Christa Wolf đã phải chống đỡ nhiều mũi dùi công kích, từ những người xưa nay vốn không thân thiện mấy với chính quyền Đông Đức, đến những người đã cùng bà xây dựng chủ nghĩa xã hội trong nhiều năm.

Một cách tổng quát và ngắn gọn, những chống đối Christa Wolf bắt đầu bằng hai bài điểm sách đăng trên tạp chí *Zeit* ngày 1 tháng 6 năm 1990. Tác giả của bài phê bình là Ulrich Greiner, đã gọi Christa Wolf là một thứ "thi sĩ cung đình" (Staatsdichterin), một thứ con cưng của chế độ và kết án bà là một người thiếu lương thiện, cơ hội chủ nghĩa, và đã coi rẻ những nạn nhân của chế độ Honecker. Ông căn cứ vào ngày xuất bản truyện và cho rằng nếu truyện xuất bản sớm hơn, tác giả sẽ trở thành một thứ nữ anh hùng, và tác phẩm sẽ gây một cơn chấn động. Rồi ông tiếp tục buộc tội Christa Wolf là một người thiếu lương thiện với chính mình, và cũng thiếu lương thiện với lịch sử. Ông cho tác phẩm có dụng ý chạy tội cho một người đã từng cộng tác với Stasi, và đưa bà đứng chung vào hàng ngũ những người đã bị chế độ đàn áp. Trong khi đó, bài phê bình của Volker Hage, tuy ôn hòa hơn nhưng cũng đã bị bài điểm sách của Greiner lấn át. Hage căn cứ vào tác phẩm, vì thế bài viết đã trở thành một bài biện hộ cho một kẻ bị cáo, và vì vậy đã thất thế. Điều tai hại hơn là bài viết của Hage đã làm cho cuộc "tranh luận" có được một tầm quan trọng quá đáng.

Theo chân Greiner, Frank Schirrmacher đã viết một bài bình luận dài đăng trên *Frankfurter Allegemeine Zeitung* (2/6/1990), phân tích giá trị tác phẩm của Wolf. Ông cho là Wolf tuy được danh tiếng trên văn đàn thế giới, nhưng đó là một sự đánh giá hơi quá đáng. Riêng *Was Bleist*, ông cho đó là sản phẩm của một âm mưu chống đối thầm kín do một lương tâm tội lỗi dàn dựng nên khó tin và chỉ nhằm gây sôi nổi mà thôi. Rồi bước sang những hoạt động cá nhân của tác giả, Schirrmacher mô tả Wolf như một người theo cơ hội chủ nghĩa có một nhân cách hết sức độc đoán, đã không rút tỉa được bài học kinh nghiệm thời Đức Quốc Xã Đệ Tam mà đã kêu gọi dân chúng Đông Đức hãy ở lại để cùng xây dựng một chủ nghĩa xã hội tốt đẹp hơn là thoát chạy về phía Tây Đức hôm 26 tháng 11 năm 1989. Và Schirrmacher đã căn cứ vào những hành động cổ võ việc xây dựng một chủ nghĩa xã hội tốt đẹp hơn của Christa Wolf để tiếp tục mô tả bà như một kẻ hèn nhát, cơ hội, độc tài; trái ngược hẳn với hình ảnh của một Christa Wolf đã được chính ông ta cũng như học

giới Tây Đức xem là một con người hết sức lương thiện, một nhà văn có tài, một ngọn hải đăng đạo lý, một người biết chú tâm phát hiện những đường hướng mới cho sinh hoạt văn học nghệ thuật. Chẳng thế sao bà đã được nhiều giải thưởng văn học cũng như chính trị cao quý của Tây Đức. Cả ba nhà phê bình này đã quên mất một điều là khi họ chỉ trích Christa Wolf, họ đã không nhìn vào những sự khác biệt giữa hai hình ảnh của cùng một nhà văn dưới con mắt nhìn của họ trước và sau tập *Was Bleist.*

Biện hộ cho Christa Wolf trước những chỉ trích hết sức nặng nề này, Günter Grass đã căn cứ vào tác phẩm cũng như tiểu sử của Christa Wolf, cho rằng chưa bao giờ Christa Wolf muốn làm một người hùng. Việc xuất bản *Was Bleist* trước khi Cộng Hòa Dân Chủ Đức tan rã sẽ gây ra một trong hai trường hợp sau đây: hoặc tác giả trở thành anh hùng, hoặc sẽ bị trục xuất ra khỏi nước. Vì vậy những chỉ trích căn cứ vào ngày tháng xuất bản của tập truyện là một điều bất công, và cho rằng khi những người chỉ trích *Was Bleist* không căn cứ vào văn bản, họ đã phạm một lỗi lầm rất lớn.

Để phản ứng lại những chỉ trích trên, Christa Wolf, trong một cuộc phỏng vấn của nhà văn Mỹ Todd Gitlin vào tháng 12, 1992 trong lúc Christa Wolf đang ở Santa Monica, California, dưới sự bảo trợ của The Getty Center for the History of Art and the Humanities, nói là bà không sửa lại bản thảo như người ta đã tố cáo. Bà chỉ sửa lại văn chứ không thay đổi một chi tiết nào từ bản thảo đầu tiên. Bà nói thêm: "Lúc đó [1979] tôi đã viết nhiều truyện nhưng chưa xuất bản, và đây là một trong những sáng tác mới. Thời cơ chưa thuận tiện cho việc xuất bản, nên tôi đã để nó nằm yên đó". Bà nói thêm "Có lẽ tôi đã sai lầm khi cho xuất bản truyện này vào năm 1990. Khi các nhà văn Cộng Hòa Dân Chủ Đức tham quan các quốc gia phương Tây, người ta mong đợi ở chúng tôi mỗi chữ viết ra phải mang một ý nghĩa chính trị, và mỗi lời nói của chúng tôi là một lời phát biểu có tính cách chính trị". Bà còn nói là đã bị hiểu lầm theo nghĩa đó, và nghĩ rằng những lời công kích bà bắt nguồn từ ý muốn mô tả Đông Đức như một thứ đế quốc ma quái, và cùng lúc đã khinh khi những người đã từng sống ở xứ đó. Đột nhiên, bất cứ ai đã chọn ở lại trong nước đều đã bị "suy thoái đạo lý".

Đặt tất cả những lời chỉ trích về tập *Was Bleist* căn cứ trên những biến cố xảy ra bên trong và bên ngoài Đông Đức (vì thật sự còn có

nhiều yếu tố chủ quan cũng như khách quan chưa được sáng tỏ) ra ngoài cuộc tranh luận, truyện ngắn này là một tác phẩm văn chương quan trọng. Quan trọng ở nội dung, ở hình thức và ở bút pháp.

Về nội dung, qua những biến chuyển tâm lý của nhân vật "Tôi" trong truyện ("tôi" là tác giả, hay "tôi" là người kể chuyện [narrator]? Nên nhớ là hầu hết các tác phẩm của Christa Wolf đều mang tính cách tự truyện, hay ít ra những kinh nghiệm, những kỷ niệm có thực của tác giả đã được thuật lại trong nhiều tác phẩm), người đọc thấy được tác giả đã sống một ngày như thế nào trong thời gian bị theo dõi. Từ những cơn sợ hãi, đến những chiêm nghiệm về đời sống bình thường của một con người bình thường, đến khả năng của ngôn ngữ diễn tả những trạng huống tâm lý của con người, người đọc đã kinh hoàng khi nhận ra sự mong manh của đời sống. Tất cả như sợi chỉ treo mành. Một dấu chân, một bức thư, một cú điện thoại, một người lạ đến viếng, hầu như lúc nào cũng sẵn sàng để dánh gục được đời sống đó. Và chỉ với sự hiện diện của một vài người công an, đời sống của một con người đã bị thay đổi toàn diện. Không còn có những tự tin về mình, không còn có những tin tưởng vào người, thân hay sơ. Một đời sống bị cô lập hoàn toàn. Chưa nói đến những đe dọa hay hành động nguy hại đến thân xác như đánh đập, tra khảo hầu như khi nào cũng có thể xảy ra, và đã xảy ra cho nhiều người khác. Việc theo dõi của công an Stasi, tuy trông rất giản dị, nhưng thực ra quá khốc liệt và phức tạp hơn là ta tưởng. Chỉ cần sự hiện diện của một vài người lạ, hết ngày này sang ngày khác xuất hiện ở trước nhà, cũng đã biến một nơi chốn thân quen ố như chính căn nhà của mình ố thành một nơi đầy ải. Chỉ cần thấy một tên người lạ, một địa chỉ không quen trên những bức thư cũng đủ làm cho thần kinh căng lên như màng trống. Đời sống vốn quý, nhưng sống như thế nào mới là biên giới ngăn cách giữa sự sống và cái chết. Qua những hình ảnh nhắc lại trong truyện, người đọc đã thấy ra được cái cảm quan của người bị theo dõi: một tấm gương soi đã vỡ, hay đã bị đập vỡ, đâu còn gì để mình có thể soi bóng trong gương mà biết mình là ai được nữa. Con người từ đó trở nên tha hóa với chính mình, ngay trong nơi chốn thân yêu gần gũi như căn nhà, như thành phố. Chiếc màn treo ở cửa sổ trở thành một thứ thành trì ngăn cách người bị theo dõi với đời sống bên ngoài, mà cũng là một cách chống lại hành động theo dõi của Stasi, bởi vì chính bức màn đó cũng đã khiến cho công an không thể thấy người bên trong.

Diễn tả tâm trạng và những biến động tâm lý của một người bị theo dõi, tác giả đã nhận ra ngay sự thiếu sót của ngôn ngữ. Cho nên người kể chuyện "Tôi" đã nhiều lần nhắc đi nhắc lại, là ngôn ngữ không còn khả năng diễn tả một cách chính xác nỗi kinh sợ, nỗi lo âu khiến con người như chênh vênh bên bờ vực nên phải hẹn đến một ngày nào đó, khi tìm ra một thứ ngôn ngữ khác súc tích và chính xác hơn. Quan niệm về tính bất khả của ngôn ngữ này cũng đã được tác giả nhắc lại nhiều lần, và rõ ràng nhất, trong bài diễn văn nhận giải thưởng Georg Buchner do Viện Hàn Lâm Văn Học và Nghệ Thuật Tây Đức tặng năm 1980 ở Darmstat.

Tại sao phải cần một thứ ngôn ngữ khác? Phải chăng là ngôn ngữ đã không còn mang ý nghĩa nguyên thủy trong một xã hội như xã hội của Đông Đức. Con người sống dưới chế độ xã hội đó cũng không còn quen thuộc với thứ ngôn ngữ mình thường dùng, bởi vì những từ đã mất hết ý nghĩa của nó. Hay còn đó mà không được phép dùng, hoặc dùng với một nghĩa khác, nhiều khi trái ngược. (Ở một mức độ thấp hơn, điều này chúng ta đã thấy xẩy ra ở Việt Nam: sau 1975, đã có nghe nói, tuy có vẻ khôi hài, nhưng cũng nói lên được phần nào hiện tượng ngôn ngữ mất dần ý nghĩa, nên cần phải có một cuốn Từ Điển Bắc-Nam!). Có ngôn ngữ mà không dùng được, không nói lên điều muốn nói, thì có khác gì với một thứ ngôn ngữ đã không còn ý nghĩa nữa. "Was Bleist" có hình thức của một tập hồi ký, vì thế rất chủ quan. Nhưng không chủ quan sao được khi những biến chuyển nội tâm và biến động tâm lý của một người sống hàng ngày hàng đêm dưới sự theo dõi của một guồng máy, một tổ chức công an vạn năng như Stasi! Hồi ký nhằm ghi lại những ấn tượng, những cảm quan và những ý nghĩ của một cá nhân, vì thế những điều được mô tả hay thuật lại chắc chắn phải có một "sự chân thực chủ quan" (subjective authenticity). Nhật ký là một thứ gương soi cho chính mình, và thường không phải là một bản văn bất kỳ ai cũng có cơ hội đọc được. Vì thế, khi viết nhật ký, người viết chỉ muốn ghi lại những cảm nghĩ thật, về những chuyện thật, đôi khi tủn mủn, mà chẳng hề nghĩ đến chuyện trau chuốt lời văn hay sắp đặt những diễn tiến của sự việc theo một trình tự nào đó. Ở nhật ký, ít khi tìm ra được sự thuận lý. Cảm quan luôn luôn chế ngự mọi sự lý luận. "Was Bleist" vì thế đã cho người đọc một cảm tưởng gần gũi thân cận với người viết, và qua sự gần gũi thân cận đó, nắm bắt được những điều người viết muốn truyền đạt. Bút pháp của nhật ký

sử dụng ngôn ngữ một cách trực tiếp, không trau chuốt, không văn hoa. Và vì ngôn ngữ là phương tiện ghi lại những cảm quan tự phát, nên đó là ngôn ngữ thường nghe, thường thấy trong một đời sống thường tình. Tất cả những yếu tố đó đã khiến cho người đọc thông cảm được nỗi kinh hoàng của một người sống dưới một chế độ đàn áp, tính mạng luôn luôn bị đe dọa, để rồi sau đó, tự đặt cho mình câu hỏi: Còn lại được gì?

*

Văn Học xin giới thiệu đến bạn đọc bản dịch Việt ngữ sau đây, dịch từ bản tiếng Anh của Heike Schwarzbauer và Rich Takvorian, trích trong *What Remains and Other Stories*, do Farrar, Strauss và Giroux xuất bản tại Hoa Kỳ, 1993. Vì bản dịch dài trên 60 trang, nên Văn Học sẽ đăng trong hai kỳ liên tiếp.

CAO XUÂN TỨ

thiền sư

Bướm vờn khóm giậu bâng khuâng
Dấu mòn phấn bụi ươm vàng gót chân
Hồng gai đóa rách tai ương
Ngõ vào khói quyện trầm hương ngát mùa.

Lá trinh thầy ép trắng tờ
Kinh chiều nhã nhạc mõ chùa gõ chơi
Muối tiêu phờ mái tóc đời
Trách chi phỗng đá ghẹo người thiền sư.

Suối trăng giữ mộng cà sa
Tròn lưng kéo lụa bên bờ sóng xuân
Nổi trôi đám bọt trầm luân
Thoáng ai cười nụ trên từng khói lam.

người tình người tù

Người tù bước mau
Người tình đứng đợi
Đêm mờ
chòm sao
le lói
Người tù nhăn nheo
ốm đói
Người tình
a ha
vừa mới
giải phẫu nụ cười
Người tình mỉm cười
Người tù cúi mặt
Bàn tay no xát quả tim cằn
Mân mê sợi chỉ đường nhăn
Khát khao gồng những lần gân
Giải phóng khai thông
Dối gian yêu ghét kiêu căng
Tan dần
tan dần
chút ăn ăn
chút ân cần
Mẩu thuốc thắp lên
Người tình cay mắt
Người tình đút cơm
Người tù dụi mắt
Người tình cúi hôn
Người tù ngơ ngác
Nắm cơm rơi tuột
lăn
lăn
lăn
Người tình nhún vai
Người tù cúi mặt
Người tình bỏ đi
Người tù đứng khóc.

CHRISTA WOLF THẠCH HÃN dịch

còn lại được gì

Chớ hốt hoảng. Một ngày kia, tôi sẽ kể lại chuyện này bằng một thứ ngôn ngữ, mà cho đến giờ, tôi mới chỉ nghe hiểu mà chưa nói được. Hôm nay, tôi biết là vẫn còn quá sớm. Nhưng liệu biết lúc nào là đúng lúc? Và lúc đó, liệu tôi có tìm ra được thứ ngôn ngữ ấy không? Một ngày kia, tôi sẽ già. Khi đó, tôi sẽ nhớ lại những ngày hôm nay như thế nào? Trong lòng tôi có một điều gì bừng nở trong những giây phút hạnh phúc, nhưng co rúm lại trong cơn sợ hãi. Lần cuối cùng tôi cảm thấy đôi chút hạnh phúc đó là lúc nào? Tôi chẳng quan tâm! Điều làm cho tôi quan tâm vào buổi sáng hôm đó, một buổi sáng vào tháng ba, trời gây lạnh, ảm đạm, là tôi sẽ nhớ lại ngày này như thế nào? Trong mười hay hai mươi năm nữa, tôi cũng vẫn còn nhớ về ngày hôm đó như một ngày vẫn còn mới trong đời và tôi đã không được sống trọn vẹn. Tôi bị kéo ra khỏi giấc ngủ ngay lúc có một hồi chuông inh ỏi ngân lên trong tôi. Tôi nhảy ra khỏi giường, đặt đôi chân trần lên tấm thảm lộng lẫy trong căn phòng của tôi ở Bá Linh. Tôi bước đến cửa sổ, đưa tay vén màn, mở các cánh cửa rồi nhìn ra sân sau. Khoảng sân đầy lúc nhúc những thùng tràn ngập rác nhưng lại thiếu hẳn dấu hiệu của sự sống. Đám trẻ con thường ngày cởi xe đạp có treo những chiếc máy thu thanh bán dẫn của chúng nay đã vắng hẳn. Những người thợ ống nước, những công nhân xây cất, ngay cả Bà G., cũng không thấy xuất hiện. Thường ngày, bà mặc áo ngủ lúi húi dưới sân, đầu đội chiếc mũ len màu xanh lục, nhặt những hộp giấy đựng hạt giống, những hộp đựng dầu thơm, hay hộp đựng những vật dụng mua từ cửa hàng quốc doanh, mở tung ra rồi ém dẹp chúng xuống, bó lại thành từng bó, chất lên chiếc xe tay bốn bánh rồi đẩy đi quanh góc đường đến bán cho một người mua giấy vụn. Bà la lối om sòm mỗi khi có người trong chúng cư lười biếng quăng những vỏ chai không vào các thùng rác, thay vì sắp chúng gọn gàng vào một chiếc thùng dùng vào việc thu nhặt ve chai, hay những người hàng đêm về muộn, đạp

cổng để vào nhà vì họ có thói bỏ quên chìa khóa, hay bực bội trước các viên chức của sở nhà đất không chịu gắn chuông cửa, nhưng hơn hết thảy, bà bực tức những thực khách của một quán ăn cạnh đó đã say rượu rồi phóng uế bừa bãi ra sân, ngay đàng sau cánh cổng trước.

Mỗi buổi sáng, tôi đã tập cho mình những thói quen tủn mủn: thu nhặt những tờ báo trên bàn, sắp xếp chúng lại gọn gàng rồi bỏ vào kệ báo, vuốt lại tấm khăn bàn cho thẳng, sắp xếp lại ly tách, miệng hát nho nhỏ một bài ca ("Những người khôn nói rằng hai với hai chẳng bao giờ là ba"), tuy lòng biết rõ những gì mình đang làm đều chỉ là vờ vĩnh. Mà vờ vĩnh thật. Tôi không khác gì một con nộm bị giật dây. Nhất là lúc tiến đến trước khung cửa sổ rộng nhìn ra đường Friedrichstrasse. Không có một chút ánh sáng mặt trời ban mai lọt qua cửa. Lúc đó trời vào đầu xuân, nên cũng không nắng mấy. Nhưng ít ra cũng có một chút ánh sáng buổi ban mai, thứ ánh sáng mà tôi vô cùng yêu quý, và muốn dành dụm được một liều lượng lớn để dành cho những lúc ảm đạm hơn.

Dĩ nhiên tôi biết là những bảo vật của thiên nhiên, tuy sinh sôi nảy nở khôn cùng, không phải muốn là có được. Tôi cũng còn biết một cách chắc chắn là những thức nuôi dưỡng thân thể con người ngoài những nhu cầu căn bản cứ tích lũy mãi lên mà ta không hay biết, và chính ta cũng không cần phải góp nhặt từng chút một. Tự nó tích lũy lên thân thể ta. Nên tôi lo sợ là những giây phút bị cô lập này chẳng giúp gì được cho thức nuôi dưỡng kia mà chỉ khiến cho chúng trôi giạt rồi mất hút đi trong tàn tạ của ký ức. Với nỗi sợ hãi có thật, mối kinh hoàng khôn nguôi, bất kể là tôi sẽ nắm bắt được gì, tầm thường hay nghiêm trọng, không cần biết là điều tôi nắm bắt được sẽ chịu đầu hàng ngay tức khắc hay vẫn chống cự cho đến giây phút cuối cùng. Và tôi đã đứng ở đó, như tôi vẫn thường làm mỗi buổi sáng, núp sau bức màn nhìn ra bãi đậu xe bên kia đường Friedrichstrasse, cốt để người ta không thấy mình đang nhìn trộm.

Họ chưa đến. Nếu mất tôi không lừa dối tôi - dĩ nhiên là tôi có mang kính - tất cả những chiếc xe hơi đậu ở hàng thứ nhất đều trống, và những xe đậu ở hàng thứ hai cũng không có người. Lúc đầu, cách đây hai năm - đây là cách tôi đo lường thời gian -, tôi đã lầm những chiếc ghế có chỗ dựa đầu cao với những đầu người rồi ngạc nhiên trước sự bất động của những chiếc đầu đó. Không phải

bây giờ tôi không còn lầm như trước, nhưng ít ra tôi cũng qua được giai đoạn đó rồi. Đầu người không bao giờ có hình dáng đều đặn và thường hay di động; nhưng những chiếc ghế cao lại có hình dáng đều đặn: tròn và cao - một sự khác biệt rất rõ ràng, mà một ngày kia, tôi sẽ tìm cách diễn tả một cách chính xác hơn bằng thứ ngôn ngữ mới mà tôi nghĩ là sẽ khó dùng hơn thứ ngôn ngữ tôi hiện đang dùng. Diễn tả cho được một giọng nói khăng khăng bám lấy một âm độ nào đó, và khi muốn thay đổi chỉ một chút âm sắc thì phải cần biết bao nhiêu năng lực. Chưa nói đến các từ ngữ. Tôi đang suy nghĩ về điều đó lúc bước vào bồn tắm, những chữ những từ buột khỏi miệng một cách nô nức, đầy ắm ắp những niềm tin, định kiến, hão huyền, giận dữ, thất vọng, hay thương hại cho chính tôi.

Tôi chỉ muốn biết tại sao bọn họ ở dưới nhà suốt ngày hôm qua cho đến nửa đêm, mà hôm nay lại chẳng thấy bóng dáng họ đâu.

Tôi đánh răng, chải tóc, xịt đủ thứ keo lên đầu, mặc áo quần, - lại cũng những thứ áo quần như ngày hôm qua: quần dài, áo len, một cách vô tư lự nhưng lại rất chăm chú. Tôi không có hẹn với ai, và chỉ mong sống một ngày trong cảnh cô tịch. Tôi đến bên cửa sổ một lần nữa, vẫn chưa thấy họ đâu cả. Dĩ nhiên, khi thấy không có ai ở đó, tôi dã tự bảo: thôi thế cũng dễ thở. Biết đâu tôi đang tự gợi cho mình có ý đang ngóng chờ họ? Có thể là tối hôm qua tôi như một người khùng, cứ nửa tiếng lại đến bên cửa sổ, nhìn trộm qua khe hở. Có ngày tôi sẽ thấy xấu hổ khi nhớ lại đêm hôm đó. Nhưng cả ba người thanh niên đã ngồi hết giờ này sang giờ khác trong chiếc xe Wartburg màu trắng bên kia đường đối diện với cửa sổ nhà tôi để làm gì?

Dấu hỏi. Tôi tự bảo là về sau làm ơn cẩn thận hơn khi đặt dấu chấm câu. Tốt hơn hết là nên theo quy luật chung chung vô hại. Quy luật đó xưa nay vẫn dùng được mà. Nhưng đó là lúc nào? Lúc người ta dùng dấu cảm thán nhiều hơn là dấu chấm hỏi ở cuối câu. Nhưng lần này tôi thấy khó thoát được những nỗi ray rứt chính tôi tự đặt ra cho tôi. Tôi bắc ấm nước lên bếp. Hãy để việc xưng tội giải tội cho những ai có đạo và những ông cha ông cố. Trước mắt, tội tôi không làm sao giải được. Màu trắng, nhưng tại sao trong tất cả các màu họ lại chọn màu trắng như trong mấy hôm nay. Tại sao lại không là màu dỏ của cà chua, hay màu xanh của thép, như những tuần trước. Màu sắc có ý nghĩa gì, hay những hiệu xe khác nhau có

ý nghĩa gì? Đâu phải là nếu chịu khó một chút, tôi có thể giải thích được những ý nghĩa bí mật của một hành tung bí ẩn như thế. Một hành tung dòi hỏi những người trên xe cua qua quẹo lại trong bãi đậu rồi ngừng xe ở một khoảng trống nào đó ở dãy thứ nhất hay dãy thứ hai. Đâu phải việc tìm hiểu hai hay ba người đàn ông trẻ, mạnh mặc thường phục ngồi trong xe, không có việc gì khác hơn là chõ mắt vào cửa sổ nhà tôi để làm chuyện gì đó, là một việc đáng cho tôi phải nghĩ ngợi.

Cà phê phải đậm và nóng, lọc qua phin, trứng luộc không nên để quá mềm, mứt làm ở nhà ngon hơn mứt mua ở tiệm, bánh mì phải là thứ có màu sậm. Xa xỉ! Xa xỉ! Mỗi buổi sáng khi thấy các thức ăn bày biện ra bàn, tôi đều nghĩ thế. Một cảm giác tội lỗi luôn luôn vương vấn trong đầu, thâm nhập chỉ để làm tăng sự khoái khẩu nơi những người đã từng biết thiếu ăn là khốn khổ như thế nào. Tôi không còn nghe nhiều về những tin tức từ các đài Tây phương (như tin về khủng hoảng năng lượng, những vụ hành quyết ở Iran, những hiệp ước tài giảm vũ khí chiến lược, toàn là những đề tài đã cũ rích). Mắt tôi chỉ chăm nhìn khung cửa sắt chống trộm ở nơi khung cửa thứ hai dẫn vào nhà tôi - đó là cánh cửa từ bếp ra sân, sau khi qua một bậc cấp ở phía sau nhà. Tôi bỗng nhớ lại trong một giấc mơ, chính bậc cấp dơ bẩn, hẹp, ngổn ngang những bàn ghế cũ đó đã được ai dọn dẹp sạch sẽ, rồi thấy có một đám người thô lỗ cứ chen chúc ở đó, những người mà tôi cho là "bụi đời" trong giấc mơ của tôi - một từ mà tôi không dám nói lớn trước mặt những con người ốm o nhưng nhanh nhẩu, thân thể đầy lông và chẳng biết xấu hổ chút nào kia đã vào được nhà tôi qua cánh cửa ở nhà bếp - một điều mà tôi luôn lo sợ -. Bọn họ đang xô đẩy cánh cửa, tìm cách phá những song sắt trên tường. Họ dùng thân để xô đẩy cánh cửa sắt thay vì luồn người qua phía dưới, trong khi đó, một đám người khác còn nhanh nhẹn hơn đám này, thân hình dẹp lép giống như những hình người cắt bằng giấy bìa, phụ lực bằng cách xô tiếp từ phía sau lưng đám kia. Bọn họ đã nói gì? Chúng bảo là tôi không nên để ý tới họ, và tốt hơn hết là xem như họ không có mặt ở đó. Không phải là họ dụ dỗm gì tôi, mà lại nói rất nghiêm chỉnh, cho nên tôi tức giận họ. Không ai có thể cấm đoán mình nằm mơ, và cũng chẳng ai trách cứ mình nằm mơ, nên tôi đã cười vang để chứng tỏ là mình không còn sợ hãi. Nhưng tiếng cười của tôi nghe gượng gạo quá.

Chớ nên hoảng hốt. Cái ngôn ngữ kia vẫn đang còn chọc ghẹo

tôi. Tôi nghĩ như thế lúc rửa chén bát, sắp đặt lại chăn nệm trên giường, trở ra phòng khách và ngồi vào bàn viết. Thứ ngôn ngữ kia của tôi cũng bắt đầu phát triển, nhưng chưa thành hình, vẫn còn biến những điều hữu hình thành vô hình; và không còn mô tả sự vật bằng hình dạng - màu đỏ cà chua, những chiếc xe màu trắng, trời ơi! - và càng lúc càng để cho tính vô hình của chúng càng lộ rõ. Tôi có thể hình dung được thứ ngôn ngữ đó là một thứ ngôn ngữ êm ái, bao dung và có thể nắm bắt được. Tôi sẽ không làm tổn thương ai, chỉ có tự hại mình. Dần dà tôi nhận ra lý do tại sao tôi vẫn chưa viết thêm được gì ngoài những trang giấy và những câu văn đơn lẻ như thế này. Tôi giả vờ chú tâm vào việc viết lách. Thật ra, đầu óc tôi không còn nghĩ gì thêm được nữa.

Họ lại đến.

Lúc đó là chín giờ năm. Họ đã đến đó được ba phút, và tôi đã nhận ra họ ngay. Lòng tôi cảm thấy như có một cơn chấn động, vẫn đang còn âm vang trong tôi. Chỉ cần nhìn vội cũng thấy họ có mặt. Hôm nay, họ đi xe màu xanh lục, và bên trong có ba người ngồi. Họ có thay đổi những người ngồi trong xe như họ đã thay đổi chiếc xe không? Và tôi muốn thế nào - thích luôn luôn là những người đó, hay thích thấy họ đổi người khác? Tôi không biết họ, à không, tôi có biết. Tôi có biết một người. Người vừa mới ra khỏi xe rồi băng qua đường hướng về phía nhà tôi nhưng chỉ để sắp hàng đứng mua xúc xích ở phía dưới cửa sổ, rồi tay bưng ba cái bánh xúc xích để trên chiếc dĩa giấy, ba ổ bánh mì nhét vào túi chiếc áo ấm màu xanh lục. Xe của họ màu xanh biển, bảng số... Tôi lại đi kiếm mảnh giấy tôi đã ghi những số xe. Khi nào đọc được số, tôi đều ghi lên giấy. Người đàn ông trẻ hay đồng chí này tóc đen, ở đường ngôi tóc thưa hẳn đi. Đứng ở trên cao nhìn xuống tôi có thể thấy rõ. Trong một giây lát, tôi cảm thấy thích thú với ý nghĩ mình là người đầu tiên nhận ra tóc anh ta bắt đầu sói, còn nhận ra trước cả người vợ của anh, bởi lẽ bà ta sẽ không bao giờ chăm chú nhìn anh từ trên cao như tôi. Tôi không thể không hình dung được làm sao họ có thể ngồi với nhau trong xe một cách ấm cúng như thế (ngồi chung trong xe cũng ấm cúng lắm chứ, nhất là lúc bên ngoài trời lạnh, mưa rỉ rả), họ ăn bánh mì xúc xích như thế nào, trong khi máy xe vẫn còn nổ. Rồi họ uống gì? Họ có mang cà phê theo như những công nhân khác thường làm không? Cảm giác của tôi trong những giờ phút này thật là phức tạp. Tôi vẫn không tìm ra được đúng chữ, tôi vẫn dùng

những chữ chỉ nằm ở vòng ngoài, tuy chúng có nghĩa nhưng không diễn tả đúng ý; chúng nói lên được thực tại nhưng lại che lấp sự thật. Tôi không thể nào nói một cách hăng say được nữa trong những lúc vô tâm như vậy. Nhưng nếu bạn không vô tâm thì bạn làm gì. Lo âu chăng? Tôi lật tự điển Đức ngữ của Hermann Paul, rồi chăm chú tìm những từ dùng diễn tả được nỗi ám ảnh của tôi, trong lúc đầu óc cứ mãi chìm dần, chìm dần vào trong cơn lốc của nỗi ám ảnh đó. "Lo âu" trong tiếng Đức cổ có nghĩa "rác rưởi, bất bớ, thiếu thốn", và còn có nghĩa là vây bắt trong danh từ pháp lý cổ xưa. Vây bắt, đúng, nghĩa này diễn tả ý một cách chính xác: bắt, giữ, rồi để cho tàn tạ rữa nát. "Đức Chúa Trời cảm thấy hối hận đã sinh ra loài người, nên lòng Ngài đã trĩu nặng lo âu". Như Martin Luther đã lừa tôi khi bảo người ta phải dứt khoát lựa chọn, hoặc chấp nhận hay chối từ, không là bạn thì ắt phải là thù. Có, không phân minh.

Bất cứ thứ gì ở ngoài cách phân định ấy đều là tội lỗi. Luther chửi Đức Giáo Hoàng là con heo tham ăn, gọi nông dân là những con chó điên. Người nào có thể loại bỏ được kẻ thù ra khỏi lòng mình là một người hạnh phúc. Nhưng trong ngôn ngữ của tôi, tôi sẽ dùng những tên gọi các con vật để dành gọi những con vật đó. Chẳng bao giờ tôi hay ai khác có thể dùng tên gọi heo chó, hay rắn rết, để gọi những người đàn ông đang ngồi ngoài kia. Có lẽ tâm tôi không thể nào thù ghét ai, dù là thù ghét một cách vừa phải chừng mực cả. Rốt cuộc, tôi không biết họ là ai. Tôi đã biết gì về họ đâu? Ngay cả thành ngữ "dân áo da", (công an, mật thám) cũng là một từ dã lỗi thời, từ lâu họ đã thay áo da bằng những áo may bằng hàng sợi nhân tạo, nhưng tôi không thể nói được là áo này do nhà nước phát hay cuối năm họ được trợ cấp để mua áo, và trợ cấp bao nhiêu. Và người ta cũng thường nói là khi bạn biết được điều kiện làm việc của một người thì bạn đã biết được một nửa về người đó rồi. Chẳng hạn, tôi muốn biết công việc hằng ngày của họ được phân chia như thế nào, nhận lệnh ở đâu, việc nào họ ưa làm hơn những việc nào, thích việc làm có xe để di chuyển hay việc làm phải đi bộ đến gõ cửa từng nhà. Trong lúc bàn đến vấn đề này, tôi cũng muốn đặt câu hỏi là những người đi tuần trên các đường phố, vai lủng lẳng đeo một chiếc xách trong có giấu máy truyền tin như những lời đồn không? Có nhiều khi tôi nghi là túi họ không đựng gì khác ngoài miếng bánh mì mà họ tìm cách che giấu những nhu cầu của họ để làm cho người ta phải trầm trồ mà thôi. Đó cũng là một cách bày tỏ

quyền lực một cách méo mó. Dĩ nhiên là không thể nào đến trước mặt họ mà hỏi: Xin lỗi, trong xách ông đựng gì? Cũng như không thể hỏi những người ngồi trong xe là họ có máy nghe lén không, và nếu có, thì tầm nghe được bao xa? Tuy nhiên, cũng có thể làm quen với họ mặc dù họ cũng có những quy luật riêng về liên hệ với người khác mà chỉ có trời mới hiểu: hoặc là bạn biết được quy luật, hoặc là bạn không biết gì về những quy luật đó cả. Chẳng hạn, tôi vẫn còn hối tiếc là tôi đã không làm theo bản năng đầu tiên của mình lúc mọi chuyện mới bắt đầu xảy ra, vào một đêm tháng mười một trời lạnh, định bụng mang cho họ một bình trà nóng. Rồi có thể thành thói quen: không phải là cá nhân tôi chống cá nhân anh. Ai có phận sự đó, và chúng tôi cũng đã có thể bắt chuyện để nói với nhau: chuyện thời tiết, chuyện ốm đau, chuyện gia đình.

Thôi thế cũng đủ. Chỉ thêm một bằng cớ nữa là tôi có một ao ước muốn được sống yên với những người chung quanh. Nhưng khuya hôm đó chúng tôi cũng đã uống hết trà, rồi đứng trong căn phòng tối bên cạnh cửa sổ mà ngày hôm sau chúng tôi đã treo màn lên che. Đột nhiên tôi muốn bật đèn, đến bên cửa sổ rồi đưa tay vẫy họ. Ngay lúc đó, ánh đèn xe của họ đã chớp lên, ba lần liên tiếp. Họ cũng có óc khôi hài đấy chứ. Chúng tôi đã lên giường ngủ, lòng bình thản hơn, ít căng hơn. Căng thẳng ư? Ít khi tôi tự nhận là mình bị căng thẳng cả. Nhưng bây giờ tôi thú nhận có sự căng thẳng đó ở nơi tôi, dấu hiệu cần thiết dẫn đến một việc gì không mấy vẻ vang sắp xảy ra chăng. Chẳng phải đây là cảm giác của một đứa trẻ khi bị người cha giận rồi ra lệnh một cách cộc lốc "Hãy ngủ đi", như ngầm muốn nói với nó là rồi con sẽ được thương yêu bù trừ. Và nếu người ta không gọi những cuộc độc thoại đã diễn tiến trong tôi lúc đó là ấu trĩ, ngây thơ thì còn gọi là gì nữa? Những lời độc thoại đó cuối cùng kết thúc bằng một câu hỏi hết sức ngớ ngẩn: Tôi muốn gì đây? Còn quá nhiều điều tôi phải học hỏi nữa kia! Như học cách làm sao đối đầu với một định chế như thể đối đầu với một cá nhân! Tôi tự khẳng định là đã vượt qua được giai đoạn đó rồi, tôi không còn trở thành những miếng mồi ngon cho những vụ phản kháng nữa, nhưng tôi đã qua được từ lúc nào? Một ngày kia, tôi hiểu là có phản đối, tôi không có mục tiêu để phản đối, và nếu có những nỗ lực giải thích thì cũng chẳng còn ai để mà giải thích. Tôi cũng phải nhận là những gì bấy lâu nay tôi chống đối giờ đã không còn với tới được nữa, cũng như những người đàn ông ngoài kia, họ ở ngoài tầm tay tôi. Họ

không cùng loại với tôi. Họ là những sứ giả của một loại người khác. Dã từ lâu tôi không còn có ý định lân la đến xe của họ, rồi chõ mắt nhìn vào xe với một nét mặt âu sầu chỉ để thấy những cái nhìn lãnh đạm ở nơi họ. Công tác duy nhất của họ là theo dõi người một cách dửng dưng khiến cho người bị theo dõi phải giận dữ, hay đúng hơn gây ra một nỗi sợ hãi mà chúng tôi biết có nhiều người dã phải chào thua, hay đẩy họ đến những quyết định điên rồ. Những hậu quả đó dương nhiên sẽ trở thành những chứng cớ biện minh cho việc theo dõi của họ. Tôi mong thấy có ai phá tan được cái vòng lẩn quẩn này vô cùng.

Đến một lúc nào đó, tôi có thể kể lại hết những chuyện này bằng một thứ ngôn ngữ mới của tôi, tự do hơn, mặc dù tôi biết đó là một điều rất khó làm, bởi lẽ những chuyện như vậy quá tầm thường. Nỗi băn khoăn. Những đêm mất ngủ. Xuống cân. Những viên thuốc. Những cơn mơ. Dĩ nhiên là tất cả đều có thể mô tả được. Nhưng để làm gì đây? Nỗi sợ hãi mà cả thế giới này ai cũng biết hoàn toàn khác với nỗi sợ hãi tôi đang có. Tóc tôi rụng từng nắm. Rồi sao? Tóc lại mọc lên, dày hơn trước. Những viên thuốc vẫn còn nằm nguyên trong hộc tủ. Mọi việc rồi sẽ đâu vào dấy. Còn những cơn mơ? Đúng, tôi không tự dối mình, nhưng ở trên đời này ai lại không có một cơn ác mộng. Không. Mỗi ngày qua, tôi tự nhủ với mình rằng muốn có một cuộc sống có đặc quyền như thế, tôi phải bước qua biên giới của những điều gì được người ta cho phép nói, biết chắc chắn rằng mọi sự vi phạm biên cương như thế sẽ bị trừng phạt. Tuy nhiên, tôi lại bảo với mình - khi nhận ra là đang nhìn chòng chọc vào tháp phát tuyến của đài truyền hình ở trên nóc bệnh viện nhãn khoa và hộ sinh nằm hơi chếch về phía phải của thị trường đôi mắt của tôi, rằng là tôi sẽ tiến đến gần biên giới của ngôn ngữ chỉ khi nào tôi cảm thấy mình có đủ khả năng để giải thích tại sao nỗi sợ hãi kia không bao giờ ngừng vào những ngày mà hình ảnh của chiếc xe chỉ là ảo ảnh trên võng mô, chứ không có thật trong thực tế, nỗi sợ hãi của tôi vẫn không nhẹ bớt chút nào so với lúc thấy họ thật sự theo dõi tôi. Tôi phải tìm cho được câu giải đáp cho hiện tượng đó, cho dù bằng bất cứ một thứ ngôn ngữ nào. Tôi còn có thể cho mình thêm được bao nhiêu thời gian nữa đây?

Thời gian là một trong những thứ đã nhắc nhở tôi. Một ngày kia tôi nhận ra rằng có lẽ vì một ý niệm khác biệt về mối tương quan căn bản với thời gian, hơn bất cứ một lý do nào khác, đã ngăn cách

tôi với những người đang ở bên ngoài đó - họ vẫn còn đứng đó kia mà, vâng, còn đó - bởi vì đối với họ, thời gian không có giá trị, họ đang phung phí thời gian vào một chuyện không đi đến đâu, một cuộc phung phí nhàn rỗi hết sức cao giá, mà rồi có lúc họ sẽ bực bội, nhưng lại không thấy làm cho họ bứt rứt. Ngược lại, tôi lại nghĩ là phung phí thời gian như vậy cũng là một việc làm hợp với họ. Họ ném thời gian qua cửa sổ một cách nhiệt thành bằng chính đôi bàn tay của mình, hay họ gọi đó là công việc họ làm? Điều này cũng dễ nghĩ ra thôi. Cũng có thể mường tượng được là họ đã lộ ra trên nét mặt những điệu dáng khiến cho những bà vợ thấy được họ là những người không ai thay thế nổi. Có lời đồn là nhiều khi họ cũng đã khoác lác, lúc cả gia đình ngồi quanh bàn ăn, trước mặt những đứa con còn trong tuổi vị thành niên của họ, khoe khoang về những điều họ theo dõi được trong ngày: sự yếu hèn của con người nơi những người bị họ theo dõi, hay những cuộc tình sống sượng mà nếu họ được phép nói hết, kể hết, sẽ gây khó khăn cho biết bao nhiêu người. Nhưng rồi người đó vẫn im lặng như một nấm mồ, không hề hé môi. Tôi tin rằng họ sẽ không nói một lời nào. Ngoại trừ một vài người cha ưa khoác lác. Trong thực tế, mỗi một người trong bọn họ đều biết rằng chỉ cần một tích tắc thôi, người ta có thể biến họ thành một kẻ thừa thãi.

Mỗi lần tôi nghĩ đến điều này tôi đều có một cảm giác ớn lạnh như lần nghĩ ban đầu.

Điện thoại. Một người bạn. Chào bạn, tôi trả lời. Không, bạn không buộc tôi phải bỏ dở những gì tôi đang làm. Sao không? Tôi trả lời rằng câu hỏi của bạn không thể trả lời gọn bằng một câu nói được. Bạn bảo, thì cứ dùng nhiều câu vậy. Để cho họ có thể ghi chép lại, tôi nói. Chắc chắn là tôi cũng đã coi thường kỹ thuật nghe lén của họ rồi đó, anh bạn bảo. Chắc chắn họ dành riêng một máy ghi âm để thu những lời đối thoại của mình mà. Tốn kém quá nhỉ, tôi nói.

Tiếp theo là một tràng cười tôi thường nghe mỗi khi có dịp nói chuyện như thế, có một chút khiêu khích, một chút kiêu ngạo. Nhưng nếu chẳng có ai nghe lén thì sao? Những cái kiêu ngạo tự tin của chúng tôi chỉ nhắm vào khoảng không mà thôi sao? Sẽ chẳng thay đổi được gì. Để cho tôi nghĩ về chuyện này một chút.

Tôi có biết được giọng nói của mình nghe như thế nào sáng nay

không? Vậy thì giọng nói của tôi nghe thế nào? Người bạn bảo: chắc chắn là chẳng có gì vui cả. Hay lỗ tai tôi đã nghe nhầm?

Tôi trả lời: Bạn gọi mà tôi không mừng sao? - rồi tiếp tục.

Chúng tôi hay nói chuyện với nhau như thế, tránh không nói những chuyện có thật. Tôi không thể không nghĩ đến một vài lần đã buột miệng nói ra những chuyện thật bởi vì tôi đã không đủ sức để kìm hãm chúng, rồi mất và giọng nói của anh ta đã thay đổi như thế nào. H. có khỏe không? Anh bạn bây giờ mới hỏi. Khỏe, buổi chiều anh ấy có thể tiếp khách. Còn chúng mình thì sao? Anh ấy hỏi. Khi nào có thể gặp nhau? Đến được khi nào thì đến, tôi trả lời. - đây là chuyện cần nói. Nếu thế thì trong vài hôm nữa anh sẽ đến đây, và sẽ báo cho tôi biết khi nào cần phải chế cà phê. Một vài người mà cả hai chúng tôi đều ngưỡng mộ chắc cũng phải thấy thú vị mà moi óc tìm cho ra chữ "cà phê" là ám hiệu gì giữa hai chúng tôi.

Tôi không thích những loại đùa cợt kiểu này. Cà phê à? Tôi nói, tôi nghĩ là anh thích trà hơn. Không đúng vậy đâu, anh trả lời, và tôi cũng khôug nên lẫn lộn những ám hiệu. Tốt, tôi trả lời. Suy nghĩ một lúc rồi anh hỏi tiếp, vẫn cùng một giọng nói đó: Chị đang có khách à?

Tôi không thích những câu hỏi như thế này, nhưng trả lời có, vì không thể nói dối được nữa.

Thôi, vậy cũng tốt, người bạn trả lời. Sẽ gặp lại nhau.

Đột nhiên tôi nghe tiếng mình la lớn trong máy điện thoại. Hãy nghe đây bạn, có ngày rồi tụi mình cũng già, bạn biết không?

Anh gác máy. Tôi ngồi xuống bàn giấy, hai tay che mặt. Đúng. Đây là cách mà chúng tôi đã sống những ngày cuối cùng với nhau. Tôi không khóc. Nhớ ra, tôi đã thôi khóc từ lâu.

Dù hôm đó tôi không làm xong được việc gì, tôi vẫn muốn đi ra phố, ngay giữa lúc tôi đang có chuyện phải làm. Như thế là họ đã thành công. Tôi không gạt mình, bởi vì nếu tôi có tin tưởng vào một nấc thang luân lý nào, thì nấc thang đó là tính siêng năng, không phải vì nó quân bình được những bất nhất trong các nấc thang luân lý khác. Tôi không muốn bỏ cuộc như những người trẻ kia đã bỏ cuộc khi họ chọn một việc làm không ra việc làm, có làm việc chăng có lẽ cũng chỉ vì muốn tuân phục mệnh lệnh chứ không phải họ thật lòng muốu làm một ngày công xứng đáng.

Rồi sao đây? Lại đi suy nghĩ thay cho những người khác nữa

sao? Tôi mang giày, mặc áo choàng, khóa cửa hai lần, nếu khóa được ba lần tôi cũng đã khóa, mặc dù có khóa mấy cũng chẳng ích gì khi có chuyện xảy ra. Tôi đã biết rất rõ, là nếu những người đàn ông kia hay những đồng nghiệp của họ được huấn luyện kỹ về kỹ thuật mở khóa, chắc chắn họ đã đến viếng nhà tôi một lần trong lúc tôi đi vắng, nhưng mùa hè vừa rồi thì họ đã vào nhà tôi hai lần, không kể những lần họ vào nhà trong khi chị G. đang dọn dẹp nhà cửa. Mỗi lần làm xong việc, chị G. chùi hết các dấu chân, cho nên khi thấy có dấu giày cỡ 41-42 ở nơi bậc cửa hay trên sàn gỗ ở giữa phòng, chúng tôi đã sinh nghi. Vì thế nên chị G. đã nảy ra sáng kiến lấy bột rải dưới tấm thảm chùi chân để đằng sau cánh cửa trước, vì chị cho đây là cách hay nhất để biết có người đã vào nhà. Chị G. đã thận trọng chùi hết dấu chân của mình, cho nên ngày hôm sau những bước chân của họ đã lộ rõ nét trên sàn. Ngoài ra, bồn rửa mặt còn sót một vài mảnh kính vỡ mà không thể giải thích được. Vì vậy, chúng tôi đã cho rằng những người kia đã không có ý che giấu việc họ vào nhà lúc tôi đi khỏi.

Một người quen bảo đó là một sự dọa dẫm, nhưng chúng tôi có bị đe dọa không? Cho là có đi. Dĩ nhiên khi cần nói chuyện với người khác ngay trong căn chung cư của tôi, chúng tôi phải nói thật nhỏ. Mỗi khi nói tôi phải vặn lớn máy thu thanh, và khi có khách chúng tôi tháo dây điện thoại, thế mà chúng tôi vẫn ý thức được những biện pháp của những người kia và những phản ứng của chúng tôi lại ăn khớp với nhau như hai phần của một chiếc phẹc mơ tua. Nhưng không phải vì sự nhịp nhàng đó mà lòng tôi mang một chút hy vọng gì. Trái lại, tôi chỉ có thể tìm được một chút hy vọng mỗi khi tôi ở trong căn chung cư này mà không có cảm tưởng là mình đang ở trong căn nhà của mình. Tôi có cảm tưởng đó kể từ mùa hè trước.

Tôi đi ra ngoài. Họ có còn ở đó không? Còn. Họ có đi theo tôi không? Không. Theo lời một người quen biết rành việc theo dõi thì chúng tôi chỉ mới bị canh chừng với một hình thức sơ đẳng nhất mà thôi: đó là hình thức theo dõi để cảnh cáo. Lệnh cho những người theo dõi: Tạo sự hiện diện của mình một cách rõ ràng. Một hình thức theo dõi cao hơn phải dùng đến một, hai, có khi đến sáu chiếc xe (phí quá nhỉ!) dành riêng cho việc theo dõi từng bước một của người nào đó khi bị xem là thành phần nguy hiểm. Vì thế, phương cách này chưa áp dụng cho chúng tôi, và người bạn rành việc kia

cũng đã nhún vai đồng ý. Cũng có thể họ dùng cả hai cách để theo dõi một người.

Tôi cũng còn có thể bị một người nào đó rảo bộ theo dõi. Khi nhìn vào khung cửa kính hiệu thuốc tây, tôi không thấy có bóng dáng nào khả nghi. Tôi cảm thấy dễ thở đôi chút, nhưng khi nhận ra như thế, tôi cũng bực bội. Một chuyên gia nghiên cứu văn chương Nga từng cho tôi biết là Akhmatiova đã bị theo dõi như hình với bóng trong suốt hai mươi năm. Tôi mường tượng ra hình ảnh đó khi thả bộ dọc theo phố Friedrichstrasse, không bị ai theo dõi, săn đuổi, như một người bình thường và tự hỏi mình đã làm gì để có được cái đặc quyền đi bộ một mình như thế này. Tôi hiểu ra được rằng tự do sẽ trở nên tuyệt đối khi nó nằm ngay chính trong cốt lõi của sự phong tỏa. Họ chưa để cho tôi nhìn thấy hết những dụng cụ họ dùng để theo dõi người. Nhưng cái gì đã khiến tôi nghĩ đến những vật dụng đó? Ôi, tôi nhớ ra rồi, tối hôm đó, đoàn ca kịch Bá Linh đang diễn vở Galileo, ghi rõ ràng với những chữ lớn màu đen trên nền trắng, và không một ai ngăn cản buổi trình diễn đó cả. Đây là một vở kịch được sáng tác từ cái thời mà những biện chứng thuần túy còn có được đôi chút ý nghĩa, cùng với những từ như "tích cực" và "tiêu cực", thời mà còn có lý do để nói lên "sự thật", che giấu sự thật là tội lỗi, và còn tội lỗi hơn nếu không nói đến những lời dối trá thậm tệ độc hại, rồi gán cho kẻ nói láo một ác tâm, và tàn tích của thời đó còn sót lại cho đến ngày nay. Lịch sử của những ác tâm đó cũng nên được gộp chung vào trong những suy nghĩ về biên giới của những điều có thể nói ra được, tôi nghĩ thế. Người ta sẽ dùng thứ lời nói nào để diễn tả cho hết cái vô ngôn của những người không có lương tâm, ngôn ngữ sẽ diễn tả như thế nào sự khiếm khuyết chẳng chịu để cho một danh từ hay tính từ nào bổ nghĩa thêm cho nó. Khiếm khuyết không bao giờ có phẩm chất, nó không có một chủ thể, tương tự như một chủ thể thiếu lương tâm vậy. Tôi còn tự đặt cho mình câu hỏi: liệu những điều đó có thật chăng? Có thật là tôi chỉ tìm những lời bào chữa cho việc tôi gạt bỏ những người đàn ông trẻ kia ra khỏi cảm tình của tôi, cũng như họ đã gạt tôi ra khỏi cảm tình của họ? Ăn miếng trả miếng. Ngôn ngữ mới của tôi phải có khả năng nói về họ như thể ngôn ngữ đó sẽ nói về những sự thiếu sót hay thất bại của chính ngôn ngữ vậy.

Tôi luôn ưa đi bộ qua cầu Weidendammer. Tội nghiệp ông già B.B., khi nào cũng mang trong lòng một niềm tin vào cái điều khó

tin mà ông gọi là "khoa học", nhất định phải dùng phép chia để cắt một lối ngang qua cái rừng rú mà ta gọi là thành thị, quốc gia, sắc lẻm như chặt bằng một chiếc rìu, tin tưởng rằng thế giới sẽ chia làm hai dọc theo đường cắt này. Nhưng khu rừng khép kín lại đằng sau lưng ông, và trước mặt ông là một vực sâu. Galileo, sợ hãi nhưng cũng khôn khéo, đã tránh được sự phán quyết dành cho bọn dị giáo thời trung cổ và cũng đã để lại được những thành tựu của mình. Giáo hội lúc đó hăm sẽ đánh phá ông, nhưng cũng chính Giáo hội đã tạo phương tiện để ông chống lại Giáo hội: niềm tin vào ý nghĩa của sự thật. Ông chỉ cần làm một việc: sống với nỗi sợ hãi của mình. Vì thế, vấn đề còn lại chỉ là vấn đề nhân cách khi bàn đến chuyện ông có chống lại những lời dối trá hay không. Chúng ta, những con người đầy lòng sợ hãi, lại không có một đức tin nào hỗ trợ, luôn luôn tranh chấp với chính mình, bởi vì chúng ta đã dối trá, đã phải quỳ gối, đã phỉ báng, đã có lòng tham một kiếp sống nô lệ cũng như ham muốn khoái lạc. Có khác chăng, là khác ở chỗ có một số người đã nhận thức được, trong khi đó một số khác lại không hay biết.

Tựa tay vào thành cầu, tôi nhìn đàn vịt, bầy chim hải âu, và một chiếc sà lan lớn treo lá cờ ba màu đỏ đen và vàng trên sông. Trời có gió như thường lệ. Ngay giữa cầu, một con chim đại bàng đúc bằng sắt treo cao trên đầu, đôi mắt nó nhìn tôi chòng chọc như muốn trêu ghẹo, nên khi đi ngang qua, tôi đã đưa tay vỗ nhẹ vào nó. Như thường lệ, mỗi lần đi qua cầu tôi lại nhớ đến những lần đi bách bộ qua những đường phố cách đây hơn hai năm về trước. Và tôi cũng nhớ đến nỗi ước ao có được sự bình yên với bất cứ giá nào. Tôi nhớ là mình không thể cầm lòng được trước những giây phút hạnh phúc, vui sướng đó. Tôi nhớ tôi đã òa lên khóc mỗi lần thấy đài truyền hình chiếu những phim nói lên được niềm hy vọng từ lâu tôi hằng nuôi dưỡng. Và tôi không bao giờ quên được giây phút đó - lúc tôi đang trầm tư trước khung kính bày hàng của một tiệm tạp hóa loại xoàng, bỗng nhận ra nỗi đớn đau đang dày xé người tôi như một cơn sét đánh. Lúc đó, tôi đã không nhận ra. Nỗi đớn đau đã chụp phủ lên người tôi, đã chiếm đoạt tôi và biến tôi thành một người khác.

Đó cũng là lúc những người đàn ông trẻ kia xuất hiện trước cửa nhà tôi, và họ chưa hiểu được rằng rồi có ngày tôi sẽ mặt đối mặt với họ. Trong khi họ đang từ dưới lòng đất riêng của họ trồi lên, tôi lại rơi xuống một trũng đất khác xa lạ của riêng tôi. Một cánh tay bấu lấy ngực tôi, một cánh tay khác che lên mắt tôi. Tôi như đang

sống trong một xứ lạ. Hết tuần này sang tuần khác tôi cứ mãi lang thang trên những con phố không tên của một thành phố không tên. Mùa đông đến với tuyết, với bùn, với cái lạnh buốt xương xuyên qua da thịt của tôi như thể thân xác tôi không thật sự hiện hữu. Vậy mà thân xác đó vẫn còn ghi lại những ký ức đã cùn mằn về những niềm vui đã qua, nhớ bánh mì, rượu chát, tình yêu, mùi da thịt con trẻ, hình ảnh các danh lam, thị thành, những khuôn mặt. Để rồi bây giờ thân thể tôi chỉ thoát ra một nỗi cô đơn như một luồng gió thoảng mát lạnh mà ai đi ngang qua cũng cảm thấy được.

Đầu óc tôi trống rỗng. Tôi đi tiếp đoạn đường còn lại dọc theo thành cầu thấp xây bằng đá. Đoạn đường bị chận ngắt ở một đầu bằng một lối đi dẫn vào một căn nhà lầu kính - người bình dân gọi đó là "pháo đài lột xác" - nơi mà những người dân thuộc các quốc gia khác, kể cả nước tôi, bị biến đổi thành những kẻ qua đường, những du khách, những người ra vào thăm viếng, nhờ một vùng ánh sáng từ những khung cửa sổ hẹp trên cao rọi xuống, phản chiếu vào những bức tường màu xanh lát gạch hoa màu lục, thứ ánh sáng đã rọi cho những nhân viên của ông chủ thành phố, trong những bộ đồng phục quan thuế hay cảnh sát, hành xử quyền giam giữ hay thả người. Nếu những dáng dấp bên ngoài có nói lên được chức năng của căn nhà, thì nó phải là một con quái vật chứ không thể nào là một căn nhà được xây bằng đá, bằng kính, bằng những trụ sắt, chung quanh có vườn cỏ được chăm bón cẩn thận đến nỗi chẳng ai dám dẫm lên. Tôi cũng đã học được một điều là không bao giờ tin vào những nơi, những vật được chăm sóc cẩn thận như thế, và cũng đã hiểu được rằng những vật đó thuộc về vị lãnh chúa đang cai trị thành phố mà chẳng ai dám chống đối này: lợi điểm hết sức tàn nhẫn của một thời. Chỉ có lúc đó tôi mới nhận ra rằng đã có một thời, thành phố này đã rực lên một ngọn lửa. Tôi chưa biết tên gọi, nhưng cho đến khi người ta tìm cách dập tắt ngọn lửa đó, vùi lấp những ánh lửa, dập vùi hết những tàn lửa ẩn kín bên trong, tôi đã bị ngọn lửa đó thu hút một cách vô vọng. Cho tới giờ, tôi vẫn còn phải sống chung với những người khác trong cái thành phố lạc lõng, một thành phố vô cùng tàn nhẫn chưa được giải thoát này và cứ chìm dần vào tận đáy sâu của sự vô nghĩa. Hằng đêm tôi nghe rõ tiếng ầm ầm của một con rô-bô đang đôi bàn tay sắt đè lên ngực tôi. Thành phố này đã từ một nơi-chốn biến thành một chỗ không-nơi-chốn mất rồi, không có quá khứ, không có tầm nhìn, không có

những ma thuật, lại bị lòng tham, quyền lực, bạo động phá cho tan nát. Chỉ đùng thời gian vào hai việc: tạo những cơn ác mộng và làm những việc phi lý - giống như những người trẻ ngồi trong chiếc xe kia, càng lúc họ càng trở thành một thứ biểu tượng cho cái thành phố đó của tôi.

Đến đây tôi thấy cần phải nói chuyện với một con người bằng xương bằng thịt. Tôi bước vào một tiệm rượu nhỏ bên dưới cầu xe điện ở đường Friedrichstrasse, ở đó có một bà lớn tuổi gầy ốm, tóc bạc, đứng bán hàng và đang chờ tôi. Bà khơi chuyện, nhắc đến một loại rượu vang đỏ mà bà có sẵn, nhưng khách hàng của bà ít người thích. Ra vẻ hài lòng, bà lấy trên kệ xuống một chai khác cho tôi.

Bà làm việc ở đây đã lâu chưa? Ô, có lẽ là suốt đời tôi. Bán ở đây hay cạnh đây. Bà ấy là một người đàn Bá Linh chính cống.

Nếu vậy thì bà phải biết được một đôi chuyện.

Nói về chuyện, bà chẳng biết phải bắt đầu từ đâu! Những chuyện đáng tò mò nhất đã xảy ra ngay trước mắt bà. Bà ấy thích từ "tò mò", bà luôn luôn lặp lại từ đó. Tôi không hiểu mình còn có thể nghe thêm được những chuyện tò mò như vậy nữa không, nhưng vẫn giả vờ thích nghe những kỷ niệm của bà ta. Những chuyện bà kể rùng rợn, - rùng rợn thật đấy, nhưng điều làm cho tôi ngạc nhiên hơn lại là điều chính bà ta cũng đã nhận ra được cái ghê tởm của câu chuyện. Bà là một ngoại lệ. Lúc đầu, tôi đoán ra được qua giọng nói của bà, nhưng rồi tôi hiểu được là bà vẫn còn luyến tiếc một người bạn gái gốc Do Thái, người mà bà đã chung sống buổi thiếu thời, đã cùng nhau lên chuyến xe điện từ quảng trường Alexanderplatz đến Kudamm mỗi buổi sáng. Bà đến làm việc ở tiệm hàng (lúc đó còn học việc), còn cô bạn gái của bà (tên là Elfirede, Elfi, hãy tưởng tượng một người đàn bà Do Thái mang tên là Elfi) đến ngân hàng ngồi cộng những con số. Cô ấy cho đó là một công việc nhàm chán. Đó là lúc nào vậy? 1935, 36 gì đó... Đừng nhìn tôi như thế! Người bạn trai của Elfi, một sĩ quan mật vụ quốc xã, đã ngỏ ý đưa Elfi trốn ra khỏi nước. Nhưng Elfi trả lời là cô không đi nếu không có cả gia đình đi cùng. Anh chàng yêu Elfi mê mệt. Dĩ nhiên là không thể nào đưa hết cả gia đình ra khỏi nước được, nhưng khi biết ra thì đã muộn. Tôi đoán anh ta cũng đã tổ chức cho cô ấy vượt thoát, có nghe nói trốn qua Hòa Lan. Một ngày đẹp trời kia, khi chúng tôi vừa đi qua khỏi góc đường

Joachimsthaler, nơi anh chàng hay ngừng xe đợi Elfi để mong bắt gặp ánh mắt của nàng, chúng tôi thấy xe của anh đậu ở đó. Khi đến gần lại thấy lố nhố những sĩ quan trong những chiếc áo choàng dài, đội mũ trông rất thể thao. Viên sĩ quan bạn của Elfi ngồi trên xe bên cạnh người tài xế, mắt nhìn thẳng về trước. Tôi nói thầm với Elfi: Đừng quay lại! Cứ đi thẳng, và nhất là đừng bỏ chạy! Và chúng tôi đã đi thoát. Rồi Elfi không còn nghe tin tức gì về anh chàng ấy nữa. Chẳng bao giờ có được mọi thứ mình muốn, có lẽ cuối cùng rồi anh chàng đó cũng hiểu ra như thế. Chai rượu giá 30 marks.

Người đàn bà dường như không muốn tự mình nói tiếp câu chuyện mà cần có tôi thúc giục. Elfi à? Dĩ nhiên là họ đã đến bắt nàng. Năm 1942 là năm cuối họ bắt hết số người Do Thái còn sót lại ở Bá Linh. Nàng bị bắt cùng gia đình. Tôi không bao giờ tìm được một người bạn gái khác như nàng, càng già càng khó, phải không? Những chuyện đó cứ còn mãi trong đầu cả chục năm. Chúng tôi có thể thu giấu được một người, nhưng cả gia đình thì làm sao được...

Tất cả đều điên rồ, bà lớn tiếng với tôi. Mỗi khi nghĩ lại, tôi cũng thấy tất cả là một chuyện điên rồ.

Tôi không muốn nhắc lại tất cả những chi tiết đó thêm một lần nữa. Tôi nhìn chăm chăm vào khung cửa kính tiệm sách ở ga xe lửa, đi lòng vòng quanh sạp báo, rồi quyết định đi qua tiệm tạp hóa ở phố Nhật. Đi mua sắm vốn là một phương thức thần hiệu để giảm bớt những đớn đau, nhưng lần đó đã không giúp gì được tôi, nhưng tôi cũng đã mua nước ngọt cho H. uống khi anh kêu khát. Những người đàn bà đứng sắp hàng trả tiền đều quá mập, dáng đứng cong như lưng bị trẹo. Theo thói quen, tôi cố tìm cho được một khuôn mặt mà khi nào tôi mở lời sẽ quay lại đáp ứng ngay. Tôi cố tìm mãi cho đến lúc một người đàn bà trẻ, ăn bận xềnh xoàng nhường chỗ cho một người đàn bà khác lớn tuổi hơn nhích lên phía trước vì bà này coi bộ không còn đứng nổi nữa. Tôi nghĩ cuối cùng rồi mình cũng có thể tìm ra được một người như ý. Phải vậy chứ. Thế nhưng cái cảm tưởng mình là một người khác kia vẫn còn mạnh mẽ trong tôi, không ngơi, nhưng tôi cũng biết là không nên quá chú tâm vào điều đó. Ngay cả những người đứng sắp hàng trước tôi, họ cũng không thể biết, không ngờ vực chuyện gì, tệ hơn nữa, họ không muốn biết chuyện gì - bạn không bao giờ nên hạ mục tiêu của mình xuống quá

thấp. Phải nhấm cho cao, để còn có nơi mà vói tới, để còn có tương lai mà hướng tới nữa chứ.

Thôi được. Tinh thần tôi đang chao đảo. Nơi tôi dừng chân sau cùng là nhà bưu điện, đến để rút tiền ra. Ai biết tôi cũng sẽ thấy là tôi bực bội như thế nào. Mọi điều mọi thứ bây giờ đều quá sức đối với tôi, việc gì cũng phải mất quá nhiều thì giờ, mặc dù lúc đó lòng tôi lại tự hỏi mình đang vội vã để làm gì, đang tìm kiếm cái gì đây. Luôn luôn có một cuộc sống hai mặt, sâu thẳm. Những khoái trá trước việc đương đầu với những gì sẽ xảy ra một cách bất trắc, càng lúc càng ghiền như ghiền thuốc. Tôi luôn luôn thấy có một sự thôi thúc để bày tỏ những cảm nghĩ của mình. Cùng trong lúc đó, tôi đã bất chợt gặp lại một người bạn cũ, và anh ta cũng đã nhìn thấy tôi. Tôi chắc chắn như vậy. Ánh mắt của chúng tôi chạm nhau trong một tích tắc, nhưng Jurgen M. đã làm bộ như chưa thấy tôi. Tôi không lạ lùng gì với cái bộ dáng đó. Liệu tôi có quen được không: một bức màn đã hạ xuống che mất kẻ kia; tròng trắng trong mắt người bạn long lên như cặp mắt cá; rồi che mờ nhãn cầu. Chúng tôi chưa bao giờ thấy nhau, chưa bao giờ gặp. Cũng được. Như vậy tốt hơn. Hãy bước qua bên quầy phía bên kia đi. Hãy bận rộn với những thứ giấy tờ trình cho người thư ký bưu điện, lật hết mẫu đơn này đến mẫu đơn khác, làm một việc gì đó, miễn là đừng có chạm mặt tôi khi đi ra thì thôi. Nhưng người kia, bây giờ là Jurgen M. đã có thể bớt lo: tôi sẽ chịu theo trò chơi của bạn. Tôi đã đi ra rồi đây, và không cách gì tôi quay đầu trở lại nữa đâu.

Đã từ bao lâu rồi, thời mà tôi còn có thể bước tới trước mặt một người bạn cũ, lòng biết chắc chắn họ sẽ vui mừng khi gặp tôi? Đã từ bao lâu rồi kể từ lần cuối cùng tôi có thể chìa tay ra bắt? Hay khơi mào một câu chuyện? Hay rút tay lại? Và bây giờ là câu hỏi lớn: Cần phải có bao nhiêu người nữa băng qua bên kia đường, bị thu hút bởi những khung cửa kính bày hàng hấp dẫn, thay đổi chỗ ngồi trong tiệm ăn, quay lưng lại với bạn, trước khi bạn hiểu ra để cư xử cho phải cách? Bạn phải nghĩ là những lần gặp gỡ như vậy là "ngẫu nhiên" trước khi bạn cho đó là có "dụng ý"? Tôi không thể nào nhịn cười được, bởi vì tôi luôn vui vẻ khám phá ra rằng những con số thống kê không làm sao trả lời được câu hỏi kia của tôi.

Cũng chẳng mất mát gì nhiều, tôi nghĩ. Mất một người bạn như Jurgen M. cũng không phải là một mất mát lớn, nhưng tại sao khi

thấy anh tránh tôi, tôi lại lấy đó làm điều. Tại sao lòng mình lại không cứng rắn hơn? Có gì đã sai trái ở trong người tôi chăng? Cơ năng nào trong người tôi đã không còn bình thường?

Thong thả, tôi sẽ kể từng chuyện một. Jurgen M. Lần sau cùng tôi gặp Jurgen M. là lúc nào? Cũng đã lâu lắm rồi, tôi biết chắc như vậy. Dĩ nhiên gặp trong một hoàn cảnh tốt đẹp hơn. Chẳng phải tôi đã ghẹo anh về chiếc cà vạt sặc sỡ của anh sao? Nhưng anh chỉ làm có một việc là cúi đầu một cách mỉa mai, rồi đưa cho tôi một ly rượu, lấy ở khay một ly khác cho anh, rồi cùng tôi nâng ly. Từ lâu đã không gặp nhau nhưng vẫn nhận ra nhau. Anh hỏi tôi có thích những họa phẩm không? Tôi trả lời là chẳng thích gì lắm. Đó là hôm khai mạc triển lãm ở Martsall, mọi chuyện đều êm thấm, người này người nọ gặp nhau, rồi hỏi chuyện như thể mấy năm rồi họ đã ra sống ở nước ngoài. Thật sự là chúng tôi cũng như đã sống ở một nước khác rồi đó. Tôi vẫn cố giữ mình theo quy luật như thường lệ, và khi có dịp tôi đã hỏi Jurgen lúc này anh làm gì. Tôi à, anh ấy trả lời, Ô, cũng chỉ là những chuyện bận bịu thường ngày thôi.

Anh chỉ nói bấy nhiêu đó, khi tôi nhớ lại lần gặp trước dây. Jurgen M., người bạn trai của một cô bạn học cũ, một người mà bạn bè cho là tương lai sẽ rất sáng sủa. Jurgen M., triết gia. Chẳng phải anh đã gây được nhiều sự chú ý khi cho xuất bản những tác phẩm đã gây sôi nổi kia sao? Tôi còn nhớ là anh gầy hơn, tóc còn rẽ ngôi ở một bên và đã thôi không còn liên hệ với người bạn gái của tôi nữa. Tôi mất liên lạc với anh trước, sau đó không còn tin tức gì về cô bạn gái. Anh có còn cộng tác với các tạp chí nữa không? Cuốn sách mà anh luôn nhắc tới đã được xuất bản chưa? Có phải vì thất bại, rồi sinh ra thất vọng về mình, chán ngán cuộc thế, có phải vì những lý do này mà anh tránh mặt người quen không? Tôi có phải là người nối lại tình bạn xưa với anh không? Nhưng tôi cũng đã thấy có gì khang khác ở nơi Jurgen M. rồi. Một người nào đó đằng sau tôi huýt sáo lanh lảnh, âm vang the thé vọng lên làm át cả tiếng xe cộ. Anh ta đang huýt sáo một bài ca mà tôi biết: "Chúng tôi thề với Karl Liebnieck rằng chúng tôi đã hết lòng hỗ trợ Rosa Luxembourg". Tôi bắt đầu khóc. Phải ngưng khóc thôi! Tiếc thay, rồi sẽ ngưng khóc, có lẽ chỉ trong chốc lát nữa thôi. Người đàn ông đang huýt sáo kia thân hình to lớn, vai rộng, trạc độ 40, bận áo quần nỉ màu đeu như y phục của những người thợ mộc, chỉ khác là hàng nút

không được bóng loáng mà thôi. Ông ta nhởn nhơ vừa đi vừa huýt sáo đến trước cửa tiệm bánh, chẳng màng đến những người chung quanh đang nhìn ông chòng chọc, rồi mất hút vào bên trong.

Tôi có thể hình dung ra được một hình bóng đàn bà đi bên cạnh người đàn ông này không? Luôn luôn có những người đàn bà mà tôi nghĩ chẳng thể nào có được một người đàn ông đi bên cạnh, nhưng lần này tôi lại hỏi ngược lại. Không có gì khó khăn khi phải mường tượng ra một người đàn bà đi bên cạnh Jurgen M., những người đàn bà lòe loẹt như thế có cả hàng tá, bởi vì anh ta chỉ có thể bỏ cô bạn gái của tôi, tuy khó tính một chút nhưng lại là một người rất đặc biệt, để đi theo những người đàn bà kia mà thôi. Hay là chính cô bạn của tôi đã từ bỏ anh trước? Chúng tôi cũng đã ngớ ra đôi chút không hiểu tại sao hai người lại bỏ nhau sau những năm dài tình nghĩa như thế.

Sao lại cứ lo toan mãi về anh chàng Jurgen M này, đồ quỉ. Anh ta có đáng cho tôi phải nghĩ ngợi không? Hồi đó chính anh ta cũng viết một bài báo kinh tởm chỉ trích thầy mình, vào một thời kỳ cũng khó khăn như bây giờ! Con người tôi là như thế, quên cả cái chuyện mình đã định tâm không muốn làm là sẽ không bao giờ nói chuyện với anh ấy nữa. Thật không thể chịu được khi tôi nói chuyện với anh ấy về chiếc cà vạt anh đang mang trên người, rồi lại ngạc nhiên khi thấy anh hớn hở mời tôi ly rượu. Thấy tôi nói chuyện, anh tỏ ra rất vui lòng. Nhưng bây giờ chuyện đã khác, và vị trí hai người đã đổi thay. Cuộc sống khó khăn, nói đúng ra là tồi tệ, nên anh ấy chắc chắn là không muốn tỏ ra có quen biết với tôi. Hơn thế nữa, anh ta không được phép nói chuyện với tôi. Có lẽ anh cũng biết điều đó...

Hãy từ từ để tôi kể từng chuyện một. Anh ta có thể biết gì về tôi? Một người như Jurgen M. có thể biết được gì, ngoài vài tờ báo cáo chính thức lèo tèo, cộng thêm một mớ tin đồn, chừng đó cũng đủ làm cho anh choáng váng rồi còn gì? Hơn nữa, ngoài những người bạn của tôi ra còn phải có một vài người khác biết đến sự hiện diện của những người thanh niên ở bên ngoài nhà tôi. Chẳng hạn như ai kia đã gởi họ đến để theo dõi tôi.

Tôi đã nhận ra ngay tức khắc khi nỗi ám ảnh kia hiện ra trong đầu. Nhưng tôi không thể không đắm mình một cách vui thú trong nỗi ám ảnh đó được. Tôi biết rằng có một người nào đó đã biết rất rõ về tôi, ngoại trừ những chi tiết thật sự quan trọng. Tất cả những

tin tức về tôi do những người theo dõi, những người nghe lén điện thoại, những người kiểm duyệt thư thu thập được nên gộp chung lại rồi để trên một bàn giấy của ai kia, hay nhét vào óc của một người nào đó. Nhưng nếu đó là đầu của Jurgen M. thì sao?

Tôi có lý do để tin như thế, bởi vì ý nghĩ tiếp theo là như vầy: Rồi anh ta sẽ có hết những gì anh cần. Tôi cũng hơi sửng sốt trước ý nghĩ thứ hai này. Tôi có bao giờ chống đối gì anh ta đâu? Tôi biết anh ta cần những thứ gì từ khi nào? Tôi đã ghi chép những gì về Jurgen M. mà tôi không biết đến? Jurgen M. - người viết diễn văn - anh ta cũng có làm nghề này. Trước hay sau khi anh phỉ báng ông thầy học của anh? Tôi không còn nhớ rõ nữa. Anh nổi tiếng là một người thẳng thắn, và thật sự anh là một người thẳng thắn, nhưng những gì anh ta đã nói gây cho tôi một ấn tượng là anh biện hộ cho việc làm của mình trong quá khứ hay tương lai. Tôi còn nhớ là bạn bè tôi cũng đã hâm mộ Jurgen M. Cuối cùng, có người đã thuật lại mọi chuyện một cách chính xác hơn. Người ta đã nồng nhiệt khen ngợi anh. Tôi còn nhớ rõ là hôm đó tôi đã muốn bỏ đi về nhà ngay, lòng tôi chùng xuống, nhưng anh đã đứng chờ sẵn ở cửa và kéo tôi qua một quán bia. Số người ngồi ở bàn tôi càng lúc càng đông, đêm dài lê thê. Tôi không biết là anh ta đã say. Khi anh không còn kiểm soát được những lời nói lảm nhảm, tôi đã phạm một lỗi lầm là hỏi anh tại sao anh uống rượu. Đầu anh quay ngoặt lại nhìn tôi như vừa mới bị ai tát. Anh trả lời, uống để quên phiền toái, bạn ạ. Anh ta đâm ra ghét tôi. Tôi đã làm điều gì sai quấy? Tôi nói một cách vô vọng bởi chính vì câu hỏi của tôi đã dập vỡ hết lớp vỏ bao quanh anh. Rồi từ đó anh tuôn ra những lời thú nhận mà tôi không muốn cũng phải nghe, bởi tôi biết là sau khi nói xong, không những anh ta chỉ ghét tôi mà thôi, anh ta còn là một người nguy hiểm cho tôi nữa. Nhưng tôi cũng đã nhận ra được cơn thịnh nộ của bạn và qua sự tò mò của mình, biết được là anh đã theo dõi tôi và đời tôi trong nhiều năm nay.

Anh đã biết rất rõ từng lời từng chữ tôi đã nói ra hay đã viết lên giấy, hơn thế nữa, anh đã biết những lời những chữ mà tôi từ chối không nói hay viết ra. Anh biết tất cả những liên hệ của tôi rõ ràng như một người nào đó đứng bên ngoài có thể tìm biết những liên hệ của một người khác. Anh đã theo dõi vào tận đời sống của tôi tới độ khiến cho tôi phải chao đảo và khi nghĩ rằng tôi sống hạnh phúc, tôi thành công, anh lại càng giận điên lên. Anh ghét nhất là niềm kiêu

hãnh của tôi. Kiêu hãnh, tôi hỏi một cách ngờ ngàng, làm sao có thể bảo là tôi kiêu hãnh được? Tôi nghĩ là chỉ có việc tôi có được mọi thứ trên đời ai cũng muốn mà chẳng cần phải bán rẻ linh hồn mình thôi. Hãy nhìn đi, tôi nói để làm nhẹ bớt sự căng thẳng, rằng chúng ta không còn sống trong thời Trung Cổ nữa đâu. Tối hôm đó, tôi đã không may mắn: tôi mớm cho anh những lời mà anh chờ đợi từ lâu, cho nên anh nói huyên thuyên. Không còn là thời Trung Cổ, bạn nói đúng đấy. Chính đó là điều tôi cố tin, và có lẽ tôi cũng đã tin như thế thật, chứ không lờn vờn quanh quẩn như anh nghĩ, dùng nó như một câu khẩu hiệu che giấu và cướp đoạt mọi thứ tự do. Nhưng ai có gan dám nói ngược với câu khẩu hiệu đó lúc này? Cứ mãi chơi trò đu dây, đầu óc ở trên mây mà không bao giờ rơi xuống đất, Jurgen M. nói. Nhưng bây giờ, chỉ giữa hai người thôi, anh muốn kéo đầu tôi xuống. Không còn là thời Trung Cổ à? Sai rồi bạn ơi. Chúng ta đang sống trong thời Trung Cổ đây. Có gì khác biệt đâu, trừ bộ mặt bên ngoài. Và rồi chẳng có gì sẽ đổi thay. Và nếu bạn muốn vượt lên trên đám đông ngu ngốc đần độn như một người có học, bạn sẽ phải bán rẻ linh hồn mình - xưa nay vẫn thế. Và nếu tôi muốn tìm ra sự thật, máu sẽ đổ, nhưng không nhất thiết là máu của mình. Không phải khi nào cũng là máu của mình đâu.

Bây giờ tôi bỗng nhớ lại những gì tôi đã biết lúc đó: họ đã nắm gọn anh ta trong lòng bàn tay. Và tôi còn nhớ tính kiêu hãnh của tôi - anh ta nói đúng, anh là một nhà tâm lý đại tài mà - đã thúc tôi hỏi anh một cách nhẹ nhàng. Tại sao anh không từ chối? Tôi còn nhớ mặt anh trắng bệch ra như một tấm vải trải giường, nheo mắt rồi cúi sát người tôi đến nỗi tôi có thể ngửi thấy được mùi bia trong hơi thở anh, và với một giọng nói rõ ràng tỉnh táo, anh bảo: tôi sợ. Nói xong anh lại say. Tôi đứng dậy, lấy tay gõ mạnh vào bàn rồi ra về. Nhiều năm sau đó tôi không còn gặp Jurgen M., tôi đã quên đi buổi gặp mặt mà chắc anh không bao giờ quên, để đến bây giờ anh không còn thấy cần phải tìm hiểu về tôi, chỉ việc ngồi yên trong ngôi nhà mắc đầy điện thoại để thu nhặt những tin báo về tôi thỏa thuê. Những tin tức về tôi mà không ai khác có được, để rồi mỗi buổi sáng cảm ơn số phận đã cho anh cái cơ hội thỏa mãn những ước muốn của mình mà lại vừa thấy có ích cho xã hội.

(còn 1 kỳ)

ĐOÀN NHẬT

theo vào trời xuân đất đỏ

Trái tim đất trời đập những nhịp nhiễu nhương roi rói
Tiếng gió rào lăn động ngành ngọn tháng năm
Đường phố mở lời con mắt sẫm nâu gạch ngói
Ngày thành hình trí tưởng đầy sắc đầy âm

Bước tới gần nắng vạn hoa đầy ngộ nhận
Nghe tiếng chim truyền giao trái rụng ở cuộc tình xưa
Chẳng thấy mình đâu bên bờ lận đận
Những búp nụ biếc trong trí giữa con phố trưa

Nỗi đời lạ lùng tắp trên cây cột điện
Những tình tự đậu trắng xóa mỗi cánh hoa
Bám níu cuộc sinh tồn giữa ngày hiện diện
Gió mây tở mở những cuộc can qua.

Theo dấu chân đạo sĩ vô vi vượt qua con dốc
Những cỏ xanh kết bạn cuộc phong trần
Giấc mơ biếc xanh thuở nào khổ nhọc
Hóa thân thành cánh chim hoang tưởng chi chít dấu chân

Hàng cây còi cọc đang mọc thêm nhánh đau suy tưởng
Dã tan chưa mùa lá động tiếc nuối tử ly
Tiếng động nào trong trí tan thành âm hưởng
Đất với trời chuyên chở thân xác tan rữa vun vút đi.

TRẦN THỊ LAI HỒNG

chuồn chuồn

Có những sợi chân tơ
Buộc hờ đời cọng chỉ
Để mặc gió đong đưa
Lửng lơ tờ cánh mỏng
Tận đáy mắt cầu vồng
Mộng càn khôn thu hẹp

Tháng bảy nhớ heo may
Đường bay chừ vạn dặm
Nẻo về xa thăm thẳm
Dẫu đậm nắng thưa mưa
Điệu đàn xưa đã lỡ
Còn vang mãi âm thừa
Nghìn xưa còn tiếc nhớ
Nghìn sau thôi mưa mau
Vui buồn nương chốn đậu
Dâu bể đổi thay rồi
Cõi đời đau sinh tử
Lòng chẳng lụy thực hư
Phù du chừ phận mỏng
Nặng ân sâu đức dày

Xin mây sà xuống thấp
Cho đất bằng vươn cao
Vào đông chồi nẩy lộc
Đơm một đóa hoa đào
Lượng đời nào có thật
Lòng mở hội xuân vào.

ĐINH PHỤNG TIẾN

trên đôi cánh hạc

Tôi sẽ không bao giờ nhắc đến câu chuyện ấy, nếu chiều nay, tình cờ tôi không gặp lại cánh chim lẻ bạn đang đứng ngẩn ngơ trên một nhánh cây xanh trong vườn nhà tôi.

Cánh chim ấy, dường như đã rất quen thân. Tiếng kêu lạc bầy hình như đang nhắc nhở cho tôi một cuộc đời xa xứ. Và bởi vì, dường như đã từ rất lâu, tôi đã chôn vùi biết bao nhiêu những kỷ niệm ở quê nhà. Mà ở chốn ấy, cuộc đời mỏng manh của một người con gái, chị tôi, đã bước đi trên những chặng đường của quê hương cùng với những thăng trầm của miền đất ấy. Tôi đã bỏ quê hương ra đi, nhiều năm tháng bước trên những cánh đồng tuyết phủ. Dấu chân mà thời gian để lại đã bị bôi xóa bởi những lớp tuyết chập chùng. Và cuộc đời tôi cũng đang chìm ngập bởi những lớp kỷ niệm chập chùng. Mà trong chốn ấy, vóc dáng của một người con gái năm xưa vẫn lồng lộng ở cuối chân trời.

Tôi đang sống bên chồng ở một nơi rất xa quê hương. Và chị tôi, người đàn bà ấy còn ở lại với quê hương nhưng mãi mãi chỉ có một mình. Một mình ở một nơi kín đáo, với tấm tình u uẩn đã chôn sâu dưới đáy một nấm mồ. Và cánh chim lẻ bạn chiều nay, nhắc cho tôi câu chuyện ấy. Cánh chim vẫn đứng ngẩn ngơ trên nhánh cây xanh, buông những tiếng kêu lạc lõng.

Đó là một đôi chim rất đặc biệt của mùa hè năm trước. Mầu lông và cái chấm đen trên đỉnh đầu làm cho tôi nhớ mãi. Tôi nhớ đôi chim ấy vì suốt cả mùa hè, chúng vẫn đậu ở một bụi hoa trong vườn, âu yếm rỉa lông cho nhau. Cho đến cuối thu, đôi chim ấy đã bỏ đi, trốn rét ở một nơi nào tôi không biết. Bây giờ mùa xuân đã

trở lại, bụi hồng đang nở những cánh to... thì cánh chim ấy trở về. Lần này, cánh chim ấy chỉ có một mình, bơ vơ. Và chiều nay nó đang đứng ngẩn ngơ trên một nhánh cây xanh trong vườn nhà tôi. Tôi không thấy người bạn đồng hành của nó đâu nữa. Nó cất tiếng kêu mà, thoắt trong thoáng chốc, tôi tưởng như một lời than ai oán. Những lá xanh, cánh hồng đỏ, nắng chiều rực rỡ và cánh chim lẻ bạn ấy khiến tôi nhớ tới người đàn bà mà, dường như định mệnh nghiệt ngã đã buộc phải đi hết một kiếp người lẻ bóng. Tôi nhớ tới người chị của tôi với hết cả cuộc đời đã in bóng mình trên những chặng đường đã được dành sẵn.

Chị Hợi sinh ra đời vào năm Hợi. Và tôi sinh ra vào năm Dậu, năm Ất Dậu, kém tuổi chị tôi mười năm. Ở giữa chúng tôi, còn có một vài người anh và một người chị gái khác, sau nữa còn một vài người em trai và gái. Tôi đã cảm nhận một điều, trong tuổi thơ của mình là dường như bố tôi thương chị Hợi của tôi nhất nhà. Sau đó, tình thương bố đã dành cho tôi nhiều nhất, kể từ khi chị đã qua đời. Để cắt nghĩa điều ấy, có lẽ một phần là do tôi có dáng dấp giống chị, phần khác vì tôi là một đứa trẻ yếu đuối nhất nhà. Về sau, mỗi lần nhắc tới chị tôi, bố thường thở dài. Ai cũng nói rằng chị Hợi là người con gái xinh đẹp nhất nhà và xinh đẹp nhất vùng. Theo lời bố kể lại, khi chị Hợi mười tuổi thì mẹ sinh ra tôi. Đó là năm mà đã có tới hai triệu người dân ở miền Bắc dã chết vì nạn đói chỉ trong vòng mấy tháng. Cuối năm đó, những tiếng súng đầu tiên đã nổ trong thành Hà Nội. Bố tôi đã mang gia đình về sống ở một miền quê hẻo lánh. Thời gian ấy, bố tôi đã bị Việt Minh theo dõi rất gắt. Vì khi ấy, những đảng phái không do những người Cộng sản cầm đầu đang bị dồn vào những bước đường cùng quẫn. Có những xác người bị trói thả trôi sông. Có những chiếc đầu lâu bêu giữa phiên chợ. Những lưỡi dao găm cắm sau lưng. Những cái chết mờ ám ở mọi nơi... Sau đó không lâu, bố tôi vội vã mang cả gia đình trở về thành.

Thời gian ngắn ngủi ở vùng quê ấy, theo lời bố tôi kể lại sau này, là những chuỗi ngày thảm não. Những người dân miền Bắc không thể hiểu được vì sao họ đã phải chết gục trên những cánh đồng không còn một hạt lúa. Những vườn sắn, nương khoai chỉ trong một mùa ngắn ngủi đã bị biến thành những vườn day để phục vụ cho chiến tranh. Những chiếc phi cơ của Đồng Minh bay lượn, phơi cánh bạc dưới nắng mặt trời báo hiệu những tin mới. Gia đình chúng tôi đã qua những ngày khốn khó ấy ở quê nhà. Một thời kỳ

tối tăm, bếp tro lạnh tanh, không dầu đèn. Những buổi tối chỉ có một xâu hạt bưởi đốt lên, thắp sáng trước khi đi ngủ. Mùa gặt mới chưa đến. Chính sách tiêu thổ kháng chiến đã biến những vùng đất xác xơ ấy trở thành vườn không nhà trống. Tuổi thơ của chị Hợi bay nhẩy trên những hoang tàn của quê hương.

Khi chị Hợi mười bẩy tuổi, chị đã nổi tiếng là một người con gái có nhan sắc. Vẻ đẹp thùy mị của chị đã cuốn hút không biết bao nhiêu người con trai, mà trong đó có một người, đã đem lòng yêu thương chị cho đến hết cả cuộc đời. Về sau tôi cũng biết được rằng chị cũng đã ôm ấp hình bóng người thanh niên ấy cho đến khi chị nằm xuống trong một hoàn cảnh vô cùng đau đớn.

Anh Vĩnh, tên của người thanh niên ấy, đã đến với chị, đã đến với gia đình chúng tôi rất hồn nhiên. Anh đã được bố tôi và gia đình mau chóng chấp nhận. Bởi vì, hai người ấy gặp nhau là họ yêu nhau ngay. Mối tình ấy vô cùng đẹp đẽ và vô cùng trong sáng.

Những ngày thơ mộng ấy của chị Hợi, tôi nhớ là một mùa hè. Anh Vĩnh đâu như là một sinh viên trường thuốc học ở Pháp về thăm nhà. Hình như do một sự mai mối, xếp đặt nào đó giữa hai gia đình thì phải. Gia đình anh và gia đình tôi đã có những mối quan hệ riêng tư từ lâu đời mà chúng tôi không hề biết. Thế rồi, trong dịp nghỉ hè năm ấy, anh Vĩnh đến thăm và... họ gặp nhau. Trong đời chị Hợi của tôi đã có một mùa hè. Và chị chỉ có một mùa hè năm ấy. Một mùa hè đầy ánh nắng mặt trời, đầy gió, đầy tiếng chim kêu ríu rít trong vườn... để rồi sau đó là những mùa đông, những mùa đông lạnh giá cho đến hết cuộc đời. Cuộc tình thơ mộng ấy sẽ dẫn đến hôn nhân theo lề lối xưa vì cả hai gia đình đều muốn như thế. Anh Vĩnh và chị Hợi cũng muốn như thế.

Khi bố tôi đem gia đình về thành để tránh những cuộc ruồng bắt của những người Cộng sản thì hầu như gia đình bên ngoại tôi vẫn còn ở lại cả trong vùng Việt Minh kiểm soát. Khi guồng máy hành chánh và quân đội, từ trong tay người Pháp chuyển giao dần sang chính quyền Quốc gia, bố tôi tham gia trong ngành an ninh. Trong khi ấy, ở quê nhà, một vài người anh em bên ngoại tham gia trong những tổ chức Cộng sản. Thời ấy, hoạt động của những người Cộng sản vẫn núp dưới danh nghĩa kháng chiến, vì đảng Cộng sản đã giải tán.

Trong hoàn cảnh mà đại gia đình ở tại hai vùng khác nhau, nên

việc tổ chức lễ vấn danh cũng như lễ kết hôn của anh chị theo lề lối xưa gặp nhiều khó khăn. Bố tôi vẫn cho rằng, trước một việc trọng đại như vậy, gia đình tôi phải được sự chấp thuận của bà ngoại. Mà bà ngoại thì ở quê, trong vùng Việt Minh kiểm soát. Bố tôi, vào lúc ấy không thể về được. Mẹ tôi cũng không thể về, vì cả đời mẹ hầu như rất ít khi đi xa.

Tôi nhớ là sau nhiều ngày bàn bạc, bố quyết định cho chị Hợi về quê một mình để làm công việc ấy. Bố quyết định như thế vì nghĩ rằng chỉ có chị Hợi đi sẽ ít nguy hiểm hơn và hẳn bà ngoại tôi cũng sẽ hiểu cho điều đó. Chị Hợi hăm hở lên đường. Năm ấy chị Hợi tròn mười bẩy tuổi. Chị đem theo trầu cau để biếu họ hàng như một lời loan báo lễ đính hôn của chị, cùng với lá thư của bố tôi trao tới tay bà ngoại.

Chiều nay tôi gặp lại cánh chim lẻ bạn trong vườn. Tiếng chim ấy thoắt kêu lên như một lời vang vọng từ chốn xa xôi, từ tận quê nhà. Nơi có một mùa hè năm ấy. Tôi chợt nhớ đến những mảnh đất ở miền quê cũ. Những mảnh vườn dâu xanh mà bóng dáng mẹ thấp thoáng ở sân trước, vườn sau. Ngôi giáo đường cũ. Tiếng chuông trong những buổi chiều lặng lẽ của mùa thương khó năm xưa. Quê hương tôi đã đi qua trên những mùa thương khó ấy. Mẹ tôi đã sống trong những mùa thương khó triền miên cùng với những ngày tháng loạn ly từ miền Bắc xuôi về Nam. Xuôi theo những dòng sông quê hương, những dòng sông máu mà anh em trong một gia đình đã chém giết lẫn nhau.

Ngày ấy chị Hợi của tôi đã hăm hở lên đường cùng với trầu cau và những mộng ước của người con gái mới lớn. Nhưng lần ấy chị Hợi đã không trở về như đã hẹn. Bố tôi nôn nóng, chờ và mong. Những ngày chờ đợi dài mãi. Cuối cùng, bố phải nhờ người u già đã nuôi chị Hợi thuở nhỏ đi cùng một người dẫn đường khác về quê, để tìm chị Hợi. Nhưng cùng lúc ấy, những trận đánh lớn đang mở ở vùng quê tôi. Thời gian tắc nghẽn ấy đã đem đến cho gia đình tôi một bầu không khí rất đỗi nặng nề. Hai người đàn bà ấy ra đi, rồi cũng không thấy trở lại. Hình như mãi nhiều năm sau này, gia đình tôi mới biết được rằng, hai người đàn bà ấy đã bỏ mình trên một chuyến đò dọc trong một cuộc xạ kích của quân đội Pháp. Hai cái tang ấy đã như những vết hằn rất sâu trong gia đình tôi nhiều năm sau nữa.

Chị Hợi của tôi vẫn biệt tăm. Những trận càn vẫn quét trên mảnh đất nghèo nàn, xơ xác. Những đồn lẻ bên sông vẫn bị tập kích, và đạn réo trong đêm, xô đẩy người con gái của bố trôi dạt đến một bến bờ nào. Dường như bố tôi không còn có thể chịu đựng sự chờ đợi ấy lâu hơn nữa. Bố đã phải kêu gọi tới một người bà con xa về quê tìm chị Hợi.

Chuyến đi của bà cô họ tôi lần ấy, ký ức tuổi thơ của tôi còn ghi lại, như một chuyến mạo hiểm giữa hai lằn đạn. Và chuyến đi ấy, như một tiên tri về số phận của mọi người trong gia đình tôi, về sau này đã phải đi giữa hai lằn đạn trong suốt cuộc chiến kéo dài rất nhiều năm trên quê hương tôi. Sau này, khi bỏ nước ra đi, lang thang trên những vùng tuyết trắng, những kỷ niệm ấy có lúc đã đâm chồi, mọc lên giữa những màu tang trắng trong mùa đông. Tôi đang sống bên chồng ở một nơi khuất nẻo đối với quê hương. Tình yêu thương chúng tôi sưởi ấm cho nhau ở một chốn xa, ở một quãng đời còn lại. Nhưng những nhánh cây chui lên từ lớp tuyết dầy, mang những tháng ngày quá khứ không thể lìa cành. Trong nơi hoang vắng và lạnh lẽo ấy, người đàn bà ấy đang vẫy gọi tên tôi. Và bố tôi, những vết hằn sâu trên trán như những đường cày đã chìm khuất sau những tháng năm lận đận. Hình bóng của chị Hợi, tưởng chừng đã cất dấu ở một nơi nào. Nhưng không hiểu vì đâu, một cánh chim lẻ bạn cất tiếng kêu lạc lõng trong vườn nhà tôi chiều nay, đã xé rách tấm màn sương mù quá khứ. Chị Hợi chợt hiện lên, với đôi mắt đầm đầm lệ...

Tôi nhớ là phải mất nhiều tháng sau đó, gia đình tôi mới biết được tin tức của chị Hợi. Lúc ấy, chị Hợi đã có chồng. Chị Hợi đã có chồng ở ngay miền quê ấy, trong khi mọi người ở trong thành nghĩ rằng chị đã mất tích, hoặc là một rủi ro nào đó mà không ai có thể lường được. Anh Vĩnh, người chồng sắp cưới của chị, đã lên đường cho kịp năm học mới, trước khi có tin này. Anh vẫn liên lạc thư từ với gia đình thường xuyên, để khi có tin tức của chị Hợi là anh sẽ về ngay. Nhưng điều kỳ lạ là, trong lần ấy chính chị Hợi đã quyết định ở lại, không trở về với gia đình. Dường như chị có gởi cho bố mẹ tôi một lá thư, nhờ bà cô trao lại. Lá thư ấy chỉ có bố và mẹ đọc, không ai biết chị Hợi đã viết những gì. Từ đây, nỗi căm hờn của bố tôi vốn đã có sẵn, đã được đẩy lên đến nấc thang cuối cùng của lòng thù hận. Những vết hằn trên trán của bố như những đường cày, càng sâu hơn. Lá thư chị Hợi viết về, đối với tôi mãi mãi là một điều bí

ẩn. Lần ấy, mẹ tôi lại sống thêm một mùa thương khó nữa ngập chìm trong nước mắt. Tuổi thơ của tôi đã sống trong những năm tháng loạn ly. Những tiếng súng nổ từ miền Bắc xuôi về Nam. Từ những dãy núi chập chùng sỏi đá, đến những cánh đồng phì nhiêu mà ở đâu cũng có xác người. Những tang thương của gia đình đã hằn lên những kỷ niệm tuổi thơ những vết thương mà sau này, khi bỏ xứ ra đi vẫn không bao giờ lành lại được.

Người chồng của chị Hợi ở miền quê ấy là một cán bộ Việt Minh. Ngày ấy, tôi đã sống trong một bầu không khí bao trùm đầy rẫy bí ẩn lạ lùng. Mãi về sau, người cô họ của tôi mới kể lại chuyến về quê tìm chị Hợi lần ấy. Lúc ấy anh Vĩnh đã ra đi. Tôi không biết người thanh niên kia đã buồn bã như thế nào khi chị Hợi của tôi đã đi lấy chồng trong một hoàn cảnh như thế.

Tôi nhớ là cô tôi đã bị kẹt lại trong vùng Việt Minh cả hơn một tháng mới ra được. Hơn một tháng trời ấy, cô tôi đã chứng kiến được tất cả mọi chuyện xảy ra ở quê nhà. Theo lời cô tôi kể lại, chị Hợi đã trao lá thư của bố cho bà ngoại trước tiên. Bà rất hài lòng về chuyện đó nên việc chia trầu cau được xúc tiến ngay. Nhưng những ông cậu của tôi, những người Việt Minh, đã kịch liệt phản đối cuộc hôn nhân ấy. Họ nhất định giữ chị Hợi ở lại làm con tin, để buộc bố tôi phải trở về để đền tội với "cách mạng". Dưới mắt những ông cậu của tôi, bố đang cản trở bước tiến công của "cách mạng". Hơn thế, bố lại còn làm một chuyện tày trời là đem con gái gả cho một tên Việt gian đang được thực dân đào tạo. Điều ấy nhất định không để xảy ra. Chị Hợi đã được các cán bộ xã vận động. Chị Hợi đã được quần chúng vận động ở lại với cách mạng... nhưng chị Hợi đã bỏ trốn về thành trong một đêm. Chị đã bị bắt ngay tại bờ sông, khi vừa bước chân xuống một chiếc đò ngang. Chị Hợi đã bị cầm giữ ngay sau đó, khi thì bằng những biện pháp mềm dẻo, khi thì cứng rắn nhưng chị vẫn rắp tâm bỏ trốn. Cuối cùng, chị đã bị trói vào một chiếc cối xay ở nhà ngang. Chị đã bị trói như thế nhiều ngày.

Tôi nhớ chiếc cối xay ấy của nhà bà ngoại vẫn hoạt động ngày đêm trong những mùa gặt năm xưa. Dưới mắt tôi bấy giờ, đó là một chiếc cối xay rất to. Những người thợ gặt đã phải sử dụng tới hai con trâu để kéo cho chiếc cối ấy quay, xát cho những thúng thóc thành gạo. Cô tôi kể lại, chị Hợi đã bị trói vào cái tai cối ấy. Khi những con trâu làm việc thì chị cũng phải đi theo. Chị Hợi đã làm công

việc ấy cùng với những con trâu, cho đến khi hết sức mình, gục người trên miệng cối, lê đôi chân yếu đuối trên nền đất... việc ấy đã xảy ra trong nhiều ngày. Cho đến khi có một cán bộ từ khu Năm về công tác ở quê tôi thì cuộc đời của chị rẽ sang một ngả khác.

Người đàn ông ấy, người cán bộ Cộng sản mà sau đó không lâu là chồng của chị Hợi, tôi không biết tên. Thật ra, vì bố mẹ tôi không bao giờ gọi tên anh ta để biểu lộ sự khinh bỉ và lòng thù hận cho đến hết đời. Về sau, chị Hợi có sinh với người đàn ông ấy một đứa con trai. Chị tôi đặt tên cho đứa trẻ là Hạc. Cho nên sau này, mỗi khi phải nhắc tới anh ta, bố mẹ tôi chỉ gọi là "bố thằng Hạc". Tôi vẫn gọi anh ta là "bố thằng Hạc" như một thói quen trong gia đình, kể cả những khi nhắc về anh vào thời gian mà thằng Hạc chưa ra đời.

Bố thằng Hạc lúc đó là cán bộ cải cách ruộng đất nòng cốt của khu Năm. Những đợt phát động quần chúng đã khởi sự ở đó. Những đợt đấu tố đã diễn ra và đã có những địa chủ, cường hào bị đánh ngã ở đó. Cuộc cải cách ở khu Năm thành công, sẽ là mô hình cho những đợt cải cách ruộng đất ở những nơi khác.

Bố thằng Hạc được điều về quê tôi trong dịp ấy. Là một cán bộ cấp khu, anh ta có nhiều quyền hành để sắp xếp, quy định thành phần, đối tượng để đánh ngã. Người đàn ông ấy đã về ở ngay trong ngôi nhà của bà ngoại tôi. Ngôi nhà ấy đã mau chóng trở thành trụ sở của đội cải cách. Ở đó sẽ là cơ quan đầu não, sẽ chỉ đạo những đợt đấu tố sau này. Mãi về sau, tôi được biết bà ngoại tôi đã được lựa chọn để trở thành đối tượng cần phải đánh gục trong đợt đấu tố đầu tiên. Bố thằng Hạc đã làm công việc ấy để chứng tỏ lòng trung kiên và kiên định lập trường của một người vô sản.

Tôi vẫn không hiểu tại sao người cán bộ quê mùa, cuồng tín này, trong thời gian ấy cứ nhất định đòi cưới người chị của tôi làm vợ. Bởi vì chị tôi là cháu của một địa chủ mà chính anh ta đã ra tay đánh ngã. Nhưng điều bí ẩn ấy sau này đã được phanh phui. Cuộc hôn nhân ấy, đối với bố thằng Hạc, như là một nhiệm vụ. Nhiệm vụ ấy cũng quan trọng như những nhiệm vụ mà anh ta đã đảm trách ở khu Năm, quan trọng như việc anh ta đang làm để góp phần vào những thành tích cho phong trào vô sản trên thế giới. Cho nên những biện pháp đê hèn nhất đã được sử dụng tới để buộc chị Hợi phải trở thành người vợ của anh ta. Bố tôi, về sau mỗi khi nhắc tới thời gian ấy trong cuộc đời riêng, đã tỏ lộ nỗi căm hờn tột đỉnh.

Điều ấy cắt nghĩa cho tôi hiểu rằng bố tôi chống những người Cộng sản không những chỉ vì không đồng ý với họ về học thuyết, tín ngưỡng, mà còn vì những mối thù riêng. Từ đây, lằn ranh sinh tử giữa bố tôi và những người anh em trong nhà đã được vạch rõ. Lằn ranh ấy đã được vạch lên bằng chính máu của mình.

Khi cô tôi trở về thành, đem theo lá thư của chị Hợi, bố tôi đã thức trắng suốt đêm đó và nhiều đêm tiếp theo. Mẹ tôi đã khóc cho đến hết cả mùa chay, cùng những tiếng chuông ngân trong giáo đường như những giọt nến cháy bỏng rơi trên mảnh đời cô quạnh. Mẹ tôi là hình bóng của bà ngoại ở quê nhà. Hình bóng của một cuộc đời lặng lẽ bên những đổi thay của quê hương. Chị Hợi lại là hình bóng của mẹ. Một hình bóng nhạt nhòa, cam nhận những buồn tủi riêng trước một tấm phông lốc cuốn. Nhưng bà ngoại tôi đã không còn nữa. Bà đã nằm xuống trong những đêm của đợt đấu tố đầu tiên, giữa những tiếng la thất thanh và ánh lửa trên những ngọn đuốc bập bùng. Từ đấy, tâm hồn bố tôi như một thanh sắt nguội. Mẹ tôi như một tầu lá rũ mềm trong giông bão.

Con đường trở về quê ngoại đã hoàn toàn bị cắt đứt. Những trận đánh lớn đã bắt đầu trên vùng đất ấy. Tôi biết, chị Hợi của tôi lại là một hình bóng của mẹ tôi. Hình bóng của một cuộc đời lặng lẽ mà từ đây đã ngập chìm trong nước mắt và lửa đạn. Lá thư mà chị Hợi đã nhờ cô tôi mang về cho bố mẹ, mãi sau tôi mới biết được một phần. Đó là phần chị đã dành cho người thanh niên tên là Vĩnh thì đúng hơn. Chị sẽ không trở về. Để được yêu anh suốt đời và được anh yêu suốt đời. Tôi hiểu tâm hồn người con gái Việt Nam theo cách xưa là như thế. Tôi thương chị, vì biết rằng suốt cả cuộc đời người đàn bà ấy đã đi lầm lũi trên những chặng đường lẻ bóng.

Cánh chim lẻ bạn trong vườn nhà tôi đang cất lên những tiếng kêu lạc lõng. Tiếng kêu ấy như vang lên từ cuối chân trời quê hương cũ. Có lẽ chị tôi đã sống bên bố thằng Hạc như một cuộc đời lặng câm. Một cuộc đời riêng rẽ. Là một người đàn bà, tôi thấu hiểu nỗi cô đơn của một người đàn bà. Người đàn bà ấy lại là chị tôi. Chị tôi chỉ có một tấm tình yêu của thời con gái, chị đã một lần là vĩnh viễn trao cho người thanh niên ấy. Khi yêu, người con gái nào cũng khao khát được hy sinh cho người mình yêu với một tình cảm vừa vị tha nhưng cũng vô cùng vị kỷ. Chị Hợi đã ôm chặt mối tình của chị

theo cách ấy, mà cho đến mãi tận sau này tôi vẫn không thể hiểu được rằng chị đã đúng hay sai.

Cuộc đời của chị Hợi, sau đó tưởng chừng như đã chìm khuất bên trong những lũy tre làng, mờ nhạt trong những vùng thuốc súng khi những tiếng reo hò chiến thắng ở mặt trận Điện Biên ngày đó. Gia đình tôi xuôi về Nam, để lại sau lưng những kỷ niệm buồn. Khi gia đình tôi xuôi về Nam, bố tôi trở nên cực đoan hơn khi hoạt động trong ngành. Từ đấy, câu chuyện của chị Hợi tưởng chừng như đã chôn vùi trong quên lãng. Người đàn bà ấy, giờ đây có thể đang đổ mồ hôi trên những luống cầy nơi những hợp tác xã ở miền Bắc. Người đàn bà ấy, giờ đây có thể đã sống yên phận với hoàn cảnh mới. Người đàn bà ấy, có thể vẫn đi chung một con đường với người cán bộ khu Năm ngày nọ nhưng tâm hồn đã tách lìa khỏi thể xác để bay bổng đến một cõi thương yêu riêng rẽ. Cõi thương yêu mà người thanh niên ấy đã đem đến cho chị của mối tình đầu.

Thời gian có thể đã xoa dịu những vết thương đau đớn trong gia đình tôi, nếu như không có một biến cố bất ngờ xảy đến. Đó là lúc bố tôi trông coi một đơn vị an ninh ở một tỉnh nhỏ cao nguyên, đã xô đẩy bố tôi vào một tình huống hết sức cam go của tình phụ tử. Một đêm bố tôi trở về buồn bã. Sự buồn bã của bố tôi đã kéo dài nhiều ngày, có khi nhiều tháng mà tôi không biết. Qua câu chuyện nhỏ to trong gia đình, tôi lờ mờ được biết rằng, hình như bố tôi đã bắt được "bố thằng Hạc" nhưng không biết vì nguyên nhân nào mà "nó" đã chạy thoát. Điều ấy vừa làm cho bố tôi buồn bực và hình như pha lẫn một niềm ân hận nào đó. Câu chuyện ấy, càng về sau tôi càng biết rõ thêm. Tôi biết rằng, những nhân viên dưới quyền đã giải giao cho bố tôi một cán bộ Cộng sản nằm vùng để xúc tiến cuộc điều tra...

Đó là một cán bộ Cộng sản đã được cài vào dòng người di cư xuôi về miền Nam để hoạt động. Cuộc điều tra ấy đã có đủ yếu tố đưa tội phạm ra tòa thì bất ngờ, kẻ nằm vùng ấy nhìn nhận bố tôi. Anh ta đưa ra tất cả những bằng chứng về chị Hợi, và kêu gọi tới tình phụ tử hầu xin bố tôi cứu thoát anh ta. Lúc ấy chị Hợi mới sinh đứa con trai đầu lòng: Thằng Hạc. Và bố thằng Hạc là kẻ nằm vùng ấy.

Phải là người cha mới thấu hiểu được tình cảm của bố tôi lúc ấy. Câu chuyện chị Hợi bỗng nhiên được khuấy động lên, làm xáo trộn

tình cảm bố tôi trong một cơn giông bão. Kẻ tội phạm hiểu điều ấy hơn ai hết. Một mặt anh ta khơi dậy trong lòng bố tôi tình phụ tử. Một mặt anh ta đưa ra cả những lời hăm dọa. Giải pháp ở giữa là một sự trao đổi để bố tôi có thể gặp lại người con gái tưởng chừng như đã mất, không còn gặp lại được nữa. Bố tôi đã từng có ý định cứu thoát kẻ nằm vùng ấy để hy vọng gặp lại được con mình. Lần ấy bố tôi đã gặp chị Hợi, do những dàn xếp khó khăn giữa bố tôi và kẻ tội phạm, và chị Hợi đã trở về.

Chị Hợi đã về với gia đình như một chiếc bóng lặng câm. Không buồn. Không vui. Không xúc cảm. Trên tay chị còn ôm đứa hài nhi là kết quả của cuộc sống vợ chồng trong thù hận. Trong khung cảnh ấy, như lời bố tôi nói lại sau này, mối thù riêng của bố đã vượt lên trên hết mọi bất đồng về chính kiến. Với bố tôi, một điều cụ thể nhất, là những người Cộng sản đã làm cho gia đình tan nát, tôn giáo bị chà đạp, đất nước thêm tiêu điều. Những người anh em trong nhà đã bị cuốn hút vào những dòng thù hận không có thật. Bà ngoại tôi không còn có cơ hội sống sót chỉ vì, trong thời điểm đó, người ta đang cần những giọt máu chảy để khơi nguồn cho những dòng máu khác, gọi tên hận thù để nuôi dưỡng phong trào. Cái cớ để bà ngoại phải nằm xuống như một vật tế thần là một mảnh vườn con, là những sào ruộng khô khốc ở một quê hương nghèo đói ấy. Họ chỉ là những kẻ sát nhân, lấy máu gọi máu... bố vẫn nói như thế. Chị Hợi giờ đây như một hình nộm, không cảm xúc. Tình cảnh người con gái của mình sống trong hoàn cảnh ấy, đối với bố tôi, như một giọt nước cuối cùng làm tràn ly nước đã đầy. Tôi hiểu ngày ấy, bố đã thỏa thuận với kẻ tội phạm là sẽ gỡ tội cho anh ta, để đánh đổi lấy việc được gặp lại con mình. Người cán bộ cuồng tín khu Năm ngày nọ đã đi một bước trước: Chị Hợi đã trở về.

Nhưng nếu trong đời đã có một lần bố tôi không thành công, thì lần ấy là lần không thành công duy nhất. Và nếu trong đời có một lần khiến bố tôi phải ân hận, thì đó là lần mà bố tôi đã ân hận mãi mãi. Bố tôi cương quyết đưa kẻ tội phạm ra tòa, tức là làm ngược lại với những cam kết trước đó với anh ta, sau khi đã tìm thấy con gái mình lúc ấy, chỉ còn là một mảnh đời vô nghĩa. Trước việc này, chị Hợi không hề van xin. Cũng không thúc đẩy việc làm của bố tôi. Chị vẫn lặng lẽ, cam nhận. Nhưng chị khóc.

Hình như kẻ tội phạm biết được điều ấy. Nên một đêm kia, anh

ta đã đào thoát khỏi trại giam. Cuộc săn lùng diễn ra suốt đêm. Những tay súng có kinh nghiệm nhất đã cùng với bố tôi, nhất quyết không để cho kẻ tội phạm ấy đào thoát. Đến tận gần sáng, bố tôi đã bắt gặp anh ta ở gần một con suối. Không do dự, ông nâng súng, nhắm thẳng mục tiêu. Khoảng cách sáu thước cho một khẩu súng ngắn, giống như một bài tập trên thềm bắn ở xạ trường. Viên đạn ấy ra khỏi nòng súng, sẽ chấm dứt mọi hệ lụy... và đứa con gái bất hạnh của bố sẽ sống một cuộc đời khác. Nhưng hình như trong khoảnh khắc ấy. Cái khoảnh khắc nhẹ hơn lông hồng. Cái khoảnh khắc phù du của một sợi tơ trời trong không gian bao la... bóng một hài nhi đang múa vẫy trong đống tã ẩm ướt nổi lên lồng lộng: Thằng Hạc.

Theo lời bố tôi kể lại, trong khoảnh khắc phù du ấy, ông chỉ kịp hất mũi súng lên, viên đạn không trúng mục tiêu. Những viên đạn sau đó, được bắn vào không gian vu vơ, như một lời thúc giục, gởi gấm cho kẻ dào thoát lên đường. Và bố thằng Hạc đã đào thoát thành công.

Sau khi bố thằng Hạc đào thoát, chị Hợi và đứa con ở lại với gia đình trong những ngày lặng lẽ. Người đàn bà xinh đẹp ấy lại vẫn sống một cuộc đời lặng câm. Chị Hợi của tôi đã quên mất tiếng cười. Người đàu bà ấy cũng không còn nước mắt để khóc. Bóng chị lại thấp thoáng rất nhanh ở sân trước, ở vườn sau. Những bông cà phê đã nở trắng trên dầu cành. Mùi hương thơm ngát và nắng vàng rực rỡ hình như đang gợi lại một không gian của mùa hè ngày đó. Tôi hiểu ra, đó là một mùa hè mà người thanh niên tên là Vĩnh đã đến trong cuộc đời của chị tôi. Người thanh niên ấy cũng đã ra đi, khi chị còn ở quê nhà, cũng trong một mùa hè năm ấy. Bấy giờ, những lá cà phê rất xanh. Những bông cà phê nở trắng. Gió lộng trùng trùng trong khu vườn vắng vẻ ở cao nguyên. Chị Hợi vẫn ngồi dưới gốc cây ủ rũ, và thằng Hạc chợt khóc thét lên, âm thanh vang vang trong những cành cây, và lá rơi lả tả. Không ai có thể biết được rằng chị tôi đang nghĩ gì. Không ai có thể biết được rằng chị tôi đang buồn hay vui. Thời gian chết sững. Không gian tịch mịch chỉ bị khuấy động bởi những loài côn trùng ẩn núp đâu đó trong vườn. Có lẽ bố tôi đã yên tâm về việc làm của mình. Cái khoảnh khắc phù du ấy đã cho bố tôi giữ trọn lời cam kết. Cái khoảnh khắc phù du ấy đã đem về cho bố tôi đứa con gái bất hạnh mà bố yêu thương nhất nhà. Lại những vườn cây xanh. Những bông hoa trắng,

và mùi hương ngát trong không gian bao la của một mùa hè. Mùa hè của chị Hợi.

Nhưng chị Hợi đã không ở lại với gia đình lâu hơn. Một bữa kia, chị đã ra đi với đứa con của chị: Thằng Hạc. Chị Hợi đã lặng lẽ ra đi mà cả nhà không hề hay biết. Lần này, chị không để lại một lá thư nào. Bố lặng thinh. Mẹ cầu nguyện dưới những hàng nến trắng và trong những tiếng chuông chiều buồn bã. Tuổi thơ của tôi chìm ngập trong vườn cây xanh. Trong gió lộng trùng trùng. Trong tiếng chuông chiều mênh mang. Trong không gian lung linh của những hàng nến trắng và những lời cầu xin, xám hối của mẹ. Những tiếng chuông chiều của tuổi thơ vẫn gọi hồn tôi. Và trên từng cánh gió, chị tôi, người đàn bà ấy với mái tóc dài trôi trong không gian về tít cuối chân trời. Hình ảnh ấy đã đi theo tôi, cho đến mãi sau này, khi tha hương ở một phương trời khác, tôi vẫn tưởng như mình còn ở lại.

Hình như khoảng vài năm sau đó, tôi lại thấy chị Hợi sống với bố thằng Hạc ở vùng duyên hải. Và sau đó không lâu, bố tôi cũng được thuyên chuyển về vùng ấy. Bố tôi vẫn để kẻ tội phạm ấy sống yên ổn, vì lúc này bố thằng Hạc đã thay tên đổi họ. Tôi thấy chị Hợi vẫn sống bên người đàn ông ấy như một chiếc bóng trong một niềm sợ hãi. Thỉnh thoảng chị Hợi có ghé về thăm gia đình nhưng tính tình chị càng trở nên khó hiểu. Người đàn bà ấy mãi mãi như sợ hãi một điều gì bí ẩn rình rập xung quanh. Những kỷ niệm thơ mộng của một mùa hè năm xưa dường như đã tắt ngấm trong lòng chị Hợi. Chị Hợi của tôi lúc đó chỉ còn là một người đàn bà lặng lẽ trong một không gian sợ hãi. Tôi cũng không biết bố thằng Hạc có còn hoạt động nằm vùng nữa hay không. Nhưng theo lời bố tôi thì chắc chắn vẫn còn, và giờ đây họ đã ngụy trang, ngụy tích tinh vi hơn. Dù sao, bố không muốn nhắc đến chuyện ấy nữa. Tôi hiểu, ý bố muốn để chị Hợi có một cuộc đời yên ổn.

Chị Hợi có thai lần thứ hai. Cũng như lần mang thai thằng Hạc, chị chẳng thấy buồn mà cũng chẳng thấy vui. Nhưng chị Hợi vẫn xinh đẹp. Ngày xưa chị Hợi là một người con gái xinh đẹp nhất vùng. Một vẻ đẹp thánh thiện, hồn nhiên. Bây giờ nhan sắc ấy được nỗi sầu đau buồn bã. Hình như năm tháng không đủ khả năng làm cho chị già đi mà chỉ phủ lên một lớp đau buồn kín đáo. Chị Hợi có thể cam nhận một cuộc đời như thế cho đến ngày nhắm mắt lìa đời, nếu như không có một biến cố đã đánh thức những ngày tháng

mỹ miều năm xưa. Suốt một cuộc đời lẻ bóng của người đàn bà ấy, vẫn chỉ có một mùa hè ngắn ngủi. Mùa hè năm ấy...

Cánh chim lẻ bạn trong vườn nhà tôi đang đứng yên trong một bụi hồng. Cảnh tượng ấy nhắc tôi nhớ một mùa thương khó năm xưa. Một mùa thương khó mà chị Hợi của tôi đã vĩnh viễn lìa đời. Câu chuyện ấy xẩy ra vào giữa mùa chay. Ngày tháng ấy, chị Hợi hòa nhập tâm tình của mình với không khí giáo đường xám hối. Tôi không biết trên đời này có một loài hoa nào đã nở lại hai lần? Nhưng chị Hợi của tôi đã như một loài hoa đã nở lại, rồi bỗng chốc lại tàn ngay. Hình ảnh ấy, cho tôi nhớ tới một loài phù dung rực rỡ giữa ban trưa, thoắt đã héo rữa trong một buổi chiều muộn. Và ở giữa không gian của miền duyên hải, có núi biếc cùng biển xanh, chị tôi đã bay bổng trong miền không gian như đã từng bay cao trong vùng trời dĩ vãng. Bởi vì, dường như định mệnh đã vạch một con đường đi sẵn cho chị tôi. Chị đã gặp anh Vĩnh trong một buổi chiều nọ. Một buổi chiều mà những cánh phù dung đã héo rũ, bên ngôi giáo đường ấy. Về sau, tôi được biết rằng sau khi anh Vĩnh học xong, anh đã trở về trông coi một quân y viện ở vùng duyên hải ấy. Theo lời bố tôi kể lại, bố cầu mong họ đừng gặp lại nhau. Bởi vì thời gian đã qua là đã qua. Thời gian bao giờ cũng là người bạn tốt để xóa đi những nỗi sầu đau. Nhưng riêng trong hoàn cảnh ấy, thời gian không chứng tỏ được khả năng của mình.

Dạo ấy, chị Hợi đang mang thai đứa con thứ hai, bụng khá to. Tôi không được chứng kiến cảnh chị tôi gặp lại anh Vĩnh. Nhưng tôi độ chừng đôi mắt bồ câu của người đàn bà ấy lại vẫn dầm dầm lệ. Dường như họ đã đi chung với nhau một đoạn đường rất xa, từ tháp chuông giáo đường đến chân biển thì phải. Tôi cũng không được biết họ đã nói với nhau những điều gì. Và những điều ấy mãi mãi là những điều bí mật. Nhưng tôi hiểu cuộc hội ngộ ngắn ngủi ấy, đã cùng một lúc và tức khắc đánh thức những bông hoa khép cánh đang ngủ say trong khu vườn kỷ niệm xưa. Là phận gái, tôi hiểu chị tôi, với vị trí của một người đàn bà được dạy dỗ theo lề lối cũ hẳn đang làm cho chị tôi vô cùng đau đớn. Không phải họ chỉ đi với nhau một lần, trong sự tình cờ sau buổi lễ chiều hôm ấy. Hình như đã có một vài lần khác nữa thì phải. Người thanh niên ngày xưa đã đem lòng yêu thương chị Hợi, mà lòng chung thủy đã vượt lên trên tất cả mọi hiểm nghèo. Anh Vĩnh đã tình nguyện trở lại quê hương. Anh vào quân đội với ý định có dịp đi được nhiều nơi để tìm kiếm

gia đình tôi. Điều ấy sẽ cho anh biết về chị Hợi. Bố tôi rất bối rối trong hoàn cảnh ấy. Nhưng điều mà bố tôi cầu mong họ đừng gặp lại nhau, đã không thành sự thật. Bởi vì họ đã lại gặp nhau rồi.

Cánh chim trong vườn nhà tôi lại cất lên những tiếng kêu lẻ loi. Tiếng kêu ấy dường như đã vang vọng từ một nơi xa. Từ mãi tận quê nhà. Từ những khu vườn tịch mịch trong những ngày hè nắng lên rực rỡ, mà ở đấy một mối tình đã lớn lên rồi bị vùi lấp ngay bởi những ngọn lửa hồng thiêu cháy ở quê hương miền Bắc. Tiếng kêu ấy lại dường như đang thoát ra từ trong những kẽ lá, trong khu vườn có những bông hoa trắng tinh, ngày chị Hợi trở lại với gia đình trong một thời kỳ u uẩn ở cao nguyên miền nam. Tiếng kêu ấy dường như đang lao vút vào không trung, xé rách cả một bầu trời quang đãng ở miền duyên hải làm cho có một loài hoa đã tàn rồi, thoắt nở lại rồi héo rũ, rơi trên mảnh đất cằn cỗi, chôn vùi dưới những lớp bùn và máu ở quê nhà.

Sau khi chị Hợi đã lìa đời, bố tôi sống trong tâm trạng của một người mang niềm ân hận khôn nguôi. Về sau, bố tôi rất hối tiếc về chuyện ấy. Khi kẻ tội phạm bỏ chạy trên bờ suối. Bố nâng súng, nhắm thẳng mục tiêu. Khoảng cách sáu thước là bài tập trên thềm bắn nhưng bố tôi đã cố tình bắn hụt để kẻ tội phạm dào thoát chỉ vì bóng dáng của một hài nhi. Đứa bé ấy hoàn toàn vô tội. Nhưng cái khoảnh khắc phù du yếu lòng ấy sẽ làm cho bố tôi ân hận nhiều hơn, sau này. Sau khi chị Hợi đã được chôn sâu dưới lòng đất cùng với mối tình năm mười bẩy tuổi, mọi người đều nghĩ rằng bố thằng Hạc đã vì hờn ghen mà quá tay.

Người ta kể lại, bố thằng Hạc đã biết những lần chị Hợi gặp anh Vĩnh. Người đàn ông ấy nín thinh cho đến một thời gian lâu. Cho đến một lần, chị Hợi chịu đựng một trận đòn khủng khiếp đến nỗi chị đã trút hơi thở cuối cùng. Trước khi chết, chị Hợi kêu bố thảm thiết. Trước khi chị Hợi nhắm mắt, bố thằng Hạc đã bỏ trốn biệt tăm. Người hàng xóm đưa chị Hợi đến bệnh viện trên một chuyến xe Lam.

Hôm ấy là một buổi chiều cuối của một mùa hè. Những cơn gió giao mùa thổi về gờn gợn trên nước biếc. Mây chiều đã giăng mờ trên những đỉnh núi cao. Người hàng xóm ấy đã kể lại rằng, khi ấy chị Hợi mang thai, bụng đã khá to. Bố thằng Hạc đã chuẩn bị trước bằng cách khoét một chiếc lỗ sâu trên nền đất, buộc chị Hợi nằm

sấp ở đó. Cái bụng to của chị lọt kín vũng đất đã đào sẵn. Ý hẳn là anh ta muốn bảo vệ cái bào thai trong bụng chị dưới trận đòn thập tử nhất sinh đó. Nhưng chị Hợi đã không kham nổi trận đòn này. Và chị sau đó, đã ra đi mang theo cả cái bào thai bất hạnh.

Ngay khi bố thằng Hạc bỏ trốn, người ta đưa chị đến được bệnh viện thì trời đã tối. Đêm hôm ấy, có phải là một đêm mà, định mệnh đã sắp xếp để cho một loài hoa đã tàn, thoắt nở lại, rồi héo rũ thêm một lần nữa. Chị Hợi của tôi đã lại gặp anh Vĩnh thêm một lần, và là lần cuối cùng, trước khi chị vĩnh viễn lìa đời. Những lời mà người hàng xóm ấy kể lại, mãi mãi tôi không thể nào quên. Người ta phải lấy ngay cái thai ra để cứu người mẹ. Nhưng kể cả người mẹ cũng không thể cứu nổi qua đêm hôm ấy. Anh Vĩnh đã hết sức mình cùng với tất cả những phương tiện mà bệnh viện có thể có vẫn không thể giữ được chị tôi ở lại. Dưới ánh đèn sáng trưng trong phòng cấp cứu, chị Hợi mở mắt trừng trừng. Người đàn ông giấu khuôn mặt dưới chiếc khẩu trang mầu trắng đứng bên giường bệnh. Lúc ấy, thình lình mắt chị mở lớn, môi chị rung rung rồi la lên... anh... anh... đồng thời, dòng máu tươi từ đôi môi ấy vọt ra. Anh Vĩnh gỡ bỏ chiếc khẩu trang, cúi xuống gần mặt chị. Anh đây, có phải chính anh đã gây ra việc này. Chị Hợi lắc đầu yếu ớt. Đôi mi chớp nhẹ, như thầm bảo anh cúi thấp nữa cho gần hơn. Anh Vĩnh hiểu ý, và anh cúi thấp. Chị Hợi hút trong vùng tóc rối và nước mắt tràn trên khuôn mặt tái xanh. Anh Vĩnh thấm đôi hàng nước mắt ấy bằng chiếc khẩu trang có sẵn trong tay. Vào phút lâm chung, chị Hợi chỉ nói một câu rất nhỏ, em yêu anh... suốt đời em vẫn đợi anh... em vẫn đợi anh, cho dù đến bao giờ. Câu "cho dù đến bao giờ", chị nói giữa hai lần nấc nghẹn và sau đó, chị tắt thở. Anh Vĩnh ôm lấy khuôn mặt của chị vẫn đầm đìa nước mắt. Anh thảng thốt kêu lên... anh yêu em, suốt đời anh vẫn đi tìm kiếm... nhưng chị Hợi của tôi đã không còn được nghe những lời ấy nữa. Anh vuốt mắt chị, bàn tay run rẩy.

Cuộc tình của chị tôi bắt đầu từ những ngày đầu tiên của một mùa hè trong khu vườn có nắng xôn xao. Cuộc tình ấy đã chấm dứt vào một ngày cuối hạ, khi mà những giọt nắng cuối cùng không còn đi lang thang trên những thân sóng của bờ biển xanh ở miền duyên hải ấy.

Bố thằng Hạc biệt tăm kể từ sau án mạng ấy. Bố tôi tích cực ráo riết trong việc truy nã hung thủ lần này. Sau đó không lâu, anh Vĩnh

đã xin đổi đi một nơi nào đó, tôi cũng không biết. Thằng Hạc côi cút về sống trong gia đình ông bà ngoại, với tôi. Nó giống mẹ, sống một cuộc đời lặng lẽ. Khi lớn lên, sau này thằng Hạc xung vào một đơn vị lính Dù. Bố thằng Hạc đã trở ra bưng từ dạo ấy nên việc truy lùng hung thủ của bố tôi, thật sự là vô ích.

Chị Hợi chết đi đã mang theo rất nhiều điều bí ẩn. Mãi về sau, bố tôi mới có những lời giải đáp qua tập nhật ký do chị để lại. Chừng đó, mọi người mới vỡ lẽ. Rằng, trận đòn mà bố thằng Hạc đã dành cho chị tôi, không phải do hờn ghen. Rằng, đó là một trận đòn tra tấn nhằm khai thác tin tức trong ngành an ninh mà bố tôi đang phục vụ, thông qua chị Hợi. Năm mười bẩy tuổi, chị Hợi mang trầu cau về loan báo lễ đính hôn ở quê nhà. Những ông cậu cuồng tín đã giữ chị ở lại để làm con tin, buộc bố tôi phải trở về để bị bắt giữ. Người cán bộ quê mùa của khu Năm đã được tổ chức mau chóng phát hiện ra con mồi là chị tôi, nên đã bố trí cho anh ta trở thành người chồng của chị. Bố tôi ở trong một đảng phái chống Cộng, sau lại là một người phục vụ trong ngành an ninh. Tổ chức hy vọng qua chị tôi, có thể nắm bắt được nhiều tin tức quan trọng. Bố thằng Hạc sau đó đã được cài vào miền Nam trong dòng người di cư để hoạt động, trong khi những đợt đấu tố ở miền Bắc đang trong thời kỳ cuồng bạo. Bố thằng Hạc bị bắt. Cuộc trao đổi kỳ quái để người cha gặp lại con cũng nằm trong kế hoạch của tổ chức. Nhưng bố tôi đã đổi ý. Rồi trong giây phút rất phù du, bố thằng Hạc đã thoát chết. Và chính vì giây phút yếu đuối ấy mà bố thằng Hạc đã thoát chết để sống yên ổn nơi vùng duyên hải. Chị Hợi đã không chịu cộng tác bất cứ điều gì mà tổ chức đã giao phó cho bố thằng Hạc. Cái chết của chị hoàn toàn không phải do hờn ghen. Điều ấy, có lẽ mãi mãi anh Vĩnh vẫn không thể biết được. Nếu được biết, có lẽ tâm hồn anh sẽ được thanh thản đôi phần. Sau đó, bố tôi còn ân hận nhiều hơn nữa, kể từ khi biết rõ sự thật này. Từ đó, bố tôi sống một cuộc đời hết sức lạnh lùng.

Sau 30 tháng Tư 75, tôi có gặp lại bố thằng Hạc một lần. Lúc ấy, anh ta là bí thư huyện ủy trong một tỉnh miền biển. Dạo ấy tôi bị bắt vì tội vượt biên, phản bội tổ quốc. Tình cờ, bố thằng Hạc đến thăm trại giam. Tôi nhận ra người đàn ông ấy ngay. Anh ta cũng nhận ra tôi. Chúng tôi đều không muốn nhìn nhau. Nhưng vào phút chót trước khi rời trại, thình lình bố thằng Hạc chỉ ngón tay vào mặt tôi hỏi, vượt biên theo đế quốc Mỹ hả? Tôi định đứng lên, trút hết

những nỗi căm hờn uất ức vào mặt người đàn ông ấy, nhưng bố thằng Hạc đã vội vã bỏ đi. Trước khi đi, bố thằng Hạc quay lại nói một câu hàm ý cho mọi người cùng nghe, để coi ít bữa cách mạng giải phóng nước Mỹ thì đi đâu.

Thời gian ở trại giam, chỉ nhớ đến bố mà tôi đã khóc hàng đêm. Tôi đã bị đẩy vào một trại giam nữ, bao gồm đủ mọi thành phần: Những người vượt biên, những kẻ trộm cắp, những cô gái ăn sương... thân phận tôi giống như một con cá mắc cạn. Hai tháng trước đó, vợ chồng tôi quyết định ra đi, ngay khi nhà tôi vừa từ một trại giam ở miền Bắc trở về. Nhưng tôi đã bị bắt giữ ngay trên đường đến bến hẹn. Tôi không còn biết tin tức gì của chồng tôi nữa, vì anh ấy tới điểm hẹn trên một lộ trình khác. Cầu mong cho chồng tôi thoát cơn nguy hiểm. Gần mười năm tù đã làm chúng tôi xa cách. Tôi đã sống một phần đời cô quạnh, điều ấy càng làm cho tôi thương chị tôi nhiều hơn. Lúc ấy bố tôi đang ở một trại giam nào đó ở miền thượng du, kề cận biên giới Trung Hoa. Thằng Hạc bị bắt làm tù binh trong một trận đánh cuối cùng ở Phước Long năm 74 đến giờ ấy vẫn không có tin tức. Mẹ tôi vẫn lặng lẽ trong mảnh vườn nhà, cầu nguyện cho chồng, cho con, cho cháu và những người thân ở rải rác trong các trại giam từ Bắc chí Nam.

Và những người cậu của tôi. Nghe nói người thì đi Tuyên Quang làm công nhân hái chè. Tôi có nghe nói tới những đồi chè bạt ngàn ở đó. Những cánh chè đen được xuất khẩu qua Liên Xô, đổi cho đất nước anh em, lấy những viên đạn đồng đem qua Kampuchea làm nghĩa vụ quốc tế. Một người cậu khác của tôi, lúc ấy đang nhặt phân trâu ở Việt Trì để thực hiện một chương trình tự giáo dục bản thân. Bởi vì chiến tranh đã qua rồi. Các cậu tôi sinh ra trong một gia đình có những phần tử đối kháng với cách mạng, cho nên việc tự cải tạo ấy là hữu ích. Những người cậu ấy về sau, dường như đã biết rõ hơn về cuộc đời của chị Hợi, qua một vài người trong họ hàng nói lại. Các cậu đã phải chịu những sự dằn vặt của lương tâm, cùng với nỗi thất vọng về một thiên đường không có thật. Cho đến một lúc nào đó, khi tôi đã xa những người cậu của tôi bằng một không gian của biển Đông tôi lại nghe rằng người cậu của tôi đã tự treo cổ mình dưới một cành cây mít trong một trại cải tạo lao động ở miền núi ấy. Một người cậu khác biệt tăm, không có tin tức. Mẹ tôi, lại một lần nữa vác cây thập giá, thêm một mùa thương khó trong đời vì cái tang của em mình.

Cho đến mãi mãi về sau, gia đình tôi vẫn không hề biết gì thêm về tin tức của thằng Hạc. Có lẽ nó đã chết, tôi nghĩ vậy. Phải mất một thời gian rất lâu tôi mới hiểu được rằng chị tôi đã đặt tên là Hạc cho đứa con đầu lòng ấy như là hàm ý một lời than vãn suốt đời. Ý của chị tôi muốn ví cuộc tình ngắn ngủi thơ mộng của thời con gái như là một cánh hạc bay. Cái tên tiền định ấy, và rồi thằng Hạc cũng đã bay xa. Nó đã bay trên đôi cánh nặng chĩu chuyên chở những thương đau của một người mẹ. Người mẹ suốt đời nhẫn nhục, lặng câm. Người mẹ suốt đời không được sưởi ấm bởi than lửa tình yêu.

Sau khi ra khỏi trại giam lần ấy, tôi lại vượt biên để theo chồng. Vợ chồng tôi đã lại gặp nhau. Chị tôi vĩnh viễn không bao giờ được gặp lại người mình yêu dấu. Cánh Hạc ấy đã bay xa rồi. Trong tiếng kêu của cánh chim lẻ bạn chiều nay, chợt đưa tôi về với những âm thanh ngậm ngùi của những ngày tháng cũ. Những tiếng khóc thầm của mẹ trong đêm. Những giọt nước mắt cùng tiếng kim khí va chạm. Những ánh lửa hồng đốt cháy trên những cây đuốc hận thù trong đêm đấu tố mà bà ngoại đã nằm xuống. Cánh chim lẻ bạn ấy đưa tôi về với không gian của quê hương. Một không gian chìm đắm trong một thời gian mà cả đất nước tôi có nhiều nước mắt hơn tiếng cười. Tất cả đều đã đi xa. Tất cả đều đã bay xa. Bay xa như một cánh Hạc bay. Cánh Hạc ấy đã bay tít vào tận cuối chân trời. Và chị Hợi của tôi cũng đã bay xa.

Chiều nay, bụi hồng trong vườn nhà tôi mới nở thêm bông. Mây trôi về lờ lững ở trên không. Trong vùng mây cao tít ấy, tôi thấy có tất cả những người thân. Nhưng một vóc dáng lừng lững trong vùng mây ấy mãi mãi không tan: Chị Hợi. Chị Hợi đã không đặt tên cho đứa con thứ hai của chị vì đứa trẻ ấy đã cùng với chị bay trên đôi cánh về cuối chân trời.

Đinh Phụng Tiến

ĐẶNG HIỀN

ngày vui bay đi

Trên những sợi tóc buồn bay đi
Buổi sáng lạnh như mùa đông về
Trong trái tim đau anh chợt nhớ
Từng ngón tay gầy níu kéo
Tình yêu trở lại trong niềm tuyệt vọng
Có bao giờ anh vớt được
Những giọt nước thời gian đã đổ
Vào chiếc ly đời anh nguyên vẹn

Trên những ngày buồn không em
Anh sống mộng du
Đi về câm nín
Thầm hỏi màu xanh có bao giờ xanh thắm
Trên khoảng tối tim anh
Chợt buồn theo những sợi tóc anh rơi rụng
Bên triền đồi thương nhớ.

Trên những ngày buồn hôm nay
Anh lặng thầm trong đáy mắt em
Cố tìm tháng ngày đã mất
Chỉ thấy toàn rong rêu hờn giận
Môi thơm có bao giờ ấm lại
Cho anh...
Em ơi sao ngày vui bay đi?
Sao tình ta bay đi?

HOÀNG LIÊN

bức tranh sen và chiếc đồng hồ

Bật đèn lên, Lâm vội vàng xếp lại chồng sách báo trên mặt bàn cho gọn ghẽ, lấy giấy bút và chuẩn bị làm việc: anh tự buộc mình phải hoàn tất trong đêm nay thiên truyện ngắn viết dở dang từ hai tuần trước. Ngồi thẳng người, tay trái chống vào má, anh đọc lại những trang giấy nháp để tự đặt mình vào không khí của câu chuyện. Anh cố tạo ra một tâm trạng hoàn toàn bình tĩnh bằng cách gạt bỏ những ưu tư vụn vặt của cuộc sống thường nhật. Kinh nghiệm cho biết rằng điều đáng lo ngại nhất, khi ngồi vào bàn viết, là không tập trung được suy tư. Vừa đọc, anh vừa thầm cầu mong đừng có việc gì xảy ra: tiếng reo của máy điện thoại, một người bạn bất thần đến chơi, một việc cấp bách cần phải giải quyết ngay tức khắc.

Nhưng chỉ một lúc sau, anh cảm thấy mệt mỏi. Sự căng thẳng do công việc hằng ngày dồn dập gây ra còn dai dẳng đè nặng lên tâm trí anh. Anh không liên tục hướng dẫn được dòng tư tưởng, đầu óc anh không đủ sáng suốt để xây dựng cá tính của một nhân vật, chọn lựa những chi tiết để mô tả môi trường hoạt động của một nhân vật khác. Bất lực, anh muốn buông xuôi và lười biếng nằm dài đọc tiếp tờ nhật báo anh đọc chưa hết chiều nay, khi ngồi trong xe buýt, trên con đường từ sở làm trở về nhà. Tuy nhiên anh chưa muốn đầu hàng và vẫn ngồi yên dưới ánh đèn chảy tràn trên mặt bàn như có ý khuyến khích, mời mọc anh. Buông cây bút xuống bàn, anh nghiêng đầu nhìn vào bức tường hẹp phía trái, giữa hai khung cửa sổ, nơi anh vừa treo bức tranh do một người bạn họa sĩ gửi tặng.

Ồ! Bức tranh sen vàng! Lâm nhớ lại nỗi vui mừng của mình, thứ Bảy tuần trước, khi anh nhận được từ Maryland một phong bì lớn bằng các tông, bốn mép dán kín với những dải băng vải dày. Dùng một con dao nhỏ, anh nhẹ nhàng, cẩn thận cắt dần một mép của chiếc phong bì dài. Một bức tranh lọt ra ngoài, cùng với một lá thư. Trên mặt giấy trắng, một đóa sen đứng thẳng trên một cụm lá xanh

và tỏa ra những cánh màu vàng nhạt. Cuống hoa dài và thẳng. Tranh vẽ bằng màu nước và mực Tàu với phong cách Đông phương rất đặc biệt của họa sĩ.

Tạm đặt bức tranh lên bàn viết, Lâm cầm lấy lá thư. Vẫn nét chữ bay bướm, phóng khoáng, rắn rỏi và rõ ràng. Trên trang hai, họa sĩ phác họa lại bức tranh với những lời dặn dò tỉ mỉ. Tranh vẽ trên giấy bằng bông 100% và làm bằng tay ở Ý. Vì vậy tờ giấy lót cũng phải làm bằng giấy bông để khỏi làm hỏng tranh. Giấy lót phải rộng bản; khung tranh độ nửa inch bề ngang và khoảng cách giữa khung và tranh phải rộng từ hai inches rưỡi đến ba inches. Có thể dùng giấy lót màu xám đậm, tím than hay đỏ bầm. Người nghệ sĩ nào mà chẳng chi li chăm chút cho sự trình bày của tác phẩm mình? Vừa đọc lá thư, Lâm vừa nhớ đến một người bạn họa sĩ khác đã chọn lựa rất kỹ lưỡng chỗ treo tranh của mình trong phòng triển lãm. Anh muốn cho ánh sáng trong phòng phải thật thích hợp với từng bức tranh được trưng bày.

Lâm đã cố gắng làm đúng theo lời yêu cầu của họa sĩ. Khung bằng gỗ nâu đậm có khắc hoa văn, giấy lót màu xám đậm. Bức tranh được treo lên mảnh tường hẹp bên trái bàn viết để, như Lâm ghi rõ trong lá thư cám ơn người tặng tranh, "đêm đêm nhìn thấy nó". Lâm đã nâng niu bức tranh với một tấm lòng đam mê nghệ thuật và một mối tình bằng hữu thắm thiết đối với một người tri kỷ.

Lâm xoay hẳn người, nhìn kỹ bức tranh. Anh có cảm tưởng như đang nhìn lại một khuôn mặt thân yêu, từ lâu không gặp. Và những dóa sen của những ngày cũ nở ra trong lòng anh.

Nắng hè rực rỡ nhuốm vàng mặt nước hồ Tĩnh Tâm. Những đóa sen đong đưa theo làn gió đang nâng đỡ những cánh chim chiều vượt hồ bay về mấy khóm tre sầm uất trồng ven bức thành bao quanh hồ. Cánh chim trắng lung linh sáng trong ánh nắng, uyển chuyển vẽ những nét mềm mại dưới những đám mây trắng nõn và tiếng cánh vỗ nhịp nhàng làm rung động làn hương bốc lên từ mặt nước hồ. Khi về tổ, cánh chim chắc còn vương hương sen hồ Tĩnh.

Mà hương sen không chỉ bàng bạc trên hồ Tĩnh Tâm rộng lớn này. Vào mùa hoa sen nở, cố đô Huế như được ướp hương sen. Hương đìu đặt dâng lên từ những mặt hồ bao quanh cổ thành, cả trong và ngoài Thành Nội như một màn hương của quá khứ. Có phải hương sen, trước hết, là hương thời gian?

Từ thuở ấu thơ, Lâm đã sống giữa quá khứ của dân tộc. Anh đắm mình trong khung cảnh cổ kính của những thành quách rêu phong, gạch ngả màu nâu sẫm, những cung điện đã phai nhạt vàng son, những chùa miếu nghi ngút trầm hương, những bộ viện cũ kỹ còn mang vết tích của những hoạt động của người xưa. Tuổi thơ của anh trôi qua giữa âm ba ngân nga sâu thẳm như vang dội lại từ đáy thời gian của những hồi chuông sớm chiều dóng lên từ chùa Diệu Đế hay trường Quốc Tử Giám. Ngày hai buổi cắp sách đến trường, anh đã đi trên những con đường của lịch sử, và quá khứ, đối với đứa trẻ thơ, hiện diện như là hiện tại. Thời gian không ngưng đọng lại, nhưng quá khứ với hiện tại quyện vào nhau không còn phân biệt được nữa. Và chính hoàn cảnh đặc biệt ấy đã giúp cho anh, ở vào tuổi thiếu niên, sâu sắc nhận thức rằng anh là một phần tử của một dân tộc đã tồn tại và phát triển từ một thời điểm xa xăm, và anh phải hành động như một con người có một quá khứ lâu dài. Trong khi hướng về những ngày chưa tới, anh vẫn thường xuyên duy trì những mối liên hệ bền vững với người thuở trước. Phải chăng đó là một đặc điểm của con người xứ Huế, và nói chung, của người Việt Nam?

Những đóa sen ngày cũ vẫn tiếp tục nở trong lòng anh: sen hồng, sen trắng trên đám lá xanh còn đựng những giọt mưa mùa hạ, long lanh như những giọt thủy ngân... Nhưng bức tranh cạnh bàn viết không chỉ kéo Lâm trở về với dĩ vãng. Nó còn đem lại sự yên tĩnh cần thiết cho cuộc sống, nhất là trong lúc này tâm trí anh vẫn còn căng thẳng sau một ngày làm việc vất vả.

...Lâm dừng lại đầu chiếc cầu tre mong manh dưới một gốc cây bồ đề lớn, cành lá vươn dài và rũ xuống mặt nước, trong khuôn viên khoáng đạt của hồ Tĩnh Tâm. Tiếng gió nhẹ lao xao reo vui trong đám lá ven hồ, nghe xa vắng như tiếng thì thầm của niềm cô tịch trong một vùng trời nước mênh mông. Tại sao đang ở trong tuổi thiếu niên hiếu động, Lâm vẫn hay đến viếng hồ để tìm sự yên tĩnh của Thiên Nhiên, một sự yên tĩnh mà nhiều năm sau, anh mới hiểu hết giá trị, sau khi đã kinh qua những nỗi gian truân của cuộc đời? Người học sinh trung học đến đây để học bài, làm bài, đọc sách, nhưng cũng để ngồi mơ màng trước mặt nước hồ sen, ngắm hoa và theo dõi những cánh chim lượn vòng trên mặt nước.

Nhìn lại những năm tháng qua, Lâm nhận thấy rằng, trong một

thời gian dài, giữa những hoạt động quay cuồng, anh đã không ngừng đi tìm sự yên tĩnh. Giờ đây như một bài thơ phóng khoáng, một bản nhạc phiêu dạt, bức tranh sen đã giúp anh quên đi những ràng buộc hằng ngày của cuộc sống. Nó đề nghị với Lâm một phong thái nng dung, một phong thái mà ta khó đạt được trong một xã hội náo loạn. Trong một thế giới động, bức tranh là biểu tượng của tĩnh, của tinh thần Đông phương mà họa sĩ chứa chất tiềm tàng trong huyết quản và đã phát huy trong những năm suy tư ở phương Tây. Lâm cảnm thông sâu sắc với người bạn họa sĩ, bởi vì trong thời gian dài, chính anh cũng đã lãng du trong rừng văn hóa phương Tây và đó đây anh đã hái được những đóa hoa tươi thắm. Và cũng như bạn, anh đã quay trở về phương Đông. Không, không phải là trở về, vì cũng như bạn, trong cuộc phiêu lưu trí thức, anh chưa hẳn lạc bước ra ngoài, anh chỉ xác nhận lại hướng đi và bản sắc của mình.

Lâm lại nhìn kỹ bức tranh. Bút pháp nhẹ nhàng và đơn giản. Có lẽ họa sĩ đã dùng sự đơn giản để diễn tả cái vô cùng vô tận của vũ trụ, cái hư không. Đơn giản vì không cần nói cho hết: nghệ sĩ chỉ cần gợi lên. Cái phần không nói lên, qua nét vẽ, câu thơ, có khi lại là phần quan trọng của tác phẩm. Lão Tử chủ trương "ngôn vô ngôn" để phô diễn cái "không lời".

Nhưng bức tranh của một đóa hoa đơn độc không chỉ là biểu tượng của cái tĩnh. Nó còn tượng trưng cho nỗi cô đơn.

Thông thường, chúng ta sợ cô đơn, sợ thiếu bà con, bạn bè để giao du, sợ thiếu phương tiện giải trí. Ngoài công việc hằng ngày ở văn phòng, nhà máy, nông trại... chúng ta muốn đọc sách, xem chiếu bóng, truyền hình, nghe nhạc, chơi thể thao, thăm viếng những người quen biết... bởi vì chúng ta sợ phải sống một mình. Những phương tiện giải trí ấy có tác dụng tách bản ngã chúng ta ra khỏi chúng ta, đồng thời lấp kín khoảng thời gian trống rỗng. Cho nên ở những xã hội phát triển, những phương tiện giải trí ngày càng có địa vị quan trọng trong sinh hoạt của con người.

Ngoài ra, có những trường hợp đặc biệt, như trường hợp của người tù bị biệt giam. Bị cô lập, bị tách rời khỏi cuộc sống, không nhìn thấy ai, không liên lạc được với ai, không hoạt động và không có cách giải trí, tù nhân bị biệt giam rất thèm khát cuộc sống ở ngoài xã hội và mong thoát khỏi hoàn cảnh cô đơn. Trong những điều kiện sinh sống ấy, một phương thức có thể áp dụng để khắc

phục nỗi cô đơn đang hành hạ tù nhân là suy tư, suy tư liên tục để lấp các khoảng trống trong đầu và trong dòng thời gian. Chịu cực hình cô đơn, buộc phải không ngừng suy nghĩ, tù nhân trở nên chín chắn hơn trong tư tưởng và hành động.

Nhưng trái lại, khi chúng ta phải sống trong một môi trường náo nhiệt và hỗn tạp, cô đơn không những tối cần thiết cho người nghệ sĩ mà còn quan trọng đối với chúng ta. Jean Rostand khẳng định: "Tuổi trưởng thành là tuổi sống cô đơn". Mà thật ra, có cô đơn mới chín chắn và "trưởng thành" nhanh chóng được. Đối với con người, cô đơn như ánh nắng đối với trái cây.

Lâm không nghĩ rằng anh đã hiểu được bức tranh. Anh chỉ biết rằng những đường nét và màu sắc đã đem lại cho anh một vài cảm xúc, và đã giúp cho tâm trí anh lắng dịu xuống. Anh có thể trở lại với những suy tư riêng và những nhân vật trong bài đoản thiên đang viết nửa chừng.

*

Đêm nay, vẫn sau một ngày mệt mỏi với cuộc mưu sinh, Lâm lại ngồi vào bàn viết, lòng nặng những ưu tư về một thái độ trước cuộc sống. Đã lâu rồi cử chỉ của Đào Uyên Minh rũ áo từ quan trở về quê sống giản dị và nghèo túng như một nông dân, luôn luôn ám ảnh anh.

Anh lại nhìn lên bức tranh sen như để tìm một nguồn an ủi và, biết đâu, một lời giải đáp cho những thắc mắc của anh, dù anh biết rằng, trong rất nhiều trường hợp, người nghệ sĩ không muốn đưa ra một giải pháp nào cho những vấn đề của chúng ta. Hình dáng, màu sắc, đường nét đã trở nên thân thuộc, và đêm đêm tác phẩm nghệ thuật ấy là chứng nhân, hơn nữa, là động cơ của những suy tư miên man của anh, và là một người bạn đồng hành trên con đường cảm nghĩ.

Nhưng anh bỗng giật mình nhận ra rằng - tại sao từ hai tuần nay anh không nhận thấy - anh đã tạo ra một sự tương phản mà anh không muốn có, khi anh treo bức tranh sen ở phía trên một chiếc đồng hồ. Đó là một cái đồng hồ điện hình lục giác, mỗi chiều dài độ một gang tay, với cái kim dài cứ liên tục nhích từng giây từng phút nhắc cho ta nhớ rằng thời gian mãi mãi trôi chảy, không đứng lại để đợi chờ ai, và nhất là kêu gọi ta phải hoàn tất những công việc phải làm trong những khoảnh khắc được phân chia ra như thế. Sao anh

lại đem biểu tượng của cái tĩnh, cái lắng đọng đặt bên cạnh biểu tượng của sự chuyển động không ngừng, của sự thôi thúc phải chạy đua, phải đạt một tốc lực tối thiểu? Cắt vụn thời gian, cái đồng hồ gợi lên ý niệm về sự ngắn ngủi của kiếp nhân sinh và giục ta sống gấp; bức tranh là một hình tượng nói lên tính vĩnh cửu của sự sống.

Hai cái kim dài ngắn nhắc ta phải hành động: vài phút nữa phải mở máy truyền hình, mười phút nữa phải gọi điện thoại cho một người bạn, nửa giờ nữa phải đi gặp bác sĩ... Trong một ngày ta phải nhìn vào hai cái kim không biết bao nhiêu lần, và cái máy đo thời gian trở nên một vật không thể thiếu trong cuộc sống thường nhật.

Lâm nhớ lại: cái đồng hồ - mà Baudelaire gọi là một vị thần dầy sát khí, khủng khiếp và lạnh lùng - là vật ám ảnh anh nhiều nhất trong vòng sáu tháng nay. Sau nhiều giờ hoạt động, đầu óc anh trở nên vừa nặng nề vừa trống rỗng. Và khi rời văn phòng, anh có cảm tưởng, lúc một ngày đang chấm dứt, anh không sống thực, và cũng không sống như anh hằng mơ ước. Anh đã thực hiện một số việc, nhưng vẫn có ấn tượng rằng anh chỉ cuống quít quay cuồng để đuổi kịp thời gian.

Từ sở làm, anh ra về muộn hơn giờ quy định và thất thểu bước đi trên lề đường, nhịp chân chậm chạp, không nhanh nhẹn như ban sáng, khi anh bắt đầu một ngày hoạt động. Đứng lại gần một gốc cây ven đường, anh uể oải nhìn ánh nắng huy hoàng của một chiều cuối hè cắt ngang mấy cao ốc phía trước mặt và chiếu vào mấy cây phong trong công viên. Dưới ánh nắng, những chùm lá phong sáng lên một màu xanh non, tươi mơn mởn như trong tiết xuân làm cho lòng anh lâng lâng như muốn cất tiếng hát. Nhưng cành lá phong đang thời sung mãn không cầm chân anh mãi được, và theo thói quen, anh lại ra đi, vượt qua công viên trống trải để đến miệng hầm của hệ thống xe điện ngầm. Tiếc nuối, Lâm dừng lại ở đầu bực thang, nghiêng người nhìn bầu trời xanh ngắt và ánh nắng lấp lánh trên mấy chòm cây trong vườn hoa rộng. Anh vừa nhận thấy tính cách phi lý của cử chỉ mình. Thiên nhiên lộng lẫy và hiền hòa đang mời mọc, tại sao anh không nấn ná lại ít phút mà phải vội vàng chui vào đường hầm u tối, ngột ngạt này? Anh chỉ máy móc hành động theo một thói quen tàn nhẫn. Dòng người thúc đẩy anh, thu hút anh và anh đi theo họ để đón chuyến xe sớm nhất, về đến nhà ăn uống

vội vàng và chuẩn bị cho sinh hoạt ngày mai, một ngày mai cũng giống như ngày hôm nay.

Ngả người trên chiếc ghế tàu điện, Lâm nhắm mắt lại, lười biếng không muốn nói chuyện với những người quen, trong mấy năm qua, hầu như hằng ngày gặp anh trên những chuyến xe đều đặn. Mọi lần, anh thích thú quan sát những hành khách trong toa tàu: anh để ý đến gương mặt, dáng điệu, y phục và cả những thói quen của một số người. Trong chuyến xe sáng, nhiều người chăm chú đọc sách báo, kể cả những khi phải đứng vì thiếu chỗ ngồi. Mấy em học sinh ở toa cuối ồn ào đùa nghịch gác chân lên ghế, cái xách to tướng đựng sách vở để bên cạnh, có khi choán cả chỗ của người khác. Một phụ nữ da trắng đứng tuổi, mập mạp, vừa an vị là đem son phấn ra trang điểm. Hai vợ chồng già người Trung Hoa trò chuyện lớn tiếng như cãi nhau. Một thiếu phụ tóc bạch kim dài đến nửa lưng, suốt năm chỉ mặc toàn áo màu đen...

Nhưng chiều nay Lâm đã mất niềm vui hòa mình với cái xã hội nhỏ xung quanh. Cuộc sống đa dạng, trong lúc này, không hấp dẫn anh nữa. Không nhạy bén, và không cảm xúc sâu sắc, anh trở nên hững hờ, thờ ơ với mọi biểu hiện của nó, những biểu hiện mà anh thường theo dõi, ghi nhận, tìm hiểu, và yêu mến. Hơn nữa, anh có cảm tưởng rằng anh đang sống vật vờ, hời hợt, không ý thức rằng mình đang sống và anh thấy mình cần phải nghỉ ngơi, ít ra là một thời gian.

Lâm vẫn nhắm nghiền mắt và dòng suy tư dẫn anh nhớ đến Trương Nại, một nhà văn đời Minh. Sau khi nhắc lại lời Mạnh Tử nói đến quá trình sinh trưởng và phục hồi của cây cỏ và con người, Trương Nại nghĩ rằng sự nghỉ ngơi liên quan mật thiết đến sự sống, chứ không phải đến sự chết hay sự ngưng hoạt động. Nó cũng như lò than âm ỉ dưới đống tro nóng khi lửa vẫn cháy, và sẽ bùng lên lúc ta đổ dầu vào. Khi đề cập đến sự nghỉ ngơi, thầy Mạnh muốn nhấn mạnh đến quá trình liên tục của sự phát triển cùng sự phục hồi thế cân bằng trong thời gian hoạt động, chứ không chỉ nói đến thời kỳ ngưng hoạt động mà thôi. Hiểu như vậy thì ra sẽ bình tĩnh chu tất công việc hằng ngày, không hấp tấp khi bận rộn và giải quyết những vấn đề khó khăn một cách đơn giản và rõ ràng. Vương Dương Minh tiếp tục thảo luận về triết học ngay cả trong lúc đang

cầm quân: ta có thể nghỉ ngơi thoải mái trong những lúc bận rộn nhất.

Theo Trương Nại đời sống chúng ta hoàn toàn tùy thuộc vào nguồn sinh khí luân lưu trong người chúng ta. Vì vậy ta phải giữ thế thăng bằng để duy trì nguồn sinh khí ấy. Trong mọi hoàn cảnh, khi ta làm chủ được tình thế thì ta đạt được thế thăng bằng ấy, tạo ra sự điềm tĩnh giữa những phiền toái của cuộc đời. Ngoại cảnh có thể gây rối loạn, nhưng tâm trí ta phải thanh thản, bởi vì khi tâm trí ở vào thế cân bằng thì ngoại cảnh không thể làm cho ta bối rối. Cho nên ta phải tự nghỉ ngơi không phải trong môi trường vật chất mà chính trong tâm hồn ta. Nếu ta không tĩnh tâm thì sinh lực sẽ bị phân tán trong những hoạt động xô bồ hối hả.

Được như vậy, chắc hẳn cái đồng hồ treo trên tường văn phòng Lâm sẽ không ráo riết thôi thúc Lâm như hiện nay, với điều kiện anh phải tạo cho mình một phong thái điềm đạm để tổ chức công việc cho hợp lý. Và thời gian - cái thời gian mà Aldous Huxley gọi là thời gian giả tạo được do bằng giây phút, để phân biệt với thời gian thiên nhiên, thời gian của vũ trụ di chuyển theo nhịp vận hành của mặt trời, mặt trăng - chắc sẽ không chế ngự anh một cách khắt khe nữa.

*

Cần trả lời gấp mấy lá thư của những người bạn xa, đêm nay Lâm lại ngồi vào bàn. Vừa loay hoay viết, anh vừa canh chừng thời gian, chỉ sợ không hoàn tất kịp công việc dự định. Anh bực mình nhận ra rằng anh nhìn vào cái đồng hồ nhiều hơn là nhìn vào bức tranh sen và một điểm tương phản khác lại hiện ra trong trí anh. Hai cái kim đồng hồ giục anh hành động; bức tranh lôi kéo anh, dìu anh vào trầm tư, phải ngưng hành động để mà trầm tư, nếu ta nghĩ rằng trầm tư không phải là hành động. Anh thường bị giằng co giữa hai hình thức hoạt động ấy, dù anh ý thức được sự liên quan cơ bản giữa suy tư và hành động: hành động thúc đẩy suy tư và suy tư hướng dẫn hành động...

Hương sen như toát ra từ bức tranh và bàng bạc, vấn vương quanh quẩn trong căn phòng hẹp. Hương thời gian cổ kính, dìu dịu thấm sâu vào cơ thể Lâm: những xúc cảm tưởng như đã tàn phai của quãng hoa niên đang thấm lại trong tâm khảm anh. Sống lại những ngày cũ, anh ngồi bất động và lắng nghe làn hương gọi về tiếng

chuông xa vắng của chùa Diệu Đế. Hồi chuông ngân vang, rơi vào bóng đêm đen mượt của khu chung cư rồi dào dạt dâng lên cao trong không gian như những đợt sóng ngoài biển cả, như âm hưởng của tuổi thơ đã mất.

Hỡi tác giả bức tranh sen, con người của cố đô, lớn lên giữa Huế "xưa cũ, yên tĩnh, nhiều chùa am, lăng điện" và "vắng vẻ đến thâm u" như anh viết trong một tác phẩm của anh, hỡi người bạn đồng hương, chắc hẳn chúng ta sẽ phải tìm lại những đóa sen của chúng ta. Màu sắc, hình dáng và hương thơm của sen là hình ảnh và hương vị của quê hương. Nhưng đến ngày trở về, sen có còn là sen của ngày trước nữa không? Anh có băn khoăn như Lê Cảnh Tuân, cách đây gần 600 năm, khi lưu lạc qua Trung Quốc, tự than với mình, trong ngày Tết Nguyên Đán:

Quy kỳ hà nhật thị
Lão tận cố hương mai!
(Ngày nào về quê cũ
Mai già cỗi hết rồi) (1)

Hoàng Liên

---

(1) Bản dịch của Văn Học

LƯU HY LẠC

buổi trưa

Tuổi quê
hỏi
để quên, nhà
Ngó ngơ ngác
rợn tiếng gà
giữa trưa
Vốc lên mặt
bụm gió mưa
Một chân
dầy bụi
lấp vừa
trước sau.

LƯU HY LẠC

tuổi tôi

đặt để chi thắt vòng tuổi nát
hỏi từ đâu điểm tụ thân sơ
nhện kín mịt mối mờ tiêu xác
hụt bàn chân bao lượt mép bờ

đâu thiết nữa lẽ điều phù chú
nhổ sân si cả búng rối mù
chỉ lòng tay hãm đường nông nỗi
nhớn nhác bèo đưa giạt trong lu

ta sâm thương can qua hư đốn
ca cẩm rền rĩ mãi vô ngôn
bật đau điếng chỗ xương thịt rữa
nhịp trái tuôn động cõn mất hồn

thở hắt ra vỡ suồng sã nợ
biến người thành giả gióng kêu cơ
khói vất vưởng chờn vờn miệng lưỡi
ngậm lời rao tiết điệu phỉnh phờ.

HOÀNG CHÍNH

tai họa

1-

Hắn sẽ giết nàng; giết nàng ngay khi hắn vừa đặt chân đến mảnh đất tự do đầy hứa hẹn này. Đâu có thể để chuyện đó xảy ra được; nhưng biết làm sao bây giờ. Thời giờ qua vùn vụt. Chỉ còn hai ngày nữa, hắn sẽ có mặt ở đây. Hắn; bằng xương bằng thịt, sẽ đi đi lại lại trong căn phòng thơm mùi nước hoa của nàng. Hắn sẽ dừng lại trước cái tủ đựng đầy băng nhạc kia, nhìn lướt qua những tên băng, lắc lắc cái đầu như không tin ở mắt mình; hắn sẽ tìm những băng nhạc tiền chiến. Tại sao lại cứ phải tiền chiến cơ chứ. Nàng bực bội. Đã thưởng thức nghệ thuật thì mắc mớ gì phải hẹp hòi đến như vậy. Hắn sẽ hỏi về những cuốn sách Việt ngữ xuất bản ở nước người, như ngày xưa hắn vẫn thường hỏi về những nhà văn, những nhà thơ mà hắn mến phục. Nhưng làm gì thì làm, hắn cũng sẽ không thể nào không hỏi đến chuyện ấy. Hắn sẽ hỏi nàng "Tại sao? Tại sao...". Trời ơi, nghĩ đến chuyện ấy, nàng muốn điên lên vì lo lắng. Chỉ còn hai ngày nữa thôi. Cái thư báo của sở di trú còn nằm trơ ra kia, trên chiếc bàn phấn đầy những cây son đủ màu của nàng. Hai hôm nữa thôi, nàng sẽ chết. Mà cho tới giây phút này, nàng vẫn không hiểu nàng sẽ chết cách nào. Hắn có đủ khoan dung để tha thứ cho nàng không? Tha thứ "*Nếu như có một lần nào đó em lầm lỡ*", một lần, cách đây khá lâu, nàng đã hỏi hắn, "*Anh có đủ khoan dung để tha thứ cho em không?*" Nàng nhớ, hắn đã lặng người đi mất vài giây. Đầu tiên, hắn nhìn nàng một cách sững sờ, rồi quay mặt đi, nhìn theo những chiếc lá, bay loãng quãng trong khoảng sân hẹp, ngập ngừng đeo lên mặt một nụ cười gượng gạo, như thể gã hề đeo vội vàng chiếc mặt nạ có nụ cười méo mó như đang mếu: "*Thì cũng phải tha thứ, chứ biết làm gì khác hơn được...*". Ngập ngừng một lát,

hắn hỏi ngược lại nàng: "*Còn em, nếu lỡ như*", hắn rặn ra một cách khó khăn hai chữ "lỡ như" làm nàng thấy buồn cười, "*Lỡ như anh sa ngã với ai đó, em có tha thứ cho anh không?*" "*Tha thứ chứ, nhưng lâu lâu nhớ lại và cằn nhằn một chút, cho bõ ghét*". Hắn bỗng nói, một cách nghiêm trang" *Nhưng có thể... anh sẽ giết em...*". "*Giết cách nào*", nàng trìu mến nhìn hắn. "*Anh sẽ chỉ khoan dung tới mức cho em chọn cách chết*". Nàng còn nhớ khi nói ra hết được câu nói khó khăn, như thể moi ra tận đáy sâu lòng hắn, hắn đã bóp vai nàng nhè nhẹ. Những ngón tay thư sinh, mỏng manh của hắn đã truyền qua lớp vai áo mỏng, vào da thịt nàng, làn cảm xúc lâng lâng, dịu dàng; Và cả hai đã cùng hiểu rằng đó chỉ là những câu đối thoại nửa đùa nửa thật; rằng những điều đó sẽ không bao giờ phải xảy ra; rằng tình yêu giữa hai người là một cái gì đó vĩnh cửu.

Đó chỉ là một phần của những giấc mơ của hai người còn sống, hạnh phúc tràn đầy, nồng nàn, tha thiết. Bây giờ, nàng như vừa tỉnh dậy từ một giấc mơ., bất gặp mình đang sống với thực tế ác mộng. Nàng sẽ chết. "Anh sẽ chỉ khoan dung tới mức cho em chọn cách chết", ngày xưa, hắn đã nói với nàng như vậy. Nàng phải tự vệ, bằng bất cứ giá nào. Nàng nhìn lướt quanh phòng. Căn phòng có mùi nước hoa dìu dịu. Những sa lông, bàn ghế ngu ngơ, cái tủ đựng đồ quý (nàng chẳng biết những chén dĩa cũ nàng mua "*garage sale*" kia có giá trị gì, nhưng nàng quý chúng, vì cái nét cổ xưa của chúng), chiếc tủ đứng đựng đầy băng nhạc Việt. Một vài nét mặt ca sĩ lấp ló trong kẹt tủ, như nhìn lén nàng. Trời ơi, những thứ này sao có lúc lại vô tích sự đến như vậy. Chúng chẳng làm được một chút gì khả dĩ cứu vãn được mạng sống nàng trong lúc nguy khốn này. Nàng nhìn xuống bếp. Cái bếp lò mới sáng lấp lánh dưới ánh đèn. Những hộc tủ đựng bát dĩa, soong chảo âm thầm đóng kín. Những con dao mới gài trên cái giá gỗ, ném vào mặt nàng những tia sáng trắng lấp loáng. Những con dao. Ừ, những con dao ấy coi bộ được. Phải lấy một con, giấu sẵn đâu đó trong tầm tay, để có thể chỉ quơ tay ra là lấy được. Nếu như hắn toan giết nàng, nàng chỉ việc vung mũi dao lên, nhắm vào tim hắn. Trái tim đàn ông trong cái lồng ngực hom hem của hắn sẽ vỡ ra, vòi máu đỏ thẫm phun tóe ra khỏi lồng ngực. Ý nghĩ đen tối làm nàng kinh hoảng. Nàng nghe tiếng tim mình đập cuống lên, như muốn vỡ ra dưới lớp áo ngủ mỏng như lưới màu hồng. Có cái gì đó quặn thắt trong bụng nàng. Thằng nhỏ (hay con nhỏ?) này quả là cứng đầu. Nàng đặt tay lên khoảng bụng

dưới cong cong, xoa xoa nhè nhẹ. Không lẽ cái thai đã có thể đạp giãy trong bụng mẹ sau chỉ mới hai tháng trời? Con ơi, con đang hại mẹ đấy. "*Mày thì vui sướng lắm, đâu biết mẹ lo muốn nẫu ruột ra*", câu nói ngày xưa mẹ nàng hay nói với chị em nàng, chợt chạy qua trong trí tưởng nàng. Nàng ngả người ra chiếc nệm ghế sa lông êm ái. Những đứa con có bao giờ hiểu hết được nỗi khổ tâm của bố mẹ. Nàng nghĩ, và chợt thấy thương bà mẹ già giờ này ở tuốt phía bên kia của quả đất. "*Giờ này mẹ đang làm gì nhỉ*, nàng nghĩ, "*phải như có mẹ ở đây, con đỡ lo biết bao nhiêu. Ừ, nếu như có mẹ ở đây với mình thì đâu đến nỗi xảy ra chuyện này*". Có bà mẹ già bên cạnh, cái gã đàn ông ấy đâu có thể vác đàn đến nhà nàng, hát cho nàng nghe những bài hát nghe buồn đến thâm tím ruột gan, ròng rã ngày này qua ngày khác. Tiếng hát của gã thấm vào nỗi cô đơn của nàng hằng đêm, và nàng - đứa con gái trần ăn trăn quấn, như bạn bè vẫn nói - đã phủ phục dưới chân gã, như con rắn độc, bị trù ếm bởi tiếng sáo của gã phù thủy tài ba. Bây giờ gã ở đâu? Cái loại người ăn ở không có trước có sau ấy, bây giờ đang đàn hát cho ai nghe vậy hả trời? Nghĩ đến gã, nước mắt nàng ứa ra hai khóe mi, tràn xuống má, gây nên cảm giác ngưa ngứa, lành lạnh. Thằng khốn nạn. Cái chất "chằng ăn trăn quấn" trong người bừng bừng xông lên đầu nàng, nồng như men rượu. Bà mà gặp mày, bà đâm chết ngay. Nhưng phải công nhận, gã có giọng ca trời cho. Giọng ca của gã nhừa nhựa, trầm trầm nghe thống thiết, bi ai khó tả. Gã còn có thêm tài đàn tây ban cầm. Nghe gã đàn, trái tim nàng mềm ra, chân tay nàng xuôi xuống, rũ liệt. Gã chả bao giờ cần nhìn bản nhạc. Gã đàn một cách thuộc lòng. Những bài hát, những nốt nhạc, hẳn đã thấm sâu trong tim gã; và tiếng đàn, như phát ra từ những đầu ngón tay không có vẻ gì là tài hoa của gã. Nàng mê tiếng đàn và giọng ca nhừa nhựa - như chất keo dưới đáy ly cà phê đậm - của gã. Chỉ có thế thôi. Nhưng nàng có tật liều lĩnh. Nàng yêu những cuộc phiêu lưu. Nàng thí nghiệm một hình thức phiêu lưu cũ kỹ với thiên hạ nhưng mới mẻ với nàng. Cứ thử xem, có chết chóc ai đâu. Chồng nàng - ừ, cái gã đàn ông trai trẻ thuở nào, bây giờ hẳn đã hom hem như ông cụ - làm thế nào mà biết được. Nàng chỉ muốn thử xem cái cảm giác khi "ở" với một người đàn ông khác nó ra làm sao thôi. Tại tiếng đàn và giọng ca của gã một phần. Nếu không...

Nàng chống tay ngồi dậy. Những giọt nước mắt khô lại trên má, dính nham nhấp. Nàng uể oải đứng dậy, đi vào nhà vệ sinh. Ánh

đèn nhà vệ sinh sáng trắng. Hai cái bóng đèn một trăm watt soi rõ gương mặt nàng trắng hồng trong tấm gương hình chữ nhật. Nàng nhìn khuôn mặt mình trong gương. Khuôn mặt hình trái xoan tròn đầy. Hai má hồng hồng mịn màng tươi mát. "*Mỗi lần nhìn đôi má hồng hồng của em, lại muốn cắn một cái*". Ngày xưa hắn vẫn thường nói thầm vào tai nàng như thế. Nàng còn nhớ được cả cái làn hơi nồng nồng, ấm ấm thổi lên vành tai trắng mỏng, vào tận trong lỗ tai, làm nàng rởn ốc. Hắn rụt rè, nhưng chinh phục đàn bà cũng có nghệ thuật lắm chứ chẳng vừa. Hắn biết trích thơ văn từ cổ tới kim để thuyết phục nàng. Xa cách bốn năm trời, trí nhớ đã phai đi ít nhiều, nhưng nàng cũng còn nhớ được rất nhiều về hắn, như cặp môi mềm mềm nham nhám trên vành tai, giống hệt con sóc nhỏ trong sân nhà nàng nhấm nháp mẩu bánh mì vụn mỗi sáng nàng quăng cho. Cái gã nghệ sĩ kia không có được cái biệt tài của con sóc nhỏ, gã chỉ biết đàn, hát, và rồi kéo nàng vào phòng, đóng cửa phòng ngủ lại, gài móc cẩn thận dù trong nhà chỉ có hai người. Nhìn đôi mắt mình sáng lấp lánh trong gương, nàng nhận thấy cặp mắt mình có hơi buồn thật. Ngày xưa bạn bè thường nói nàng có đôi mắt buồn, hẳn tương lai sẽ khổ nhiều. Đôi mắt này, có còn trong trí nhớ của hắn không? Và gã dàn ông nghệ sĩ kia nữa, gã có còn mang hình bóng nàng theo gã, tới tận cái phương trời nào gã đang ẩn dật không? Ối, mà dù gã có đem theo hình bóng nàng, thì nàng cũng đã ăn cái giải gì cơ chứ? Nàng, kết cục cũng phải tìm lấy lối thoát cho riêng mình. Gã chỉ là đồ vô tích sự. Nàng nhìn xuống đôi môi nhợt nhạt. Đôi môi hơi cong ở phía trước. Hồi đó, hắn bảo nàng "*Đôi môi của em cong cong, thấy muốn cắn*". Lại cắn. Nàng ngậm ngùi thầm nghĩ "*Anh tuổi Tuất hay sao mà tối ngày đòi cắn*". Nàng chợt rưng rưng thương cảm hắn. Bốn năm năm nay sống ra sao không biết nữa. Thư hắn gửi cho nàng tương đối dều đặn. Nhưng hắn hẳn có điều gì giấu giếm nàng. "*Anh vẫn bình yên, anh vẫn bình yên*", "*Anh có vợ bé chưa đấy?*" "*Dễ gì còn có người ưng anh? Anh già cỗi như một ông cụ. Anh có tóc bạc rồi đấy. Yên tâm đi, nhỏ*".

Nàng ngậm ngùi nhìn mái tóc màu đen óng ả của nàng trong gương. Từ lúc xa nhau đến giờ, hai người tránh nhắc tới những điều mà cả hai cùng coi như tai họa. "*Nếu như em lầm lỡ...*"; "*Nếu như anh sa ngã...*". Thì sao đây, biết làm sao đây? Nàng lắc lắc đầu, như xua đuổi những ý nghĩ màu xám trong đầu. Nàng vặn vòi nước nóng, vặn thêm vòi nước lạnh. Đưa tay vào dòug nước chảy, thử

xem vừa đủ ấm chưa. Và nàng vốc nước lên, rửa mặt, qua loa như con mèo nhỏ - nàng hay bắt gặp - rửa mặt trong khoảng sân ngập nắng vàng hồi nàng còn nhỏ.

Nàng lau mặt bằng chiếc khăn bông trắng mềm mại. Rồi uể oải bước ra phòng khách. Khi đi ngang phòng ngủ, nàng liếc nhìn vào phòng. Tờ giấy báo tin chuyến bay của hắn, do sở di trú gửi cho nàng, vẫn nằm lặng lờ trên mặt bàn trang điểm của nàng. Chiếc gối ôm dài màu trắng nằm vắt ngang giường, trông như một thân người còn mê ngủ. Nàng bất giác nghĩ tới gã nghệ sĩ lang thang. Cái gối ôm. Gã đàn ông lười biếng, vô tích sự, không biết gì khác hơn những bài ca buồn não nuột. Cái gối ôm ấy, hai ngày nữa, chồng nàng sẽ nằm gác cái chân gầy nhom lên, thoải mái, lim dim, hạnh phúc. Chồng nàng bây giờ ra sao nhỉ, mập hay ốm? Nàng cố hình dung ra hắn nằm trên chiếc giường êm ái, những hình ảnh nhạt nhòa, chồng gấp lên nhau, mù mịt. Dù sao đi nữa, hắn sẽ có mặt ở đây trong vòng hơn một ngày rưỡi nữa. Hắn sẽ rưng rưng cảm động vì được đoàn tụ với người vợ đã mấy năm trời xa cách. Hắn sẽ hỏi han đủ chuyện, nhưng làm cách nào nàng giấu được cái khoảng bụng đã bắt đầu gò cao của nàng? Hắn sẽ làm gì khi tìm ra câu trả lời. Hắn sẽ - nàng không thể đoán trước được những câu hắn sẽ hỏi khi biết nàng đã "*lỡ lầm*", "*Với ai? Trời ơi, với ai*". Không, nàng không nghĩ là hắn sẽ hỏi nàng câu ấy. Với ai thì cũng vậy thôi. Hắn thắc mắc thêm nữa làm chi cho khổ. Nàng biết tính hắn. Hắn sẽ lặng lẽ đau khổ. Nhưng cái điều nàng không thể lường trước được, là những phản ứng của hắn. Hắn sẽ làm gì nàng, hở trời? Hắn có giết nàng như đã hứa - ngày xưa, trong lúc hai người tỉ tê tâm sự không? Hắn là con người cương quyết, một là một, hai là hai. Hắn sẽ giết nàng mất thôi. Chắc chắn.

Nàng cầm ống nghe điện thoại lên, quay số bằng những ngón tay ngậm đầy âu lo. Tiếng nói vọng ra trong ống nghe. Nàng hấp tấp tuôn vào ống nói những điều tích chứa trong đầu cả tuần lễ nay, không kịp để cho đầu dây bên kia có cơ hội ngắt lời nàng.

"...Vâng, tôi có hẹn tuần tới. Tôi biết, nhưng tôi muốn được hẹn sớm hơn nữa. Khẩn cấp. Đây là trường hợp khẩn cấp. Làm ơn...", nàng nhắc đi nhắc lại những chữ "*Emergency*" bằng thứ tiếng Anh lai giọng Tàu.

"Sao mà khẩn cấp. Bà có bị xuất huyết không?" Tiếng nói ở đầu dây bên kia bình thản, tự tin.

Nàng hấp tấp:

"Không, không xuất huyết gì cả, nhưng khẩn cấp lắm, tôi không thể chờ lâu hơn được. Làm ơn cho tôi cái hẹn sớm hơn...".

Tiếng nói ở đầu dây bên kia thong thả đến độ tàn nhẫn:

"Thưa bà, không thể được, chúng tôi không còn giờ nào trống cả. Bà rán chờ thêm một tuần nữa thôi, cái thai cũng chẳng lớn thêm bao nhiêu".

"Tuần sau thì muộn mất rồi! *Please do me a favor!*. Làm ơn, làm ơn". Nàng cố gắng thuyết phục người y tá ở đầu dây bên kia.

"*Are you sure?*"

Trời ơi, còn chắc với không chắc gì nữa. Nàng biết quá rõ là chồng nàng sẽ có mặt ở đây trong vòng hai ngày. Ém nhẹm được thì nên ém trước khi hắn tới. Ăn vụng cũng phải biết chùi mép cho đúng lúc chứ. Nàng muốn điên lên vì giận.

"Tôi biết chắc chắn là tuần sau thì đã muộn mất rồi", nàng nói như gào lên trong điện thoại "mấy người tàn nhẫn lắm".

"Thôi được, chúng tôi sẽ điện thoại cho bà biết ngay khi có ai bỏ hẹn, đó là cách duy nhất chúng tôi có thể làm để giúp bà trong hoàn cảnh này", giọng nói của người y tá điềm đạm.

"Vâng, thôi cũng được", nàng bật khóc "nếu có ai bỏ hẹn, làm ơn cho tôi biết liền".

"Vâng, chúng tôi hứa. Bà sao vậy? Bà cần *counselling* không? chúng tôi sẽ giới thiệu cho, *hello, hello*, bà còn ở đó không?"

Nàng cám ơn một cách vấn tắt và gác máy điện thoại, cắt đứt những tiếng nói léo nhéo vọng ra từ ống nói. *Cao-sơ-linh, cao-sơ-linh* cái nỗi gì! nàng rủa thầm, và lặng lẽ đưa tay gạt nước mắt.

Nàng nhìn lên cái đồng hồ treo trên tường. Đã mười giờ sáng rồi. Giờ này bên cái trại tỵ nạn nhỏ bé ở Mã Lai, hắn đang làm gì nhỉ. Mười giờ sáng Bắc Mỹ tức là mười giờ đêm Mã Lai. Hắn đang làm gì lúc đêm hôm khuya khoắt ở cái xứ nhiệt đới nóng bức ấy chứ. Đang trằn trọc suy nghĩ và nôn nóng hình dung ra phút giây gặp lại người vợ hiền thục (nàng có còn hiền như ngày xưa không?) đã xa cách từ mấy năm nay? Tội nghiệp anh chàng. Nàng ngậm ngùi thương cảm hắn. Con người hắn nhiều tham vọng và cũng đầy

tự ái. Giờ này hắn đang làm gì? Nàng cau mày suy nghĩ. Hắn có đang ngủ ngon lành bên một người đàn bà nào khác không? Tình trạng đi định cư của người tỵ nạn bây giờ tương đối khó khăn. Nhiều khi người ta phải "ghép hộ" để mong được cao ủy phỏng vấn. Hắn có "ghép hộ" với ai không vậy nè? Đời sống chung chạ ở trại tỵ nạn dễ làm cho người ta sa ngã. Nàng biết rõ quá mà. Chính nàng hồi đó đã từng vất vả chiến đấu với chính lòng mình, với những lời nói ngào đường ướp mật. Ừ, đàn ông dễ vấp ngã hơn đàn bà nhiều chứ. Hắn, cứng rắn tới cỡ nào. Nàng thấy nóng bừng ở hai bên má như người lên cơn sốt.

Nàng ngồi thừ người trên ghế, loay hoay tìm cái đồ bấm ti vi. "Quái lạ, cái đồ bấm ti vi mới tối hôm qua còn ở đây", nàng lẩm bẩm. Nàng nhớ rõ tối hôm qua nàng ngồi coi ti vi với thằng em nuôi - nàng có nhiều anh nuôi, em nuôi cho đời bớt trống trải "*Ê, ê, làm gì kỳ vậy. Lộn xộn, chị "từ" em luôn à nghe!*", "*Em có làm gì đâu. Tại ngồi lâu, mỏi, vận động tay chân chút vậy mà!*" "*Đồ quỷ!*" - nàng lật tấm nệm ghế lên, loay hoay tìm kiếm. Nàng khom người nhìn xuống dưới gầm bàn. Vài cuốn tạp chí thời trang nằm gác lên nhau trên mặt bàn. Những cô kiểu mẫu trên bìa báo nhìn nàng, như hỏi han, với những nụ cười dáng giá bạc triệu. Nàng chợt cảm thấy nôn nao, khó chịu. Những buổi sáng lẻ loi. Cái bào thai nghịch ngợm hành hạ nàng tận tình. Nó sắp làm nàng ói mửa nữa đây. Nàng bần thần nghĩ tới những cơn nôn bào gan, xé ruột. "Cái đồ bấm ti vi, trời ơi, sao cấp này đầu óc mình bấn loạn lung tung thế này", nàng rên rỉ lúc lắc cái đầu, như con mèo bị dứa bé lí lắc giựt những sợi râu mép cứng như dây cước. Không lẽ thằng em nuôi đem cái đồ bấm ti vi của nàng về nhà. Để làm gì mới được chứ? Hình ảnh thằng em nuôi chồng chập lên hình ảnh chồng nàng bên trại tỵ nạn. Màu sắc pha trộn vào nhau, nhòe nhoẹt trong trí tưởng tượng của nàng. Chồng nàng; nàng cố hình dung ra vóc dáng người đàn bà mà hắn - có thể - đang ôm ấp, gỡ gạc đêm cuối cùng, bên trại tỵ nạn. Bàn tay hắn cũng đâu có hiền lành chất phác gì (như những điều hắn nói). Bàn tay hắn - trong trí tưởng nàng - làm nàng nghĩ ngay tới bàn tay thằng em nuôi. *Trời ơi! Cái bọn đàn ông...*

Nàng cảm thấy muốn nôn. Cái bao tử quặn thắt. Khoảng bụng dưới gồ lên, xẹp xuống, nôn nao khó chịu. Nàng đứng vội lên, đi vào nhà tắm. Cái bóng trong tấm gương hình chữ nhật nhìn nàng bằng cái nhìn ngơ ngáo. Nàng thấy mình tiều tụy. Nàng nôn khan

trong chậu rửa mặt. "Ôi chao! Sao mình xấu xí đến thế này", nàng nghĩ thầm, khi liếc bóng mình trong gương. Cái đồ bấm tỉ vi nằm cạnh chiếc bàn chải răng. "Trời ơi, sao mà tôi đãng trí thế này!" nàng kêu rêu.

Chợt chuông điện thoại reo. Tim nàng muốn bung ra khỏi lồng ngbc vì mừng rỡ. Bệnh viện cho hẹn sớm hơn chắc. Mừng ơi là mừng. Nàng hấp tấp chạy ra phòng khách, cuống quít chụp lấy cái ống nghe.

"Thu đó hả?"

Trời thần ơi, thằng em nuôi. Vừa mới nghĩ đến nó xong. Nếu nhắc tiền nhắc bạc mà được như vậy hẳn nàng đã trở thành triệu phú từ lâu rồi. Hôm nay, nó còn dám gọi tên nàng nữa chứ. Chữ "chị" thường ngày đã bị bỏ đi mất tiêu. Bực mình, nàng nhấm nhẳn:

"Không phải".

Thằng con trai cười vang trong ống nghe. Nàng thấy được cả những sợi râu mép lưa thưa trên cằm thằng nhỏ. Nó lì lợm:

"Không phải Thu cũng chẳng sao. Ngày mai "*thằng chả*" qua tới rồi phải không?"

A, cái thằng láo lếu. Dám gọi chồng nàng bằng "thằng chả". Nó tưởng nàng gọi chồng nàng như vậy rồi nó cũng có quyền gọi theo sao. Nàng trả lời cộc lốc:

"Ừ".

"Chà, vậy là mai mốt hết lại chơi được rồi".

Giọng gã trai trẻ than van. Nàng dỗ dành:

"Có sao? Nhận ảnh làm anh nuôi luôn".

"Thôi, kỳ thấy mồ!"

Thằng nhóc này lạ; làm em nuôi nàng thì được mà làm em nuôi của chồng nàng thì lại kỳ. *Cái bọn đàn ông*! nàng rủa thầm.

"Thu nói gì vậy?"

Nàng lúng túng:

"À... có nói gì đâu".

Cả hai cùng lặng thinh. Một lát, nàng nghe tiếng thằng nhỏ thì thào:

"Vậy chỉ còn đêm nay là đêm cuối cùng...".

"Hả?"

Nàng giật mình, nói như thét vào điện thoại. Thằng con trai đổi giọng:

"Tối nay, ghé thăm Thu lần chót".

"Thôi!"

"Cứ lại".

"Thu sẽ đi ngủ nhờ nhà bạn". Nàng trở lại thói quen xưng tên với thằng em nuôi.

"Cứ lại".

"Dừng!"

"Cứ lại".

"Thôi, *Bye* nhé", nàng nói nhưng vẫn áp ống nghe điện thoại vào tai.

Nàng nghe tiếng thằng nhỏ hốt hoảng:

"Dừng, Thu, đừng cúp *phôn*. Thu à, Thu, Thu...".

Nàng thong thả, nhẹ nhàng đặt ống nghe điện thoại xuống, cắt đứt những tiếng kêu gào thống thiết của đứa con trai lỳ lợm. Nàng nhặt đồ bấm ti vi lên, bấm nút chọn đài. Buổi sáng ngày thường, chương trình của những đài truyền hình trong khu vực máy nàng có thể bắt được, toàn những "show" nhảm nhí. Nàng chán nản tắt máy, lẹt xẹt kéo lê đôi dép mỏng teo đi vào phòng ngủ. Nàng cầm tờ giấy báo của sở di trú - bỏ lây lất trên bàn phấn - nhìn lướt qua những dòng chữ màu đen, như đan díu vào nhau. Lá thư ngắn gọn và đầy đủ. Rõ ràng nhất là ngày đến Canada của chồng nàng. Ngày, tháng, năm rõ rệt đến lạnh lùng. Ngày mốt, lúc một giờ trưa, hắn sẽ có mặt tại phi trường. Tại sao hắn lại không đến trễ giùm nàng khoảng hai tuần. Chắc chắn hắn không bao giờ muốn nhìn thấy cái bụng nàng cong cong, tròn đầy một cách khác thường như thế này. Và nàng cũng không muốn thấy cái nhìn sững sờ trong mắt hắn. Hắn chỉ cần đến trễ khoảng hai tuần, lúc đó, bụng nàng đã thon, gọn. Nàng sẽ căng da, mát thịt như con gái mới về nhà chồng. Tại sao chuyến bay không bị hoãn lại như bao chuyến bay khác vậy nè. Nàng bất chợt nghĩ đến những tai nạn máy bay thảm khốc thường thấy trên ti vi lúc coi tin tức mỗi buổi chiều. Nàng lắc lắc cái đầu tròn trĩnh, những sợi tóc rũ xuống trước vầng trán cao. Nàng thấy nàng rũ rượi trong tấm gương soi. Tai nạn máy bay thì thảm khốc quá. Nàng nghĩ đến những vụ cướp máy bay. Ừ, chỉ cần có vài tên không tặc. Phi công

bị cưỡng bức phải đổi hướng bay, tới Havana chẳng hạn. Rồi bọn không tặc trốn đi. Chẳng có ai hề hấn gì, chỉ hồi hộp chút thôi. Không ai chết cả. Không cần phải có người chết. Chỉ cần cho chuyến bay đến muộn, trễ đâu khoảng hơn một tuần là đủ. Những tên không tặc dễ thương. Nàng lẩm thẩm khấn vái. Những tên không tặc, những tên không tặc, lạy Trời, lạy Phật...

Chuông điện thoại lại reo. Nàng giật bắn người. Cứ cái kiểu này thì đau tim mất thôi. Nàng còn trẻ trung, mượt mà, nàng chưa thể chết. Chắc lại thằng em nuôi chứ không ai khác. Cái thằng lì lợm. Nó cũng đang thất nghiệp như nàng. Cái thằng nhóc táy máy nghịch ngợm, cái thằng nhàn cư vi bất thiện ấy...

"Hello!", nàng nói, cộc cằn, như gây gỗ với cái điện thoại.

"Vâng, làm ơn cho tôi nói chuyện với cô Thu ạ...".

Giọng đàn ông, nhỏ nhẹ, rụt rè. Thằng cha nào mà có vẻ nhát gái thế không biết. Nàng sựng lại một vài giây. Chắc chắn không phải là thằng em nuôi, và cũng không phải giọng nói của gã nghệ sĩ giang hồ lưu lạc rồi. Nàng dịu giọng, nói như hát vào ống nói điện thoại:

"Vâng, Thu đây. Xin lỗi ai ở đầu dây đó ạ"

Có tiếng reo mừng òa vỡ ở đầu dây.

"Ơ, Thu đó hả? Đang làm gì đó?"

Nàng hồi hộp, hình dung ra khuôn mặt gã trai trẻ đang nói chuyện với nàng. Giọng nói quen quen, trầm trầm, hơi khàn này, nàng đã nghe đâu đó. Thật tình, cái bọn đàn ông, làm nàng nhức tim hoài. Hơi bực mình vì cái lối úp úp mở mở của hắn nhưng nàng cối mềm mỏng:

"Dạ, cũng không làm gì. Xin lỗi, ai đó ạ?"

"Thu thử đoán xem", giọng nói đàn ông hân hoan, thích thú.

"Chịu thôi".

"Quên mau dữ há. Anh nè!"

Nàng bực mình. Thì biết là anh rồi, nhưng anh nào mới được chứ. Nàng có bao nhiêu là anh nuôi, em nuôi. Không để cho nàng phải suy nghĩ lâu lắc, hắn tiếp ngay:

"Phúc đây".

Tiếng súng hay tiếng bom chát chúa nổ trong trí tưởng nàng. Phúc đó ư?

"Trời Phật ơi, anh đó hả? Anh đang ở đâu vậy? Anh ở Mã Lai hả?" nàng nói một hơi, mà tay chân thì rụng rời. Tiếng chồng nàng cười, vang vang trong ống nghe điện thoại:

"Anh đang ở Gia Nã Đại nè".

"Trời đất quỷ thần ơi, sao tới mau vậy?"

Tim nàng đập muốn vỡ tan tành lồng ngực. Chồng nàng tiếp:

"Anh được đổi chuyến bay. Mừng không cưng?"

Mặt nàng hoa lên. Mồ hôi nàng ứa ra những lỗ chân lông trên trán, trên má, lạnh ngắt.

"Trời hại tôi rồi", nàng lẩm bẩm.

"Em nói gì, anh nghe không rõ?" tiếng người chồng, lẫn trong tiếng trẻ con khóc vang vang.

Nàng lúng túng:

"Không, em có nói gì đâu. Mà... mà... anh đang ở Canada thật hả?"

"Ừ".

"Đừng giỡn, làm em đau tim chết luôn à". Nàng cố ướp đường vào giọng nói. Chồng nàng cảm động:

"Thật mà, có bao giờ anh nói dóc với Thu chưa?" những ngón tay tê cứng nàng bóp muốn nát cái ống nghe điện thoại.

"Anh đang ở đâu?" nàng hỏi, thầm mong hắn còn đang ở đâu đó tuốt bên Mã Lai hay Nhật Bản. Tiếng hắn xa, nhưng nghe rõ mồn một:

"Anh ở Văng-cu-ve".

Nàng lại nghe tiếng trẻ con lao xao trong điện thoại.

"Nói dóc đi, em nghe tiếng trẻ con nói chuyện um xùm kìa", nàng ngọt ngào năn nỉ, "Nói thật đi mà, anh đang ở đâu?"

Chồng nàng thích thú:

"Anh đang chờ chuyển máy bay ở Văng-cu-ve".

Đang lo muốn điên loạn, mà nàng cũng tức cười khi nghe hắn phát âm cái tên thành phố theo giọng Pháp.

"Thật không?" nàng rên rỉ.

"Thật chứ, anh đang ở nhà người bạn. Bốn tiếng sau mới có máy bay để chuyển".

Một ý nghĩ chạy qua trong óc nàng như tia chớp. Bốn tiếng,

cộng thêm mấy giờ bay nữa, vị chi cũng gần mười tiếng. Khoảng tám giờ tối nay, hắn sẽ có mặt ở đây, nàng cuống cuồng:

"Ừ, sao không ở đó chơi vài ngày cho viết Vancouver?"

"Nhớ em muốn chết".

"Mai mốt dễ gì có dịp đi Vancouver", nàng ngắt lời chồng.

Giọng hắn sôi nổi:

"Em không nhớ anh sao?"

"Sao không", câu trả lời như dán sẵn đâu đó trên đầu lưỡi, nàng ngọt ngào, "đêm nào ngủ mà chẳng mơ thấy anh".

Dường như chồng nàng cảm động đến tắc nghẹn ở đầu dây bên kia. Nàng cố tính toán thật nhanh, nhưng không tìm ra được bất kỳ giải pháp nào khả dĩ cứu vãn được tình thế. Cái bụng lại quặn lên làm nàng khó chịu. Nàng muốn ói.

"Vậy là mấy tiếng nữa anh em gặp rồi, Thu ơi". Chồng nàng nói, như reo vui trong điện thoại. Nàng bần thần:

"Ừ, thôi cúp đi anh. *Long distance* tốn tiền lắm đấy".

Phải mất vài giây, chồng nàng mới như hiểu ra điều nàng nói. Hắn ngập ngừng:

"Ừ, chừng nào tới Toronto, anh sẽ gọi điện thoại cho em ra đón nhé".

Nàng lừng khừng:

"Không biết em có đi đón được không. Mấy bữa nay, em yếu trong người".

Giọng chồng nàng hốt hoảng:

"Em bịnh hả, có sao không?"

"Em". Nàng chần chừ vài giây, "bị cúm". Nàng che miệng, rặn ra một tiếng ho vất vả.

"Vậy thôi, đừng đi. Để anh đi taxi về cũng được. Rán giữ sức khỏe nghe Thu".

Trời ơi, giọng nói ngọt ngào của hắn, làm sống hẳn lại trong nàng cái thời đưa đón nồng nàn tình nghĩa thuở nào. Sài Gòn ơi là Sài Gòn. Bây giờ làm sao đây. Nàng thấy những ngón tay mình run rẩy cào cào trên mặt bàn để lại những vết trầy mờ mờ.

"Ừ, thôi, bye nhé".

Nàng bần thần gác ống nghe lên máy, liếc nhìn cái đồng hồ treo

trên tường, món quà sinh nhật năm rồi, của gã nghệ sĩ lang thang trao tặng. Bây giờ gã ở đâu? "Cái bọn đàn ông này!" nàng rủa thầm. Cả đến thằng cha bạn của chồng nàng ở Vancouver, cũng keo kiệt đến nỗi không dám mời bạn ở lại chơi một vài ngày. Vé máy bay vài trăm bạc thì có nghĩa lý gì với cái tình tha hương ngộ cố tri cơ chứ. Mười một giờ ba mươi. Nàng buông người ngã xuống chiếc ghế sa lông mềm mại, thở phì phò, như sắp đứt hơi. Bây giờ làm gì đây hở trời?

Chuông điện thoại lại reo, nàng giật bắn người như bị điện giật. Hôm nay là ngày gì thế này. Nàng uể oải đứng dậy, lê những bước chậm chạp về phía cái bàn để điện thoại. Đầu óc rối mù, nàng đâm ra thù bọn đàn ông. Trời ơi, cái bọn đàn ông chỉ biết gây gió mà không bao giờ phải gặt bão!

"Hello, ai đó?" nàng nói sẵng.

"Bệnh viện Queen Elizabeth đây", giọng đàn bà nói tiếng Anh ngọt ngào, "cho nói chuyện với Thu Nguyen đi".

"Vâng, tôi đây, Thu đây".

Nàng cuống quít, một tay bóp muốn nát cái ống nghe, tay kia níu chặt sợi dây điện thoại như sợ sẽ vuột mất người ở đầu dây kia. Người đàn bà dịu dàng, hệt như mẹ nàng. Những người giao tế trong các văn phòng, các cơ quan ở xứ người sao mà lịch sự, ân cần thế không biết.

"Tôi là y tá chuyên khoa bệnh phụ nữ. Tôi gọi từ phòng nạo thai, tôi muốn biết...".

Abortion clinic; trời ơi, cái tên có ý nghĩa hơn bất cứ thứ gì trên đời trong giây phút này. Nàng không thể nghe lầm được. Nàng đã nghe hai chữ này hàng trăm lần rồi, kể từ hai tháng nay. Không, đúng hơn kể từ khi nàng mới tới Canada lận. Nàng đã tra tự điển hàng chục lần. *Abortion clinic*. Lúc này nếu ai bắt phải chọn giữa thiên đàng, niết bàn hay abortion clinic, nàng sẽ chọn abortion clinic ngay. Tai nàng ù đi vì xúc động. Không nghe rõ những gì người y tá nói trong điện thoại, nàng hỏi lại:

"Bà làm ơn nói lại, tôi nghe không rõ".

Người y tá kiên nhẫn lập lại, chậm rãi:

"Có người bỏ cuộc hẹn. Cô có muốn làm bữa nay không?"

Nàng có nghe lầm không đây. *You want to do it today?* Cô có

muốn làm bữa nay không? "Làm", chứ còn chờ tới bao giờ nữa. Ôi, cái chữ "làm" có trăm ngàn ý nghĩa này! nàng cuống lên:

"Vâng, làm ơn "làm" giùm tôi ngay bữa nay".

"Được lắm, từ sáng đến giờ, cô đã ăn gì chưa?"

"Chưa, tôi chưa ăn gì hết, từ sáu giờ tối hôm qua", nàng nói một hơi, "tôi cữ ăn cho khỏi mập".

"Tốt quá, từ giờ tới bốn giờ chiều, cô đừng ăn uống gì nữa. Cô tới bệnh viện lúc ba giờ rưỡi. Vào phía cửa cấp cứu, quẹo trái, bắt thang máy, lên lầu bốn, phòng nạo thai ở phía tay phải. Nhờ người nhà đưa đi cho an toàn. Nhớ *abortion clinic*".

Nhớ, nhớ lắm rồi. Ba giờ rưỡi, phòng cấp cứu, thang máy, lầu bốn. Abortion clinic. Nàng ứa nước mắt vì xúc động.

"Vâng, cám ơn bà, cám ơn nhiều lắm. *Have a nice day*!"

Nàng chúc người đàn bà một ngày tươi đẹp, trước khi gác máy. Phép lạ; vâng, phép lạ đôi khi vẫn xảy ra được ở cuối thế kỷ hai mươi, thế kỷ của khoa học kỹ thuật... này chứ. Nhất là đối với những người có cái tâm... như nàng. Nàng muốn nhảy cẫng lên vì mừng rỡ. Tới bây giờ nàng mới nhận ra được rằng hôm nay trời đẹp. Những sợi nắng trong vắt trải xéo cái khung hình chữ nhật của cửa sổ lên nền thảm xám. Nàng lẩm nhẩm tính toán. Khoảng tám tiếng đồng hồ nữa, chồng nàng sẽ có mặt ở đây. Lúc đó, hẳn bác sĩ đã "làm" cho nàng xong rồi. Nếu nàng khỏe mạnh, bác sĩ sẽ cho về sớm. Nàng sẽ đón "thằng chả" tại nhà. Ôi chao là mừng! Nếu nàng còn yếu, hẳn bác sĩ sẽ bắt nằm nghỉ lại vài tiếng đồng hồ. Hắn ta có thể sẽ phải chờ nàng ở nhà. Có cách nào đưa chìa khóa cửa cho hắn bây giờ? Thật là phiền phức, cái bọn đàn ông. Nàng làu bàu một mình, nhưng lần này, với một chút âu yếm dịu dàng của người mẹ lúc la rầy con cái. Cái bọn đàn ông cũng không có gì đáng ghét. Người bác sĩ "làm" cho nàng chiều nay hẳn cũng là đàn ông. Bọn đàn ông cũng không đến nỗi nào. Thôi được, trước khi đi bệnh viện, nàng sẽ dán một miếng giấy trước cửa. Hắn đến, sẽ yên tâm hơn. Nàng cầm cuốn sổ tay và cây viết, trở vào phòng ăn, kéo ghế ngồi. Loay hoay suy nghĩ một chút, nàng viết, "Em lại đàng chị bạn, anh chờ một chút nhé". Không được, tại sao lại đi thăm bạn ngay cái hôm chồng qua đoàn tụ thế này. Thế là không có tình nghĩa vợ chồng. Nàng xé toạc tờ giấy, vò nát trong tay. Phải viết lại. "Em bận chút công chuyện" cũng không được nữa. Ừ, tại sao không cho

hắn biết là mình vào bệnh viện vì ốm đau gì đó. Hắn sẽ nghĩ nàng nhớ hắn tới nỗi óm o gầy mòn. Câu hát dân gian dạo lướt qua trong trí nàng, *chim quyên cành ớt líu lo, sầu ai nên nỗi ốm o gầy mòn*. Ừ, Phúc ơi, em nhớ anh tới ốm o gầy mòn, đến nỗi phải vào bệnh viện cấp cứu đây. Nàng mỉm cười, thích thú. Nàng viết, bằng những nét chữ cứng như rễ tre, "Em bệnh, phải vào emergancy, bệnh viện Queen Elizabeth. Không sao đâu, Phúc đừng lo. Chờ em một chút, em về tới ngay. Hôn anh". Nàng vẽ thêm hình trái tim ở cuối trang giấy. Tuyệt hảo. Nàng hình dung ra nỗi hoang mang, cuống quít của hắn, khi vừa đọc xong những dòng chữ gắn trên cửa. Ơi, cái anh chàng cuống quít, lăng xăng, thấy tội nghiệp biết chừng nào.

2-

"Phải cô là Thu Hoai Phuong Nguyen không?"

Người nữ y tá hỏi. Nàng gượng gạo gật đầu, cười theo. Rõ chán. Tên người ta là Nguyễn Phương Hoài Thu mà dám đảo ngược toàn bộ, lại còn phát âm cái giọng lơ lớ nghe cứ như *thu hoai phon nu yen*, chả còn chút gì là cái tên quen thuộc dễ thương nữa.

"Cô có nhớ nhịn ăn đấy chứ?"

"Dạ nhớ", nàng lúng túng trả lời, tay níu chặt lấy quai chiếc túi xách bằng da màu đen.

Người nữ y tá cắm cúi ghi chép lên hồ sơ. Nàng liếc nhìn xung quanh. Phòng đợi vắng người. Người thiếu nữ ngồi ở góc phòng đợi đang nhìn nàng soi mói. Cô gái chắc chỉ mới qua tuổi vị thành niên. Tóc vàng óng, mặt lấm tấm tàn nhang, chiếc mũi cao và thẳng. "Con nhỏ có cái mũi đẹp quá", nàng thầm nghĩ, "thế nào mình cũng phải đi sửa cho có được cái mũi giống như nó". Nàng liếc nhìn xuống bụng cô gái, cố nhìn kỹ xem cái bụng con nhỏ có hơi gò cao như bụng nàng không, nhưng con nhỏ mặc chiếc áo rộng thùng thình, phủ tới quá đùi, chẳng cách nào nhìn rõ được cái bụng. Cô gái thấy nàng nhìn, vội vàng quay mặt đi, lơ đãng nhìn ra ngoài khung cửa. Phòng hẹn của trại bệnh vắng vẻ làm nàng yên tâm. Chẳng có ai quen ở đây. Cám ơn Trời Phật. Nàng bỗng dưng thấy mình hiền thục hẳn ra, như một nữ tín đồ ngoan đạo đứng trước cửa từ bi...

"Chồng cô tên gì?" Người y tá bỗng hỏi.

Nàng ngập ngừng mất vài giây, rồi đọc và đánh vần từng chữ cái

tên quen. Cái tên quen, mà sao thấy ngượng ngập thế này. Nàng rầu rĩ ra mặt.

"Chồng cô đâu?" Ơ kìa, sao lại phải hỏi tới chồng người ta nữa nhỉ. Nàng lo lắng:

"Lúc lập hồ sơ, bác sĩ gia đình có hỏi rồi...".

Nụ cười trên miệng người nữ y tá nở ra những chiếc răng trắng bóng, giống hệt những hàm răng đẹp trong khúc phim quảng cáo kem đánh răng.

"Thì chúng tôi vẫn phải hỏi xem có chi tiết nào cần bổ túc không".

Nàng gật đầu, tán thành. Nàng chỉ ngại nếu không có chồng nàng ở đây, bác sĩ sẽ không chịu tiến hành cuộc tiểu giải phẫu. Phải tiểu giải phẫu không? Nàng nhớ bác sĩ đã hai ba lần lập lại những chữ "minor surgery" với nàng. Nàng nói:

"Chồng tôi không có đây".

"Chồng cô có thể lại ký một số giấy tờ không?" người y tá ngừng viết, nhìn nàng, đợi câu trả lời.

Nàng bối rối, níu chặt lấy quai chiếc túi xách, cúi gầm mặt, suy nghĩ. Cảm thấy bực mình vì đầu óc hôm nay chậm chạp, lười biếng, nàng ngập ngừng:

"Không được, chúng tôi ly thân, ly thân... từ lâu rồi".

Nàng nhấn mạnh chữ "separate", mà chỉ sợ cách phát âm của mình không được rõ ràng, sẽ làm người y tá hiểu lầm. Cô y tá gật gù:

"À", rồi tiếp tục ghi ghi, chép chép.

Một người đàn bà da đen bước vào phòng đợi. Nàng liếc nhìn, bắt gặp vẻ thờ ơ trên mặt người đàn bà. Con nhỏ này đến từ Trung Mỹ chắc. Nàng thầm nghĩ... "Cô đọc kỹ tờ giấy thỏa thuận này và ký tên ở dưới nhé".

Người y tá đẩy tờ giấy chi chít những chữ về phía nàng. Nàng cầm tờ giấy lên, đứng nép qua một bên, nhường chỗ cho người đàn bà da đen mới đến. Nàng lẩm nhẩm đọc. Nhiều từ ngữ mới lạ, nàng không hiểu nổi, nhưng cũng đọc lướt cho qua, rồi vội vã ký tên vào cái khoảng trống chừa ở phía cuối trang. Xong, tôi sẵn sàng chấp nhận mọi hậu quả, nếu cuộc giải phẫu có những biến chứng ngoài ý muốn. Nàng đã từng liều lĩnh trong những cuộc phiêu lưu nguy

hiểm hơn cái chuyện giải phẫu lặt vặt này nhiều. Nàng đã dám phó thác cuộc đời cho nghệ thuật, mà gã nghệ sĩ lang thang là đại biểu, thì cái chuyện giao mạng cho anh chàng bác sĩ chuyên khoa thực hiện cuộc phẫu thuật nhỏ, cứu vãn thanh danh và hạnh phúc nàng có gì đáng ngại ngần. Nàng ký, như ký một tờ giấy lặt vặt, vô nghĩa.

"Xong rồi".

Người đàn bà da đen vừa bước ra ghế ngồi, nàng đưa ngay tờ giấy cho người y tá, như sợ sẽ đánh rơi mất những cơ hội bằng vàng. Người y tá nhìn phớt qua trang giấy, gật đầu:

"Cám ơn cô. Bây giờ cô đi theo tôi".

Nàng riu ríu đi theo người đàn bà, mà đầu óc trôi giạt đâu đâu. Màu hồng lợt của những bức tường bệnh viện vuốt ve thị giác nàng, như những lời vỗ về dịu dàng của một người mẹ. Nghĩ tới mẹ, nàng rưng rưng nước mắt. Có mẹ ở đây, thì con dâu phải *đi biển mồ côi một mình* như thế này. Câu ví von làm nàng băn khoăn. Nàng đang đi biển mồ côi chứ còn gì nữa.

Người nữ y tá trao cho nàng chiếc áo bệnh nhân, mong manh như một chiếc khăn choàng tắm. Nàng loay hoay kéo chiếc màn che khung giường bệnh, cởi bộ quần áo đang mặc và choàng chiếc áo hở hênh lên người. Trong lúc người y tá loay hoay sắp xếp những món đồ, để chung vào một cái bọc màu xanh có đề tên nàng bên ngoài, nàng ngơ ngác nhìn quanh căn phòng. Đây là phòng tiểu giải phẫu. Những dụng cụ bệnh viện sáng loáng rọi vào mắt nàng những tia tò mò, tọc mạch. Trái tim hơi nhói lên khi nàng nhìn thấy chiếc bàn mổ. Đúng ra đó là bàn khám sản phụ. Nàng đã có lần nằm tênh hênh trên chiếc bàn kỳ cục đó. Lần ấy, bác sĩ gia đình, sau khi khám kỹ lưỡng, đã ngước lên nhìn nàng, báo cho nàng một tin vui. Tin vui, cái tin vui nàng không bao giờ chờ đợi.

"Cô nằm lên chiếc bàn kia".

Người nữ y tá có nụ cười mềm, nói. Nàng rón rén đi theo hướng chỉ của cô ta. Người y tá đỡ tiếp nàng lên bàn, nàng co ro nằm xuống, như một tội phạm, trên cái bộ máy chém.

"Cô để hai chân lên hai cái miếng tựa này", vừa nói, người nữ y tá vừa dở hai chân nàng, đặt lên miếng tựa. Người nàng nổi gai ốc sần sùi, thân thể nàng tê cứng vì ngượng ngùng. Hai tay nàng níu lấy hai mép vải tấm drap trải dưới lưng. Hồi hộp. Lo Lắng.

"Bác sĩ Mike sẽ làm cho cô, chỉ mất chừng mười lăm phút.

Chẳng có gì phải lo lắng cả, cô cứ yên tâm, nằm thoải mái. Tôi sẽ chích thuốc an thần cho cô".

Người y tá cười với nàng trước khi đi về phía góc phòng, loay hoay soạn những ống thuốc màu trắng đục. Nàng nhìn thẳng lên trần nhà, suy nghĩ mông lung. Giờ này hẳn chồng nàng đang trên máy bay, trên đường tìm tới nàng. Hạnh phúc đang đến gần, thật gần với tầm với của tay nàng. Nàng thấy mình may mắn. Nếu không có người hủy bỏ cuộc hẹn để nàng được đổi ngày giờ hẹn, không biết nàng sẽ phải ăn nói thế nào với Phúc. Dù lấy nhau chẳng được bao lâu thì xa cách, nhưng cũng còn một cái gì đó như là tình, là nghĩa. Nàng thầm cám ơn trời đã cứu nàng khỏi tai họa. Giả sử như nàng không được dời hẹn, hôm nay Phúc qua tới, hai tuần sau nàng mới được gặp bác sĩ để ông ta "làm" cho nàng cái phẫu thuật nhỏ, mất tới không đầy mười lăm phút, nàng sẽ giải thích thế nào với hắn đây. Tự nhiên. Nàng cũng thấy hắn dễ thương. Chàng - không phải "hắn" - hiền lành, chân thật, chỉ có điều tính tình hơi cục. Dễ tự ái, và thù dai. Ừ, cái tính thù dai của chàng giống hệt đàn bà. Cái tính thù dai ấy của chàng làm nàng sợ hãi. Nàng cảm thấy nhói đau ở cánh tay, khi người y tá ghim mũi kim vào cánh tay nàng. Bọc nước biển trong vắt. Chiếc đèn chụp từ phía trên nàng tỏa xuống thứ ánh sáng trắng, trong vắt. Nàng thấy đầu óc quay quay, mụ mẫm. Có hai hay ba người nữa bước vào phòng. Một người đàn ông và hai phụ nữ. Họ mặc đồ màu xanh xám. Chắc là vị bác sĩ chuyên khoa và hai y tá phòng giải phẫu. Nàng thấy họ lờ mờ như những chiếc bóng âm thầm, lặng lẽ.

"Chào cô Thu, tôi là bác sĩ Mike. Tôi sẽ lấy cái bào thai ra cho cô. Mười hai phút, đúng mười hai phút là xong".

Vị bác sĩ nói khi đến bên cạnh nàng. Nàng khẽ gật đầu, cố hình dung ra khuôn mặt ông phía sau tấm *masque* kín bưng. Nàng chỉ thấy được đôi mắt xanh biếc sau cặp kiếng hình bầu dục. Nàng đoán là bác sĩ có mỉm cười với nàng, nhưng không chắc chắn lắm. Những người y tá đẩy chiếc xe đựng kềm, kéo, dao, kim chỉ... tới phía dưới chân nàng.

"Chúng tôi sắp chích thuốc tê cho cô, hơi đau một chút, như kiến cắn...".

Nàng thấy nhói đau như bị kim chích ở khoảng dưới thân thể. Nàng nhắm mắt, cố nghĩ đến chàng. Bây giờ, người đàn ông ấy

không còn là một "hắn" khó chịu, cay cú, mà là một "chàng" ngay thật, dễ mến. Giờ này, chàng hẳn đã xuống phi trường, đang ngơ ngác nhìn những người đi đón thân nhân trong phòng đợi. Cái nhìn ngơ ngác của chàng, thấy tội.

Bàn tay ai đó chạm khẽ vào nàng, mở rộng hai đầu gối nàng ra. "Relax, just relax!" nàng loáng thoáng nghe tiếng người y tá nói. Xa xăm, lạ lẫm. Nàng lờ mờ hiểu câu nói và dãn người ra, cố ra vẻ thoải mái, tự nhiên. Nàng cảm thấy buồn ngủ, như thể đã thiếu ngủ mất mấy đêm liền. Mi mắt nàng nặng trĩu như vừa mới bị dán thêm một sức nặng vô hình. Những bàn tay chạm vào thân thể nàng. Nàng cảm được những đụng chạm mơ hồ, nhưng không thể biết rõ đó là những va chạm của tay người hay của những y cụ sáng bóng. Nàng thờ ơ với mọi chuyện. Nàng cảm thấy có cái gì đó xốn xang trong thẳm sâu đáy cùng thân thể. Cảm giác nao nao như lúc rướn mình trên chiếc đu, bay bổng tuyệt vời. Nàng cố nhướng mắt lên, để chống chỏi cơn buồn ngủ. Cái trần trắng bệch của phòng mổ trùng xuống, bồng bềnh trôi như miếng vải trắng mỏng phất phơi bay, vật vờ. Nàng lại nghĩ đến Phúc. Giờ này chắc chàng đang ngơ ngơ ngác ngác trên xe taxi, trên đường về nhà. "Dễ ẹc. Anh chỉ việc đưa địa chỉ cho người tài xế, họ sẽ chở anh tới tận nhà". Nàng yên tâm. Xong xuôi, nàng sẽ về với chàng. Mọi chuyện êm đẹp, như một cơn mộng dữ gay cấn vừa mới thoảng qua. "Tội nghiệp Phúc quá. Thôi, để em sẽ đền bù cho anh". Nàng tự nhủ, như dỗ dành cái mặc cảm tội lỗi hãy để cho nàng yên.

Nàng vừa mới thiếp đi được một chút thì người y tá đã đánh thức nàng dậy. Nàng mở mắt, ngơ ngác nhìn quanh.

"Xong rồi. Bây giờ cô có thể ra ngoài nằm nghỉ một chút, rồi gọi người nhà đưa về".

Nàng mỉm cười héo hắt. Những dây rợ lằng nhằng của bình nước biển đã được gỡ ra khỏi tay nàng từ lúc nào. Người y tá đỡ nàng dậy, chuyển nàng qua chiếc xe lăn. Nàng cúi nhìn xuống bụng mình. Cái bụng choàng áo bệnh viện thùng thình, nên khó biết có nhỏ đi giùm nàng chút nào hay không. Nàng thấy người ê ẩm vì mỏi mệt. Bông băng gì đó dày cộm ở phần dưới thân thể nàng. Những bắp thịt như cứng lại, nặng nề, làm người nàng u mê, trì độn. Vị bác sĩ đã đi đâu mất từ lúc nào. Nàng tiếc đã không thể cám ơn ông ta,

vị cứu tinh của đời nàng. Cánh cửa hé mở, một người y tá khác lướt nhanh vào vào, tiến đến gần nàng, vui vẻ:

"Cô có người quen tới thăm".

Nàng khẽ nhíu mày, hỏi:

"Ai vậy?"

"Tôi không rõ. Hình như một người bạn của cô thì phải".

Hình ảnh thằng em nuôi lì lợm hiện ra ngay trong trí nàng, và liền sau đó, bị chập lên bởi hình ảnh gã nghệ sĩ lang thang dễ ghét. Bọn đàn ông thiệt tình! Giờ này mới tìm tới thì còn ý nghĩa gì nữa chứ. Nàng đưa tay bóp bóp vừng trán, và xoa xoa hai mắt như tự đánh thức khỏi cơn buồn ngủ vật vờ.

"Mình đi nhé". Người y tá thong thả đẩy chiếc xe lăn nàng đang ngồi ra khỏi phòng tiểu giải phẫu. "Cô sẽ nằm nghỉ ở bệnh viện khoảng nửa tiếng, sau đó cô có thể về".

Nàng lười biếng gật đầu, đôi mắt vẫn cố nhướng lên tìm kiếm. Căn phòng nhỏ nhắn, vuông vức có những chiếc giường trống, trải khăn trắng sạch sẽ, phẳng phiu. Nàng băn khoăn suy nghĩ.

"Cô nằm đây, tôi sẽ đi gọi bạn cô vào với cô".

"Vâng, cám ơn".

Nàng nằm xuống chiếc nệm giường êm ái. Chiếc gối thấp quá làm nàng thấy không thoải mái. Nàng loay hoay xoay người, gập đôi chiếc gối nằm lại cho dày. Nàng quen gối đầu cao từ hồi còn nhỏ. Gối đầu thấp quá, lúc ngủ, nàng dễ bị chiêm bao.

"Thu".

Tiếng gọi khẽ làm nàng bật người dậy như một cái lò xo. Người còn mệt đừ, nhưng nàng cũng nhận ra ngay đó không phải thằng em nuôi, cũng không phải gã nghệ sĩ lang thang. Người đàn ông đứng đó, trong khoảng chữ nhật của khung cửa rực rỡ ánh sáng. Bóng chàng cao và gầy nhom. Mái tóc rũ xuống trên vừng trán cao. Khuôn mặt đen xạm tươi rói một nụ cười. Tim nàng thắt lại:

"Anh? Phải anh không, Phúc?"

Chàng đứng như trời trồng, hai tay còn xách hai cái túi nặng trĩu, làm đôi vai gầy trễ xuống. Nàng ngồi nhổm dậy, chới với. Nàng nghe tiếng chàng, như vọng về từ một cõi nào xa xăm:

"Em, phải không Thu? Em có sao không?"

Nước mắt nàng chợt ứa ra, dàn dụa trên mi:

"Em... không sao hết. Anh đến hồi nào vậy?"

Chàng ngây ra như tượng đá mất mấy giây. Người y tá lặng lẽ bỏ ra ngoài. Chàng vẫn đứng đó, nhìn nàng, ngây ngất. Giọng nàng ướt nhòe nước mắt:

"Sao anh không ở nhà chờ em?"

Chàng buông rơi hai cái giỏ xách xuống nền nhà. Chậm chạp bước về phía chiếc giường bệnh của nàng.

"Em hết bệnh chưa?"

Nàng run rẩy:

"Hết rồi. Chút xíu nữa bác sĩ cho về".

Chàng đến sát bên nàng, lúng túng đứng bên cạnh giường nàng. Nước mắt ở đâu đổ xuống tràn trề trên má nàng. Nàng thấy cái bóng nhòe nhoẹt chàng luống cuống với đôi thay thừa thãi. Dường như chàng muốn lau nước mắt cho nàng, lại thôi. Dường như chàng muốn ngồi lên mép giường, bên cạnh nàng, dường như chàng liếc nhìn chung quanh, tìm kiếm bảng nội quy bệnh viện (chàng bao giờ cũng cẩn thận, dè dặt). Nàng để mặc cho nước mắt tuôn chảy. Chàng luống cuống khom xuống, chân chống, chân quỳ trên nền nhà, bên cạnh giường nàng.

"Em hết bị cúm chưa?"

Giọng chàng ngọt mềm như rượu nếp than. Nàng rụng rời tay chân, cuống quít:

"Em hết rồi".

Chàng vụng về đưa tay gỡ những sợi tóc rối, ướt mước mắt, dán trên má nàng. Nàng cầm lấy bàn tay chàng. Ơi, cái bàn tay sao gầy gò như những mảnh xương thế này. Tội nghiệp chàng quá. Nước mắt nàng lại ứa ra.

"Để anh xin phép bác sĩ cho em về, nghe Thu".

Nàng nuốt nước mắt.

"Thôi để em nói cho".

Người y tá lấp ló bên ngoài, bắt gặp cái nhìn của nàng, chậm rãi bước vào, mỉm cười chào chàng, và nói với nàng:

"Nếu muốn, cô có thể về bây giờ".

Nàng cuống quít gật đầu, làm những giọt nước mắt rụng xuống cằm.

"Tôi gọi xe taxi cho cô nhé".

Nàng lại gật đầu. Người y tá đưa cho nàng mẩu giấy nhỏ, hình như là cái toa thuốc, dặn dò:

"Nếu có biến chứng gì khác thường, cô điện thoại cho chúng tôi biết ngay, hoặc đi thẳng vào phòng cấp cứu. Nếu không, đúng một tuần sau đi bác sĩ gia đình, tái khám".

Nàng cầm vội lấy mảnh giấy và gật đầu lia lịa, như thể nàng đã hiểu hết mọi thủ tục cần thiết. Cũng may người y tá không nói rõ những biến chứng của cái phẫu thuật nhỏ nàng mới trải qua. Chàng chưa quen với cách phát âm Anh ngữ ở đây, nhưng hẳn chàng cũng phải nghe được những chữ xuất huyết v.v... Những ý nghĩ lướt qua nhanh trong óc nàng. Nàng vội vã:

"Vâng, cám ơn à".

"Cô có thể thay đồ trong nhà vệ sinh kia". Người nữ y tá trao bọc quần áo cho nàng, và chỉ cho nàng thấy cái nhà tắm ở góc phòng.

"Vâng, cám ơn".

"Không có chi", người đàn bà cười với nàng, và xoay qua nhìn chàng, "chúng tôi sẽ yêu cầu xe taxi chở... ông, và cô ở cửa phòng cấp cứu. Thôi, xin chào".

"Xin chào bà".

Chàng lí nhí chào theo nàng. Nàng để ý thấy tiếng Anh của chàng cứng quá, như còn vướng vít cái nắng gió nhiệt đới của trại tỵ nạn đâu đó bên trời Đông Nam Á. Nàng nói với chàng:

"Anh chờ em thay đồ nhé".

Chàng lặng lẽ gật đầu, rồi đứng lớ ngớ nhìn theo nàng lầm lũi đi vào nhà tắm. Khi nàng trở ra, chàng vẫn đứng đó. Nàng có cảm tưởng chàng không hề cử động, kể từ lúc nàng đi vào nhà tắm đến giờ. Nàng cười với chàng, cố giấu vẻ ngượng ngập:

"Thôi về, anh".

Chàng ngập ngừng đi theo nàng, hơi chậm hơn một chút. Nàng liếc nhìn bóng chàng ở phía sau. Chàng đi cách nàng khoảng một gang tay, như một gã cận vệ trung thành, tận tụy. Nàng thấy đầu óc nặng nề, thân thể rời rã. Nàng cố tìm một câu khôi hài nào đó, để tìm hiểu xem chàng đang nghĩ gì. Chợt, nghĩ đến những hàng rào kẽm gai trong trại tỵ nạn, nàng pha trò:

"Anh có làm tan nát trái tim cô nào ở trại tỵ nạn không đấy?"

Chàng như giật mình thức dậy trong cơn ngủ ngày:

"Hả? À không, làm gì có".

"Làm sao anh biết em ở đây mà tìm?"

"Anh hỏi taxi, tới bệnh viện thì hỏi mấy cô y tá", chàng ngập ngừng nhận xét, "mấy cô y tá ở đây lịch sự quá nhỉ".

Nàng gật đầu. Hai người dừng lại trước cửa thang máy. Tiếng chàng:

"Em thấy đỡ chưa?"

"Em hả, đỡ nhiều lắm rồi", nàng ném cho chàng một cái liếc tình như hồi mới quen, "vừa thấy anh là em hết bệnh liền tức khắc".

Nàng thấy vẻ cảm động trong những cái chớp mắt cuống cuồng của chàng. Chàng vẫn như ngày xưa, dễ xúc động. Đàn ông con trai gì mà... Cửa thang máy mở ra, chàng bước vào theo nàng. Cửa thang máy vừa đóng lại, chàng bỗng hỏi:

"Thu à, sao bị cúm mà nằm ở trại sản phụ khoa vậy?"

Tim nàng thắt lại, nàng lao đao muốn xỉu. Hơi thở nàng đứt quãng:

"Ai nói với anh... đó là trại... sản phụ khoa?"

Nàng thấy chàng chăm chú nhìn những con số trên hàng nút bấm thang máy.

"Anh thấy chữ Abortion clinic...".

Lồng thang máy quay quay xung quanh nàng. Nàng dựa vội vào tường, phì phò thở. Tai họa đây rồi. Phải sáng suốt, Thu ơi. Lúc này chẳng ai có thể cứu được mày đâu, phải tự cứu lấy thôi. Nghĩ xem có câu trả lời nào hợp lý đi. Nàng hít một hơi dài, nhìn chàng, cố cười với chàng một nụ cười thật tươi, như nụ cười đã hớp hồn chàng ngày xưa:

"Khờ ơi là khờ, bệnh viện không đủ giường, người ta mới dồn bệnh nhân qua nằm dỡ ở khu đó đấy", nàng quan sát kỹ cái nhìn trên mặt cùng với cái nheo của cặp lông mày chàng, "đồng bào tỵ nạn ơi, sao mà ngớ ngẩn quá".

Nét mặt chàng mềm ra, như mặt người thí sinh lúc vừa tìm ra được câu trả lời của bài toán hóc búa. Chàng cười (trời ơi, chàng cười), những bẽn lẽn của cậu học trò mới lớn phết đầy trên mặt chàng. Chàng lúng túng:

"Vậy hả? Vậy mà anh cứ tưởng...".

Chàng bỏ lửng câu nói. Nàng liếc xéo chàng:

"Tưởng gì?"

Chàng bối rối:

"Tưởng...", chàng nói lảng, "mùa này ở đây cũng bị cúm nhiều giống hệt bên trại tỵ nạn Thu nhỉ".

Nàng hớn hở tiếp lời chàng:

"Ừ, tới bác sĩ gia đình của em cũng bị cúm luôn".

"Cũng nhờ có một người bị cúm, phải dời chuyến bay, nên anh mới được thế chỗ để đi sớm được hai tuần lễ...".

Chàng ngập ngừng cầm lấy cổ tay nàng. Cửa thang máy mở, chàng bước theo nàng ra ngoài. Lần này họ đi song song bên nhau, như đôi tình nhân trẻ.

Vói tay xách tiếp chàng cái quai vải một chiếc túi xách, nàng kể lể:

"Mấy bữa nay em bệnh muốn chết luôn".

Chàng bóp nhẹ cổ tay nàng:

"Anh xin lỗi, đúng ra anh phải luôn luôn ở bên em, nhất là những lúc ốm đau...".

Liếc nhìn thấy nét mặt chàng dàu dàu, nàng an ủi:

"Thôi, cũng tại hoàn cảnh cả. Bây giờ thì không còn lý do gì xa nhau nữa".

Chàng gật đầu tán thành.

Chiếc taxi đã chờ sẵn ở cổng cấp cứu. Nàng loay hoay mở cửa xe leo lên, chàng lúi húi theo sau. Tội nghiệp, ảnh mới qua, chưa *galant* được như dàn ông Tây phương. Nàng thầm nghĩ và rưng rưng đọc địa chỉ cho người tài xế. Lúc xe rồ máy chạy, nàng nghe chàng lẩm bẩm:

"Cái xứ Canada này cũng lạ thật, bệnh nhân cúm mà cho nằm chung với những bà bầu, thì lây bệnh hết cả đám".

Nàng hoảng hốt trấn an chàng bằng câu nói dùa ngọt ngào:

"Y học ở đây đứng hàng đầu đấy, đồng bào tỵ nạn à! Bệnh gì mà người ta không chữa được".

Nàng liếc nhìn chàng, thấy trên khuôn mặt rám nắng, vướng vất một nụ cười gượng gạo, vô nghĩa. Chàng đúng là đồng bào tỵ nạn, ngẩn ngơ đến tội nghiệp.

Hoàng Chính
Chúa Nhật 2-5-1993

NGUYỄN ANH DŨNG

của bụi và người

Nghi thức đã xong xuôi. Tôi trịnh trọng ngồi vào bàn. Trang giấy trắng như mời mọc: Hãy viết đi! Như thách đố: Hãy viết sao cho xứng đáng!

Và tất nhiên, ly cà phê, gói thuốc, bình trà!

Tôi bật cười, chợt nhớ lời "ông Bố", khi tôi hỏi ông một câu thật ngớ ngẩn: "Muốn viết, thì phải làm sao?"

- Thì cứ việc ngồi xuống, và viết!

Tôi làm y lời. "Hãy cứ coi đây như trò ghi nhật ký, lưu bút thuở còn đi học. Một cách giết thời giờ như mình đã từng "giết" nó một cách vô tội vạ bằng những đam mê vô ích, những bản nhạc, quán hàng, cà phê, khói thuốc... Ôi! Cái thời gian khủng khiếp ở trại tị nạn!"

Nhấp một ngụm cà phê, cố tưởng tượng vị cà phê khác hẳn những lần uống trước, thời gian không bình thường, không thể bình thường! Hoặc là bây giờ hoặc chẳng bao giờ!

Mồi điếu thuốc. Hít một hơi dài. Khói thuốc từ từ tan loãng trong khung vuông dầy đặc. Căn lều tị nạn có sức chứa thật đáng sợ. Trên ba trăm mạng! Tôi bỗng giật mình nhìn quanh quất. May quá! Không thấy ổng.

Có thể ông già sẽ bực mình vì những nghi thức lẩm cẩm. Nhưng chắc là ông sẽ mỉm cười. "Hừ!... Cứ thử viết đi! Bởi đó cũng là hy vọng, cho dù hy vọng khi nhão nhẹt, mòn mỏi, càng làm cho những tháng ngày ở đây thêm bệnh hoạn...".

- Viết sẽ làm mày "đau" đấy. Ngay cả khi đụng tới những kỷ niệm êm đềm mà người ta quen gọi là Hạnh Phúc!

*

Tôi quen ông cũng gần hai năm. Cũng trong không khí trại tị nạn, gồm đủ các loại người vượt biển, "vượt cạn" vào lúc cuối mùa. Ôi chao! Hãy thử tưởng tượng con quái vật Cộng sản, trong cơn giẫy chết kinh hoàng đã thổi bay mọi lãnh tụ, thần tượng, miếu đền... Và những rác rưởi của nó đã không trôi giạt tứ tung mà lại tụ về một chỗ! Ở đây, kẻ cướp biến thành nạn nhân. "Tụi nó còn đáng thương

hơn tụi mình", một anh chàng cựu quân nhân than thở. Có những kẻ cho ta cảm tưởng tương lai Việt Nam nằm ở phía sau họ, tức là trước 1975, còn tương lai của chính họ thì nằm ở một đệ tam quốc gia!... Nhưng thôi, đừng làm cho vị cà phê thêm đắng. Hãy bỏ qua những ngày tháng nhìn ông già phờ phạc, thấy như lúc nào cũng mất hồn, chỉ vui lên một chút mỗi khi ngồi vào bàn cờ tướng. Hãy bỏ qua những ngày nghĩ rằng chỉ có một mình mình là người, và không cho phép một kẻ nào khác "giống" như mình...

- Hay là Bố thử cho con một đề tài...

- Đề tài không quan trọng...

- Con định viết về những ngày tháng ở đây, nhưng sao chỉ thấy toàn những cay đắng...

- Đám trẻ, nhất là đám trẻ sau 75 luôn cảm thấy cay đắng. Rượu ngon đàn anh uống sạch! Chỉ còn toàn rượu phạt! Nhưng đám lớn khi chịu thua Cộng sản với bất cứ giá nào, kể cả sự đầu hàng nhục nhã, chính là muốn chiến tranh chấm dứt, để đám trẻ được sống! Chuyện sau đó không phải lỗi ở họ...

*

Những người đã từng ở trại Cấm Sikiew chắc sẽ khó quên nổi Giáng sinh 1991. "Đây có lẽ là Giáng sinh cuối cùng của các con ở trại này". Cha đáng kính cai quản địa phận đã nói như vậy. Và ông đã cho một số tiền lớn để tổ chức lễ mừng Chúa ra đời tại một ngôi giáo đường nằm tại một khu thấp nhất trại, như thể Chúa cũng muốn chia sẻ nỗi thống khổ mà đám người tị nạn, như thể đấy mới là nơi xứng đáng cho Người ngự, không cần đến hình ảnh một cây Thánh giá ở trên cao (Tôi vẫn thường tự hỏi có một ngôi giáo đường nào trên thế gian này không cần đến hình ảnh một cây Thánh giá).

Sikiew có ba khu. Mỗi khu là những hàng kẽm gai, những cổng sắt, những tường cao cách biệt thế giới bên ngoài và phân chia với phần tù còn lại. Một người ở khu A phải đi qua nhiều lần kẽm gai, cổng sắt, qua khu nhà MOI (Bộ Nội Vụ), tới khu bệnh viện của các vợ bác sĩ không biên giới, xuống thấp mãi theo con dốc, tới Nhà Thờ.

Nhà tù ở phía sau, dưới chân con dốc sau lưng khu nhà MOI, trước có những hàng kẽm gai, sau được gỡ bỏ.

*

- Viết, như vậy chỉ là miêu tả?

- Nhưng qua cách miêu tả, người viết đưa ra một quan niệm về cuộc sống, thực ra là một quan niệm về thời gian, như một toan tính nhằm chống trả lại cái chết...

*

Trong những điều được nói về Sikiew, chỉ có điều này là đúng: Nó thực sự là một địa ngục! Có một câu chuyện được rỉ tai trong số những người tị nạn. Sikiew có ma, nhất là vào những đêm trước khi xổ thanh lọc. Có người còn nói, đó là linh hồn của cô gái đã thắt cổ tự tử sau khi bị "rớt". Đêm đêm cái hồn ma tức tưởi đó vẫn không làm sao quên nổi khu giáo đường, cũng là nơi dùng để công bố kết quả thanh lọc, và cứ lang thang trên mấy mỏm đá ở phía trước Nhà Thờ. Một số người lắc đầu, chỉ là đám người lớn mò ra bắt dế dưới mấy kẽ đá, ban ngày xúm nhau chơi trò trẻ con, thay vì chúi đầu vào cái máy điện tử, bấm liên tục "tít tít", "tít tít".

Sau cùng, có mấy tay "cứng cựa", không bao giờ tin chuyện ma quỷ, đã cùng nhau thức suốt đêm để "canh", tại một tấm ghế bố bên dưới mấy tàng cây bên cạnh bệnh viện. Câu chuyện do hai tay này kể lại nghe cũng có lý.

Họ kể lại, họ đã nhìn thấy hai ông Tiên, râu tóc bạc trắng, ngồi trên mỏm đá, mỗi ông cầm một cuốn sổ, và bên dưới mỏm đá là những hồn ma, kẻ khóc lóc nài nỉ, kẻ kêu oan...

Đó là Nam Tào, Bắc Đẩu, một giữ sổ sinh, một sổ tử. Câu chuyện được truyền tai. Một đồn mười, đồn trăm, kéo theo một đám người tò mò, muốn chứng kiến tận mắt. Chắc là để tránh bực bội, có thể để cho cuộc phán xét được công tâm hai vị Tiên đã cho xây những bức tường cao, che kín mọi bí ẩn...

Bây giờ, nếu bạn không tin, bạn cứ "xuống" Sikiew. Những bức tường vẫn còn, và nơi đó trở thành nhà tù đóng dấu: Địa ngục!

*

- Đó chỉ là tưởng tượng.

- Nhưng tưởng tượng nhiều khi còn "thực" hơn cả đời sống!

*

Mười hai giờ đêm: không ai ngủ được, có chăng chỉ là dật dờ. Cứ trằn trọc, âu lo, áy náy về một cái gì đó. Không phải tại nóng. Thời tiết Sikiew cuối năm se lạnh về đêm. Một số người bình thường vốn

dễ ngủ, đêm đó bỗng bực bội vô cớ bỏ ra ngoài bày một bàn trà phía sau căn lều. Đám trật tự thường vẫn tỏ ra nghiêm khắc với những trò "quá giờ giới nghiêm", không đúng trong 84 điều nội quy trại quy định, vậy mà cũng bỏ qua. Hình như họ cũng đang chờ đợi nghe ngóng, có vẻ như họ còn mong đám người đang chuyền tay nhau ly trà, điếu thuốc kia có mặt...

Trong nhà đèn đã tắt từ lâu. Ngoài đêm, trăng hạ tuần treo chếch, ngược ngạo một bên trời sau rặng cây.

Một giờ sáng: Làn gió lạnh buốt tẩm đẫm thứ sương sớm ẩm độc của miền núi theo bóng đêm lùa xuống thung lũng Sikiew. Bóng dãy núi xa sau trại đè nặng khối đen xuống mấy căn lều lùn tịt. Từ mãi đâu đâu trong họng núi vọng lại tiếng cú kêu làm loài chó hoang ngẩng cổ tru dài. Mọi người tỉnh hẳn ngủ, im lặng chờ đợi tiếng phán quyết của Núi Thiêng. Con cú hướng về căn lều, dập cánh loạn xạ, như muốn làm tắt ngọn đèn cầy leo lét, và rúc lên thảng thốt. Con mèo đen từ một xó xỉnh nào bỗng hốt hoảng nhảy xổ lên bàn trà làm mấy cái ly đập mình kêu loảng xoảng. Dưới ánh trăng màu huyết dụ, con cú ngoái đầu như tiếc rẻ... Câu chuyện đang từ đề tài muôn thuở "thanh lọc", chuyển qua "điềm báo cái chết". Một anh chàng trung niên, "Trung úy Việt Nam Cộng Hòa", quả quyết chính mắt chứng kiến một con cú khổng lồ đậu trên nóc dinh Độc Lập vào những đêm cuối tháng Tư... Nó cứ rúc lên từng hồi... Mọi người dài cổ há hốc mồm, chờ đợi... "Hỡi anh em binh sĩ, hãy bỏ súng đầu hàng!"

Hai giờ sáng: Sương xuống nhiều hơn. Trời đất mù mù, ảo ảo, nhuộm màu sẫm như màu máu bầm của lưỡi trăng ma quái giống như móc liềm bổ vào nóc bệnh viện. Con cú lại trở lại, như quyết tâm làm tròn sứ mạng. Mấy người quanh bàn trà như đã sẵn sàng. Họ ném đá tới tấp. Con cú lượn hai vòng quanh căn lều đã chọn lựa, rồi như thỏa mãn, chúi đầu về phía núi.

*

- Nước mắt cũng có hạn! Nơi nào đổ ra nhiều thì chỗ khác dè xẻn lại.

- "Bố" muốn nói, đừng lạm dụng cảm xúc, khi miêu tả?

- Đúng! Người ta "đọc" khi "xúc động". Nhưng người viết chớ bao giờ lạm dụng nỗi bi thương của chính mình và đồng loại.

*

Ba giờ sáng: Anh chàng thanh niên chợt tỉnh giấc, ngó lên, như ngạc nhiên, rồi lẩm bẩm: "Quần áo của ai, sao mà treo lủng lẳng...". Anh bỗng giật bắn người, "Sao mà treo cao quá như thế?"

*

Xác chết được đem tới bệnh viện cho mấy ông bác sĩ không biên giới. Cả trại như lên cơn sốt. Từng đám túm năm, tụm ba thì thầm to nhỏ. Thay vì nước mắt, ai cũng mong có được một chi tiết về cô gái. Hai mươi sáu tuổi? Trẻ quá! Bố sĩ quan chết trong cải tạo. Mấy anh em qua đây... Rớt thanh lọc tháng vừa rồi...

Đây là vụ thứ tư. Những vụ trước được phát hiện kịp nên không có xác chết.

*

Khi nào rời Sikiew, bạn chớ có ngoái đầu nhìn lại, (Bạn còn nhớ câu chuyện chàng nhạc sĩ Orphée?) bởi vì sẽ chỉ thấy hoài hoài một nỗi buồn trên mọi khuôn mặt, trên từng mỏm đá, từng mẩu kẽm gai... Cho dù đám "tự nguyện hồi hương" đã mang đi cùng với họ mọi chán chường, nhưng nỗi buồn càng đè chĩu lên đám người cố nuối tiếc ở lại.

Bạn hỏi tôi: Địa ngục có trái tim? Có chứ! Chắc chắn như vậy. Bởi vì chính tôi đã để lại trái tim của mình ở đó.

*

Sikiew nổi tiếng giữa đám người tị nạn vì bụi của nó. Ngay cả những giấc mơ của họ cũng đầy bụi.

Sikiew 26-4-93
Nguyễn Anh Dũng

HUỲNH LIỄU NGẠN

mù sương

tròn đôi mắt của mù sương
em nghiêng xuống cõi hoang đường của tôi
về khuya trăng lẻ bóng rồi
sao hôm tịch lặng giữa trời mênh mông
với tay có thấu vô cùng
mà người thì vẫn nghìn trùng xa xôi

MAI KIM NGỌC

chị em

CHƯƠNG MƯỜI MỘT

NGOẠI TÌNH TRONG TƯ TƯỞNG

23. Chị Quỳ mở cửa xe ngồi gục xuống tay lái khóc nức nở. Cô leo vào ghế ngồi xuống bên chị. Một đám trẻ da đen từ khu chung cư nghèo nàn quanh bệnh viện bước tới. Chúng cười nói ồn ào, vừa đi vừa nhún nhẩy theo nhạc rock mở lớn từ một máy cassette cầm tay. Đứa bé nhất khoảng mười ba mười bốn tuổi, đứa lớn nhất khoảng mười tám hai mươi. Cô ngạc nhiên giờ này mà chúng không đi học còn đàn đúm ở đây. Nghĩ đến nạn thiếu niên du đãng báo chí và truyền hình vẫn nói, cô cảm thấy bất an. Đám trẻ dừng lại nơi khoảng trống cách chỗ cô đậu xe chừng hơn chục thước. Chúng chia nhau những lon bia và nước ngọt, có lẽ vừa lấy trộm ở khu chợ bách hóa gần đấy, vừa uống vừa cười đùa ầm ĩ.

Chị Quỳ vẫn gục đầu vào vô lăng khóc vùi. Bên ngoài xe, cuộc chơi của đám trẻ bắt đầu dữ dằn. Chúng chuyền nhau hút những mẩu thuốc vấn khả nghi, vật lộn với nhau, lấy vỏ lon ném nhau. Có đứa quay đầu nhìn lại phía cô và chị. Một lon bia ném hụt đích, loảng xoảng lăn tới ngay sát bên xe.

"Chị ơi, mình đi thôi..." cô khẽ nhắc chị. Chị như không nghe thấy, cô tính lay mạnh vai chị. Nhưng may mắn, một chiếc xe cảnh sát chạy qua, chậm lại, từ từ rẽ vào bãi đậu. Đám trẻ lặng lẽ bỏ đi, để lại bừa bãi những lon bia và những mẩu giấy gói kẹo bánh. Thế là thoát nạn.

Bãi đậu xe lại vắng vẻ trở lại. Chị Quỳ vẫn không hay biết những chuyện vừa xảy ra. Chị tiếp tục gục đầu lên tay lái, nức nở. Cô nhìn khung cảnh khốn khó xung quanh. Gió thổi mớ giấy lộn

vào chân hàng rào. Bên kia bãi đậu xe bệnh viện là khu chung cư nghèo, tường xạm khói, cửa kính vỡ dán bằng băng plastic xám, hình như lâu lắm không được trùng tu. Cô liên tưởng đến căn nhà sang trọng ấm cúng của chị, đến cuộc sống tử tế thành công của chị, đến hiện tại chị ngồi đây khóc như một người khốn khó vô gia cư, giữa sô bồ và rác rưởi của bãi đậu xe công cộng.

Cô nói:

"Vì gia đình em mà chị vất vả quá."

Chị ngẩng đầu lên ngơ ngác nhìn quanh. Sau cùng chị nói:

"Mình về thôi em..."

Chị tra chìa khóa vào công-tắc, mở máy đưa xe ra khỏi bãi đậu.

Chị yên lặng lái xe. Cô gợi chuyện cho chị khuây khỏa. Chị chỉ ừ à, cho đến khi cô hỏi chị về tin vui chị định cho cô hay buổi sáng hôm cô đi Shennadoah chơi với Bảo:

"Tin gì vậy chị?"

"May mà em nhắc chị... Ba đau rồi lụi đụi chị quên đi mất. Phòng nhân viên cho hay đã có việc cho em. Họ muốn em trình diện sáng thứ hai..."

"Thật hả chị. Em mừng quá. Nhưng ba mới đau thế này..."

"Chị biết, thành thử chị đã xin hoãn ngày nhận việc lại hai tuần."

Chị lại nói:

"Nếu biết sáng đó em đi chơi với Bảo, chị đã gọi lại liền. Em có nhận lời lấy Bảo không?"

"Nhất định là không."

"Chị nghĩ em đã quyết định đúng," chị trả lời vắn tắt.

Bây giờ đến lượt cô yên lặng. Lẽ ra cô phải phấn khởi, phải sung sướng. Chuyện sinh kế, chuyện hôn nhân, những chuyện ấy bỗng như không còn quan trọng nữa. Tựa hồ như ba cô lâm bệnh hiểm nghèo, cô đã thấy rõ cái gì quan trọng cái gì không quan trọng. Quan trọng là cái thế giới nhỏ bé cô đã tạo được cho mình ở cái nước xa lạ này, với ba cô và chị Quỳ như hai cột trụ chính... Cô sung sướng với tình thương của cha, cô kiêu hãnh với phẩm chất cung cách của ông. Tình bạn của chị thắm thiết gần gũi hơn tình ruột thịt. Ba người chung với nhau cách nhìn cuộc sống, cách xử lý

những chuyện bất ưng, cách thưởng lãm những vui thú hiếm hoi trên đời...

Vậy mà cái thế giới ấy hôm nay bị đe dọa. Những việc mới xảy ra sáng nay, từ mẹ cô ghen tuông quá đáng cho tới chị xúc động quá độ, tất cả gợi ra một nghi vấn nguy hiểm về mối luyến ái bất thường giữa chị và ba cô, đe dọa cái liên hệ trong sáng của cô với hai người yêu thương nhất đời...

Cái yên lặng đang bao trùm cô và chị nặng nề quá. Cô phải kiếm ra chuyện gì nói với chị mới được. Chuyện thời tiết, chuyện đời sống hàng ngày, chuyện Tâm, chuyện Hải, chuyện gì cũng được... Cái yên lặng này, nếu để yên, sẽ cho phép những vụng về vừa qua lắng đọng thành một nghịch cảnh trường cửu không phương cứu chữa.

Như cùng một ý nghĩ, chị bảo cô:

"Em, về nhà uống với chị một bình trà em nhé."

*

Ngả lưng trên lưng ghế bành, cô ngắm phòng khách quen thuộc của chị. Cô thích từng món đồ gỗ cho đến cách trang trí, cái gì cũng vừa đẹp vừa nhã. Không khí thoải mái, và chưa bao giờ cô cảm thấy xa lạ ở đây. Ngắm chị sửa soạn trà bánh, cô miên man nghĩ giá chị là mẹ cô thì sung sướng biết bao... Không những cô, cả ba cô chắc cũng sung sướng lắm... Từ tính tình tới cung cách sống, ông hợp với chị hơn là với bà...

Cô giật mình thấy trí tưởng tượng vô kỷ luật đã dẫn cô vào vùng cấm địa. Hơn nữa nó đưa cô về câu chuyện bấy lâu nay cô vẫn lẩn tránh. Sự ghen tuông quá đáng của mẹ cô sáng nay và phản ứng bị động như thú tội của chị mới bắt cô suy nghĩ về mối luyến ái giữa chị và ba cô, hay đúng hơn bắt cô đặt tên cho nó...

Cô tự trấn tâm. Có lẽ cô đã quá lo. Từ sáng tới giờ, đã có chuyện gì thật sự quá đáng xảy ra đâu. Mẹ cô không trực tiếp hạch hỏi chị, và chị cũng không trực tiếp chối hay nhận một lỗi lầm gì. Mà có gì đâu mà hạch hỏi hay thú tội. Cả đến những lời ba cô nói với chị trong mơ cũng không có gì bất chính. Chị chỉ quá xúc động. Nhưng hôm nay ai chả có lúc xúc động đến chỗ mất bình tĩnh, dù trước mặt mọi người... Tối nay, cô nghĩ cô sẽ rủ chị trở lại thăm ba cô, và liên hệ giữa chị và gia đình cô đâu sẽ lại vào đấy.

"Chị ơi, ba bất thần đau nặng, ai cũng bối rối hốt hoảng cả. Có gì chị bỏ qua, chị nhé. Mẹ em..."

Nói xong, cô thấy mình vẫn cố gắng lẩn tránh, trong ý nghĩ cũng như lời nói. Chị ngắt lời cô:

"Em ạ, chị không buồn mẹ em. Chị hiểu..."

Câu nói nhẹ nhàng như một lời xã giao nhưng lơ lửng đe dọa. Cô chờ đợi. Chị nói tiếp:

"Có điều mọi chuyện đã thay đổi... Chắc từ nay, chị không tiện lui tới nhà em thường xuyên như trước nữa."

Cô hốt hoảng:

"Chị ơi, sao chị lại nói những câu quyết liệt như vậy... Chị giận mẹ em sao? Mẹ em đáng giận lắm, nhưng chị hiểu cho, chị nhé. Chẳng qua là bà lo lắng mệt mỏi từ sáng đến giờ nên mất bình tĩnh..."

Chị nói:

"Em. Em không thấy mọi chuyện hoàn toàn thay đổi rồi sao?"

Bây giờ thì cô không tránh né được nữa. Chị nói đúng, mọi chuyện từ sáng nay đã thay đổi nhiều quá. Không ai nói ra, nhưng cả chị lẫn cô đều nghĩ là bà có quyền ghen. Hơn nữa, có lẽ cả xã hội chắc cũng đứng về phe bà trong ghen tuông ấy. Cô chợt thấy tất cả nghiệt ngã thói đời dành cho những mối liên hệ ngoài quy ước, dù liên hệ ấy trong sáng đến đâu. Cô xót xa chị như xót xa một người đồng hội đồng thuyền.

Cô có linh tính đang đi trên một bãi mìn. Liên hệ của chị với gia đình cô bây giờ như trứng mỏng, chỉ một lỡ lời nhỏ từ cô hay từ chị sẽ tạo nên những thù nhận vụng về làm cho mọi chuyện có thể phức tạp tới chỗ vô phương cứu chữa... Mình phải gượng nhẹ rón rén lắm, cô nghĩ.

Nhưng chị không rón rén:

"Lúc ở nhà thương, chuyện gì xảy ra trong phòng bệnh vậy em?"

Cô ngần ngại, chị hỏi gặng:

"Chuyện gì vậy em? Đừng giấu chị... Chị muốn biết tất cả sự thật. Tình cảnh này, chị em mình không nên giấu nhau gì nữa. Em nói đi em."

Cô thú thật:

"Ba em gọi tên chị... Ba gọi chị lúc nửa tỉnh nửa mê..."

Nét mặt chị đột ngột thay đổi, sung sướng lẫn với sợ hãi thẹn thùng. Cô vội vã nói tiếp:

"Toàn chuyện công việc thôi, những chuyện thời ông còn tại chức... Em không nghe được hết, nhưng đại khái về một chuyến công tác... về một bản phúc trình... Chỉ có thế thôi rồi ông ngủ lại..."

"Ba nhắc đến bản phúc trình cho ông Bộ phải không?"

"Đúng, nhưng sao chị biết?"

Không còn để ý đến cô, chị nói một mình:

"Thế là ông vẫn chưa quên..."

24. Câu chuyện tâm sự của chị đã cả mấy chục năm rồi, khi chị mới hai mươi ba tuổi đầu, đang làm thư ký riêng cho ba cô. "Em ạ..." chị kể, "hôm ấy ba em xuống lục tỉnh thanh tra một chiếc cầu bị giật xập từ hồi Nam Bộ kháng chiến, cũng như để duyệt qua thiết kế tái xây dựng của ủy ban chuyên viên hỗn hợp Việt Pháp, gồm nhân viên công chánh địa phương và các sĩ quan công binh Pháp của khu vực chiến thuật. Chiếc cầu ở ngay khúc sông gần làng ông, ông bảo chị thế. Ông mang theo chị và anh Lý, một người kỹ sư trẻ phụ tá của ba em. Tỉnh sắp đặt cho phái đoàn ở khách sạn gần ty công chánh.

"Như thường lệ, ba em điều hợp mọi việc một cách sáng suốt và hữu hiệu. Cứ như thế, những buổi họp tiến triển đều đặn cho đến ngày thứ ba khi đại tá công binh Marcel Durant đại diện quân đội Pháp từ Sài Gòn xuống dự phiên họp chót.

"Không ngờ hai người quen nhau từ hồi ba em du học bên Pháp. 'Thuần, tôi có ý tìm anh cả mấy năm nay mà bây giờ mới gặp...' đại tá Durant vừa nói vừa ôm lấy ba em, mừng rỡ như anh em ruột thịt lâu ngày mới gặp lại nhau. Cả nửa giờ rồi mà hai người bạn cũ chưa chịu vào phòng họp, cứ mê mải nói chuyện ngày xưa. Xem chừng viên đại tá thân với ba em lắm, không những thân mà còn phục tài học cũng như tay nghề của ba em. Say mê ôn lại quá khứ, họ như quên chị có mặt ở đấy.

"Nhưng chị không sốt ruột. Chị sung sướng nghe chuyện về thuở du học bên Pháp của ông. Chị nghĩ ông đã làm rạng danh người Việt... Thời Pháp, dân mình chưa tiến bộ lắm, và mỗi khi có

ai được người Pháp quý mến và thán phục là vinh dự của cả cộng đồng...

"Cơm trưa xong, mọi người lên xe ra xem cây cầu gẫy cách tỉnh lỵ chừng mười cây số. Thuở ấy, như vậy kể như xa lắm... Tới nơi viên đại tá ôm lấy ba em mà cười... Ông ta nói 'Tưởng gì, hóa ra là cây cầu này...'

"Rồi ông ta kể chiến dịch *Con Sóc* năm đó, đoàn công voa vừa tới bờ sông thì địch cho nổ cầu. May mắn là viên tư lệnh hành quân đã cẩn thận cho dừng lại để quan sát địa hình địa vật, và không chiếc xe nào bị rớt xuống sông. Địch rút lui sau một cuộc chạm súng ngắn.

"Ngắm cây cầu gẫy, đại tá Durant nhận ra ngay là kiểu cầu giáo sư Levecque ở đại học Bách Khoa Paris đã vẽ ra hồi đầu thế kỷ. Ông phát hiện ra kẻ phá hoại chỉ đặt có hai quả mìn nhỏ mà đánh xập nổi cầu. Lạ nhất là mìn lại không đặt ngay chân móng.

"Ông bất ngờ học được rất nhiều điều mới. Từ góc cạnh của những nhịp cầu gẫy, ông khám phá ra sự phân phối lực và trọng lượng của cầu có nhiều điểm khác với những điều ông vẫn thường nghĩ... Có một vếch-tơ với điểm tựa bất ngờ mà hồi đi học ông đã không ngờ tới... Kẻ địch đặt hai quả mìn vào đúng hai yếu điểm mà cũng là nhược điểm của cầu, và đã thành công vận dụng vếch-tơ ấy để biến cầu thành đống sắt vụn.

"Dưới sự yểm trợ của mấy giàn đại liên bắn xối xả sang bên kia sông, ông ra lệnh cho thả cầu phao. Ông bảo ba em, 'Lúc ấy, tôi nghĩ ngay đến anh. Trong thế giới nói tiếng Pháp bấy giờ, tôi chắc chỉ có hai người am hiểu kiểu cầu này như vậy, là giáo sư Levecque và người học trò cưng của ông, sinh viên Nguyễn Văn Thuần... Tôi biết chắc anh chỉ quanh quẩn đâu đó... Lúc ấy, tôi rất giận anh vì cái anh phá, tôi phải xây lại... anh biết, từ khi đi học, tôi vẫn ghê sợ sự phá hoại... Nhưng mặt khác, tôi lại rất tự hào có một người bạn như anh... Phá cầu một cách thông minh như vậy thì cái tội phá hoại đáng được tha thứ... anh Thuần, có phải chính anh đã đặt mìn cây cầu này hôm ấy không?' Ba em bảo, 'Marcel, anh tinh lắm, tôi không bao giờ giấu anh được chuyện gì, ngay từ khi đi học với nhau...'

"Như chợt nhớ có chị ở bên, Đại tá Durant quay sang bảo chị,

'Cô nên kiêu hãnh được phục vụ một con người đặc biệt như bạn tôi...'

"Kể tiếp câu chuyện dở chừng cho ba em, ông ấy bảo, 'Thuần ạ, trong chiến trận, đồng minh với nhau cũng thường không hiểu nhau... Vậy mà tôi hiểu anh... Và biết đâu anh đang từ một chiến hào bí mật nào trong rừng tràm chiếu ống nhòm quan sát tôi bên cây cầu cổ mà chỉ có anh và thầy Levecque mới hiểu được tất cả những tinh vi kỹ thuật của nó. Tôi nguyện cầu trận mưa đạn lính tôi đang xối xuống phòng tuyến dịch sẽ tránh anh... Quả thật, hôm nay anh còn đây, lành lặn nguyên vẹn...'

"Ba em cười chỉ tay vào ngực trái, bảo bạn là ông không hoàn toàn nguyên vẹn. Hôm ấy ông bị thương vì một mảnh trái phá ghim vào ngực. May là chiếc xương sườn chận lại không cho mảnh xuyên tới tim... Ông nấp dưới ruộng bùn gần tiếng đồng hồ, rồi bò về vùng an toàn cách đấy ba cây số. Ông nói đùa, 'inh mất cây cầu chiến sự, tôi mất một lạng thịt ngực, thế là hòa nhé... Còn nữa, ngày xưa tôi phá cầu bây giờ tôi xây lại, anh bằng lòng chưa?' Đại tá Durant cười lớn và mọi người cười theo..."

Chị Quỳ xuống giọng như tâm sự:

"Em ạ, đàn ông nhiều khi họ thật vô tâm, cái gì cũng cười được. Vết thương ngang ngay tim, xém một chút nữa thì còn gì, chuyện có thể mạng vong chớ giỡn sao... Chị tưởng tượng cảnh chiến sự hôm ấy, ông máu me đầm đìa nằm ngâm mình xuống bùn, chắc đau dớn lắm...

"Dang hú vía vì ông thoát hiểm trận ấy, chị giật mình khi đại tá Durant vỗ vai chị bảo, 'Xếp cô xứng đáng được mọi biệt đãi trên đời...'

"Em ạ, ông ta không cần nhắc, chị cũng dư biết điều ấy. Chỉ có điều chị buồn là ba em không được hưởng một biệt đãi nào... Chiếc sơ-mi ông mặc sáng hôm ấy, chị biết ông sấn tay không phải cho gọn ghẽ mà vì chiếc nút vừa cài đã rớt ra lúc xuống cầu thang... Còn nữa, hôm ấy là ngày sinh nhật thứ bốn mươi của ông mà từ nhân viên cho tới gia đình bè bạn, chị nghĩ không một ai nhớ tới.

"Em hỏi làm sao chị biết ngày sinh nhật của ông? Chị biết chứ. Chị vẫn soạn hồ sơ nhân viên cho ba em mỗi kỳ thăng thưởng mà..."

*

Chị Quỳ nhấp chút trà rồi nói tiếp:

"Buổi chiều hôm ấy, khóa họp kết thúc. Mọi việc mỹ mãn, khách cũng như chủ ai nấy thỏa mãn. Bữa cơm thân hữu với phái đoàn Pháp và chuyên viên công chánh địa phương tại quán cơm bờ sông rất vui vẻ. Người Pháp nói chung rất xuề xòa, ngay cả thời họ còn có oai quyền trên nước mình. Họ thích ăn uống như người địa phương, mấy món nhậu rùa rắn của mình họ thích lắm... Họ còn mang xâm-banh tới đãi... Mới đầu chị không muốn uống rượu, nhưng đại tá Durant vui tính lắm cứ nhất định ép chị một ly... Em có thích uống xâm-banh không nhỉ. Chị không thích lắm, nhưng hôm ấy thì chị thấy xâm-banh thật là ngon... Có lẽ tại xâm-banh Pháp, cái bọt lăn tăn trong miệng, mà uống vào thì lâng lâng dễ chịu... Chị nghĩ hôm ấy ai cũng say... May nhờ uy của ba em và đại tá Durant, mọi người say mà không phá phách hay lố lăng, và không khí chung thật là đẹp...

"Tiệc tàn, chị và anh Lý theo ba em về khách sạn. Ngang qua quầy tiếp khách, ông dừng lại hỏi, 'Có ai điện thoại cho tôi không?' Ông tiu nghỉu khi nhân viên nhà hàng bảo không. Không nói rõ lý do, ông rủ anh Lý và chị ra phố ăn chè và xem chiếu bóng, trò giải trí phổ thông dưới lục tỉnh. Anh Lý bảo đã gần mười một giờ, xi-nê không còn xuất nào nữa và các hiệu chè cũng đóng cửa từ lâu. Anh có vẻ ngạc nhiên thấy xếp bỗng thích la cà ban đêm, nhất là lúc ấy trời như muốn nổi cơn giông. Còn chị thì tất nhiên là chị biết ông định tự thưởng mình một lễ sinh nhật với hai nhân viên thân tín...

"Anh Lý lấy chìa khóa. Trước khi lên phòng, anh ấy bảo khẽ chị là sáng mai, anh sẽ có quà biếu chị. Mãi về sau chị mới biết anh ấy nói gì. Lúc ấy chị chỉ xót xa cho ba em. Thật là vô lý, vì chị lúc ấy nào có tư cách gì mà xót xa cho ai. Chị chỉ là cô thư ký nghèo, cha nghiện rượu đã qua đời, đi làm nuôi mẹ và em... Vậy mà chị vẫn xót xa cho ông, tựa hồ làm như vậy thì đời sống công bằng hơn...

"Chia tay ba em ở hành lang khách sạn, chị không về phòng chị. Chị xuống bếp đặt một chiếc bánh sinh nhật cho ông. Chị phụ với bác bếp đánh trứng quấy bột cho kịp. Bánh chín, chị bưng lên phòng ông với bình trà mới pha. Chị còn nhớ hồi ấy chị nhút nhát lắm. Chỉ có mấy cái tách uống trà mà chị cũng lúng ta lúng túng... Em biết không, mới đầu chị bày lên khay hai cái tách hai cái đĩa... Bầy xong, chị mới thấy mình bạo quá, làm thế khác nào tự mời luôn

mình... Chị bỏ lại một bộ tách đĩa, rồi lại tiếc rẻ... Sau cùng chị xếp cả bộ đồ trà cho sáu người lên khay...

"Cửa phòng hé mở, chị đẩy cửa bước vào. Ông đang ngồi viết phúc trình. 'Bánh sinh nhật của ông giám đốc...' chị ấp úng nói khi ông ngẩng lên. 'Hôm nay sinh nhật tôi sao?' ông hỏi lại chị. Chị nghĩ ông giả vờ ngạc nhiên, và thấy ông cô đơn quá.

"Chị nhớ lại lời ông đại tá Pháp là ba em xứng đáng được cuộc sống biệt đãi. Vậy mà sinh nhật ông, sau một ngày ở công trường, một lời chúc mừng của người thân cũng không được. Hồi ấy các em còn nhỏ dã đành, nhưng còn mẹ em. Bà bận rộn gì mà không gọi được một cú điện thoại cho chồng.

"Chị bỗng thấy chị gần gũi với ông hơn mọi ai trên đời... Tựa hồ như chị đã biết ông từ hồi ông du học bên Pháp trẻ trung lỗi lạc... Tựa hồ như chị đã biết ba em từ hồi ông theo kháng chiến gian khổ oai hùng... Như chị biết ông nhiều hơn cả bạn ông ở sở... Nhiều hơn cả mẹ em...

"Chị thưa với ông, 'Bác Thuần, con cắt bánh sinh nhật cho bác nhé.' Chị bỗng ghi nhận chị đã bỏ đi ba chữ *Ông Giám Đốc* cứng cỏi thường lệ. Ông cũng bắt được sự thay đổi ấy nhưng làm bộ tự nhiên, như từ xưa tới nay chị vẫn xưng hô với ông như vậy.

"Chị nhắc ông thổi cây đèn cầy độc nhất chị xin nhà bếp cắm trên bánh, như thường thấy người ta làm trong xi-nê. 'Bác nhớ nguyện điều gì khi thổi đèn cầy, bác nhé...'

"Ông nói, 'Cháu muốn bác thổi thì bác thổi. Nhưng miễn cho bác chuyện ước nguyện đi...' Như sợ phật lòng chị, ông cắt nghĩa, 'Chưa bao giờ bác ước điều gì mà được như ý...' Chị biết ông không chủ tâm than thở, nhưng chị thấy ông nói đúng. Ông chỉ ước một cú điện thoại chúc mừng sinh nhật mà cũng không toại nguyện...

"Em ạ, nhớ lại nét mặt ông tiu nghỉu khi nhân viên nhà hàng cho hay là suốt ngày hôm ấy không có ai gọi, chị trách thầm mẹ em. Bà cầm ngọc trong tay mà không biết quý. Ở địa vị bà, chị sẽ sung sướng đoán ý ông mà chiều...

"Ông không chịu nguyện ước thì chị nguyện ước giùm ông. Và khi ông thổi nến, chị nhắm mắt cầu mong cho ông những điều tốt lành... Chị cầu mong mẹ em săn sóc ông nhiều hơn, kết nút áo cho ông kỹ hơn, gọi chúc mừng sinh nhật cho ông khi ông ở xa, và không bao giờ bỏ bê ông nữa... Chị cũng ước nguyện những điều

riêng cho chị... Những điều điên lắm em ạ, bây giờ nghĩ lại còn thẹn...

"Chị nguyện xong thì bên ngoài trời đổ mưa tầm tã. Cơn mưa giông miền Nam mình, em còn nhớ không, ào ào bất chợt. Sấm chớp ầm ầm, long trời lở đất.

"Đèn trần bỗng chớp lòe mấy cái rồi tắt ngúm. Bóng tối chụp xuống căn phòng khách sạn. Chị vừa mơ hồ lo sợ, mà vừa sung sướng, tưởng như lời ước thầm của chị bỗng thành sự thật...

"Ba em đánh bật lửa thắp lại cây đèn cầy sinh nhật. Gương mặt bình thản của ông dưới ánh sáng bật lửa làm chị thoáng tiếc cái bóng tối vừa tan biến. Nhưng rồi ngọn đèn cầy bập bùng làm căn phòng trở nên ấm cúng, trái hẳn với mưa gió bên ngoài. Ông nói, 'Hôm nay bác cháu mình thắp nến ăn bánh uống trà, sang quá.' Giọng ông hoàn toàn tự nhiên, nhưng chị vẫn triền miên trong mộng tưởng. Gắn cây đèn cầy lên chiếc tách úp ngược, chị cắt bánh rót trà đưa ông. Ông khen bánh chị làm khéo. Chị sung sướng được săn sóc ông, tựa hồ như sự gần gũi thân mật đã phá tan tất cả những cách biệt thường ngày... Như dọn cho ông tách trà miếng bánh, trong một thời điểm khuya khoắt như vậy, chị đã thuộc vào đời sống thân thiết riêng tư của ông..."

*

Cô ngồi lặng yên nghe chị kể chuyện, nhắm mắt tưởng tượng cảnh một người đàn ông trung niên tài năng lịch thiệp bên cô gái trẻ xinh đẹp đam mê, trong phòng khách sạn vắng vẻ một đêm mưa gió. Mặt đối mặt, họ uống trà ăn bánh dưới ánh đèn nến lung linh... Yêu thương không nói nên lời, ân tình gói ghém trong thanh lịch cung cách, liên hệ nam nữ ở giai đoạn trong sáng nhất của cuộc sống. Cái đẹp mong manh quá, cũng mong manh như vùng sáng bé nhỏ của ngọn nến sinh nhật, như một khoảng không gian nhiệm mầu cất riêng cho hai người từ một vũ trụ đang chìm trong giông bão.

Cô hồi hộp mong cho tình yêu được vinh hiển, nhưng cô lại sợ hãi. Cái đẹp chênh vênh mảnh dẻ ngay bên bờ vực thẳm. Chỉ một hành động vụng về, một câu nói lỡ lời, cái vùng sáng lãng mạn thanh lịch của ngọn nến sẽ lẫn lộn với cái bóng tối xung quanh đang phủ lên những eo sèo dung tục, những chiếu chăn mùng màn của

căn phòng khách sạn. Cô rùng mình nghĩ tới những bẽ bàng hay nhày nhụa của nghịch cảnh...

Cô chợt thấy hoàn cảnh hiện tại trong phòng khách của chị giống hệt cái đêm giông tố chị đang kể. Cô nôn nóng nghe hết chuyện, mà đồng thời cô lại mong chị đừng kể nữa... Như thể trong đoạn sắp tới của câu chuyện hồi tưởng này chị sắp kể hôm nay, trong phút sắp tới của cái đêm giông bão hôm ấy, sự thật sẽ xuất hiện, sẽ hủy diệt tất cả cái thế giới hiện tại rất quý rất đẹp của cô...

Cô không chấp nhận sự giả dối, nhưng mà cô không đi tìm đổ vỡ trong sự thật... Vậy mà cô như bị thôi miên bởi cái đam mê của chị, cái đam mê không hung hăng, không ồn ào, nhưng mãnh liệt như một xoáy nước ngầm, như một sức mạnh vô hình ép cô vào lưng ghế, bắt cô ngồi chờ sự thật xảy ra...

Chị lại nói:

"Chị nghĩ người ta bản tâm là thảo lắm, là muốn cho người mình quý trọng một cái gì quý hóa nhất của mình... Bấy giờ chị chỉ là một cô gái nghèo, vậy mà lúc ấy chị muốn cho nhiều lắm... Lòng chị lâng lâng bay bổng... Chị nói làm sao bây giờ... em cũng là phụ nữ như chị, em phải hiểu cho chị thôi...

"Chị rót trà mời cho ông. Lúc ông đỡ tách trà, tay chị chạm tay ông. Chị nghe ông nói, 'Cảm ơn cháu đã nhớ ngày sinh nhật của bác...' Chị nói, 'Sang năm cháu làm bánh sinh nhật cho bác nữa nhé'. Ông lại nói, 'Thật nhé cháu.'

Ông bỗng cầm tay chị, khẽ gọi 'Quỳ ơi, Quỳ...' Giọng ông đã mất tự nhiên, còn chị thì toàn thân mềm như bún. Chị muốn khuyến khích ông... Chị muốn bày tỏ tấm lòng quý trọng chị dành cho ông... Chị muốn nói, 'Bác có muốn cháu ở lại đêm nay không? Bác ơi, bác muốn gì cháu cũng chiều bác', nhưng cổ chị nghẹn lại. Chị như bị tê liệt... Con gái thời ấy không nói những câu như thế...

"Vậy mà hoàn cảnh như có ma ấy em ạ... Chị không nói những ý nghĩ táo bạo ấy ra, mà nhìn mắt ba em chị biết những ý nghĩ không nói thành lời ấy vẫn tới tai ông rành rọt không thiếu một chữ... Ông nói, 'Cháu về nghỉ đi, cũng khuya rồi.' Lời ông nói, chị nghe rõ từng chữ, nhưng chị cũng hiểu rõ từng ý của ông, và rõ ràng là ý một nơi mà lời một nẻo. Em ạ, ngôn từ lúc ấy thật ra đâu còn có nghĩa gì. Giọng ông cũng nghẹn ngào cũng lạc lõng như lời chị đáp

lại ông. Chị nhớ chị nói một câu lãng nhách, 'Bác ơi, ngoài hành lang tối quá.'"

*

Cô nín thở. Cô muốn hét lên để ngăn chị lại, mà miệng cô khô đắng. Cô cứ ngồi đấy, như tê liệt, như bị bóng đè. "Chị ơi, em lậy chị, chị đừng kể nữa chị ạ. Em không muốn nghe hết câu chuyện này đâu..." Cô không biết cô đang nói với chị hay chỉ đang nghĩ trong đầu. Nhưng dù cô nói ra lời hay trong tưởng tượng, chị không nghe thấy cô nói. Chị tiếp tục:

"Ba em nhẹ nhẹ vuốt ve tay chị. Chị ngồi yên sung sướng... Chị nghĩ đến tương lai, và tương lai không làm chị sợ hãi. Chị tự tin, vì chị nghĩ không có gì xấu xa có thể phát sinh từ tấm lòng chân thành của chị... Chị chỉ muốn đem lại hạnh phúc cho ba em... Chị không muốn làm cho ai khổ sở... Chị không ân hận... Không, chị không bao giờ giật chồng của mẹ em, giật cha của các em... Chị nghĩ chị sẽ làm vợ bé của ông. Các viên chức cao cấp như ba em hồi ấy, phần đông là có vợ bé... Và xã hội có chỗ cho chị trong tư thế ấy... Yêu như chị yêu ba em, cái danh nghĩa vợ cả vợ bé nào có đáng quan tâm gì. Dù danh nghĩa gì đi nữa, chị vẫn đem lại hạnh phúc cho ba em... Mà biết đâu chị chẳng được một hai mụn con với ông... Cuộc đời như thế là đầy đủ..."

Nước mắt lưng tròng, chị ngước lên nhìn khoảng không, hoan lạc lẫn đớn đau. Cô ôm lấy chị. Tách trà bị vạt áo kéo đổ chan hòa ra mặt bàn nước. Cô hấp tấp đứng dậy. Bây giờ thì cô hoàn toàn tỉnh táo. Cô biết chị cũng đã thoát khỏi ảnh hưởng của ma lực như cô.

Chị nói:

"Em cứ ngồi yên. Chị xuống bếp lấy khăn lau."

Chị trở lại lau kỹ càng vũng nước trà trên mặt bàn gỗ vẹc-ni... Lau xong, chị kể tiếp câu chuyện:

"Đúng lúc ấy thì đèn trần bật sáng trở lại. Rồi ông chợt biến sắc. Chị không bao giờ quên được nét mặt ông lúc ấy. Ông làm chị nhớ tới nét mặt ba ruột của chị lúc sinh thời, mỗi khi hết cơn say rượu ông sực nhớ những lỗi lầm vừa làm với người thân.

"Ba em buông tay chị, và chị cúi đầu không dám nhìn mặt ông. Lát sau khi chị ngẩng lên thì mọi chuyện hoàn toàn trở lại bình thường. Chồng văn thơ cùng với mấy cuốn họa đồ tạm dẹp sang bên để đặt mâm bánh, lại trở lại thành mối liên hệ lớn nhất giữa ông và

chị. Thậm chí lối xưng hô bác cháu lúc nãy vừa mới bắt đầu, đã lạc lõng dưới ánh đèn trần chói chang.

"Chị đứng dậy, nói như một cái máy biết nói, 'Chúc ông Giám Đốc một ngày sinh nhật vui vẻ.' Chị bước ra cửa mà trong bụng còn ước mong ông gọi chị lại. Ông không gọi chị lại. Ông chỉ nói, 'Chúng mình quên không gọi anh Lý xuống ăn bánh...' và ông chúc chị về phòng ngủ ngon. Ông đứng dậy tiễn chị. Tới cửa, ông dặn thêm một câu vô nghĩa, 'Đừng quên bản phúc trình của bác cho ông Bộ...' Bản phúc trình ấy, ba em chưa giao cho chị đánh máy, mà thật ra ông cũng chưa thảo xong...

"Đêm ấy chị về phòng thao thức cho tới sáng. Buổi điểm tâm, cả ba người, chị muốn nói ba em, chị và anh Lý đều phờ phạc. Ba em rán cư xử như không có chuyện gì xảy ra, ngoại trừ từ đấy về sau ông tiếp tục gọi chị bằng cháu xưng bác như bây giờ...

"Còn anh Lý, sau buổi ăn sáng hôm ấy, anh gặp riêng chị tỏ tình. Anh tặng chị một bài thơ anh đã thức suốt đêm để làm. Về sau chị và anh Lý lấy nhau. Đám cưới xong, anh Lý xin đổi về làm ty trưởng công chánh một tỉnh lỵ xa, và chị thôi việc theo chồng. Nhưng anh Lý cả ghen lẫm, và năm sau thì hôn nhân tan rã. Chị đi làm sở Mỹ, tái giá, rồi theo chồng Mỹ sang bên này. Chuyện về sau thì em cũng đã biết...

"Tóm lại, hôm ấy chút nữa thì chị phạm tội. Chút nữa thì chị làm tỷ ố liên hệ đẹp đẽ với ba em. Chút nữa thì chị làm sa ngã một người đàn ông chị quý trọng nhất đời."

Cô thở phào. Rõ ràng là không có gì đáng tiếc xảy ra. Chị kể cho cô phần cuối câu chuyện, dễ dàng xong suốt. Tất cả những cám dỗ nguy hiểm đã được vượt qua, câu chuyện kết thúc như một tiểu thuyết viết với một bận tâm dạo lý rõ ràng, một tiểu thuyết phổ thông tầm thường và nhạt nhẽo như đời sống phải chăng hàng ngày, đọc cũng được không đọc cũng được... Cô thoáng thấy cái suông sẻ bất thường của đoạn cuối, nhưng cô không muốn bận tâm. Cô sung sướng nghĩ tiếp, chuyện cũ chỉ có như thế thì có gì mà chị phải bớt đi lại với gia đình cô.

Tất cả chỉ tại ai cũng mệt quá, cũng căng thẳng quá. Tất cả chỉ tại mẹ cô, cái căng thẳng của bà đã lây sang chị Quỳ, đã lây sang cô, tạo ra bất an cho mọi người xung quanh. Tội nghiệp chị Quỳ. Người đời tội ác đầy mình mà vẫn nhơn nhơn sống, còn chị thì một

chuyện gần như không đâu từ mấy chục năm trước, bỗng dưng nhớ lại để tự dày vò. Có gì đâu cái cám dỗ dễ hiểu giữa ba cô và chị, cái cám dỗ mà cả hai người đã không rơi vào. Cô nói với chị:

"Chị ơi, chị cũng như mẹ em, mệt quá rồi sinh ra nghĩ quẩn. Ngày mai rồi đâu vào đấy. Thôi chị cho em về, em chưa sửa soạn cơm tối cho mẹ em."

25. Bà Thuần tối ấy cũng mệt nhừ. Vậy mà khi Bảo đưa bà về đến nhà, và khi anh tỏ ý nấn ná muốn ngồi lâu, bà vẫn tươi cười mời anh ở lại ăn tối. Cô dịu dàng nhưng cả quyết:

"Mẹ để cho anh về nghỉ mẹ ạ, con chắc anh ấy mệt lắm. Mà tối nay ai cũng phải đi ngủ sớm thôi."

Bảo nói suôi chiều:

"Em nói đúng, em cũng cần đi nghỉ sớm. Sáng mai anh sẽ tới đón em đi thăm bác."

Cô dứt khoát:

"Anh đừng bận tâm. Em đã có phương tiện di chuyển rồi."

Mặc cho Bảo ngạc nhiên, cô trở vào sửa soạn bữa tối cho mẹ.

Liễn cháo gà cô nấu sẵn, bà chỉ ăn qua quýt một chén con. Nhưng bà không đi ngủ ngay. Rót một tách nước, bà yên lặng ngồi uống, mắt nhìn xa vời như đang tính toán công việc. Bỗng nhiên bà bảo cô:

"Mẹ có chuyện muốn nói với con."

"Chuyện gì vậy mẹ?"

Bà vào thẳng đề:

"Con quyết định thế nào về Bảo?"

"Ba đang còn đau, con bụng dạ nào mà nghĩ chuyện ấy."

Bà dồn tới:

"Chính vì ba đau mẹ mới muốn nói chuyện ấy với con..."

Cô rùng mình. Cô biết mẹ cô muốn nói đến cưới chạy tang, nếu ba cô mệnh hệ nào. Cô dứt khoát:

"Con đã quyết định từ chối Bảo."

"Vậy sao lại ở lại đêm..."

Bà không nói hết câu, nhìn cô từ đầu đến chân, cái nhìn tưởng thấu qua quần áo, thấu tới tâm can.

Bà nói tiếp:

"Cha mẹ thì già yếu, sống lúc nào biết lúc ấy. Con lớn rồi mà bề nào cũng chưa ra bề nào. Mai mốt, con sẽ ra sao ở đất nước này..."

"Mẹ ơi, mẹ yên tâm đi. Con đã có việc."

"Việc gì? Con xin việc ở đâu?"

"Việc ở sở chị Quỳ. Chị ấy giúp con làm đơn đã lâu rồi, nhân tiện lúc tới nhà mình giúp con điền các thủ tục an sinh. Con tưởng mẹ biết."

"Ba có biết con xin việc ở sở chị Quỳ không?"

"Hình như con có nói cho ba, con không nhớ... Nhưng mà khi nộp đơn, con đâu có hy vọng gì... Chắc vậy mà ba không nói với mẹ."

Bà ngồi lặng giây lâu. Rồi bà nói:

"Con xin việc mà chỉ có ba con và chị Quỳ biết... Mẹ thì kể như người ngoài. Chị Quỳ này quá lắm, việc gì trong nhà này cũng dính vào..."

Bà muốn nói nữa, nhưng điện thoại reo. Như thoát nạn, cô đứng dậy tới nhấc ống nghe. Tâm bên kia đầu giây báo tin sáng hôm sau sẽ tới phi trường với chồng. Cô quay lại báo tin cho mẹ hay. Bà tới bên cô, nói vọng vào máy:

"Cho mẹ số máy bay và giờ giấc... Sáng mai anh Bảo sẽ đón các con."

Đầu kia giây, Tâm nói:

"Khỏi phiền người ta, mẹ ạ... Chúng con đã thuê xe sẵn ở phi trường."

Rồi Tâm đổi đề tài:

"Mẹ ơi, ba bình phục được, con mừng lắm. Chị Hoàng ơi, mai em gặp chị nhé..."

Cô gác máy. Cô muốn nói với mẹ chuyện chị Quỳ, năn nỉ bà nhẹ tay hơn với chị. Nhưng cô đổi ý. Rõ ràng là không khí không thuận lợi. Cô nói:

"Con đi ngủ thôi, sáng mai còn phải dậy sớm dọn phòng cho vợ chồng Tâm."

Bà cũng nói theo:

"Con nói phải đấy, cũng khuya rồi."

Bà đi vào phòng, vừng trán đăm chiêu tư lự. Cô biết hôm nay bà gặp quá nhiều việc không ưng ý.

*

Sáng hôm sau cô thức giấc thì mẹ cô đang uống trà một mình trong bếp. Thấy cô vào, bà bảo:

"Vợ chồng Hải cũng sắp tới. Nó vừa gọi điện thoại cho mẹ lúc sáu giờ từ New York... Thằng Raymond cũng được theo bố mẹ sang thăm nội. Năm nay nó năm tuổi hơn rồi đấy."

"Vậy mà con ngủ say quá, chẳng biết gì. Mẹ ăn gì, con làm."

"Mẹ dùng cái bánh quy với trà no rồi."

Bất thần bà hỏi cô:

"Con có thấy chị Quỳ hôm qua bất thường không?"

Cô giật mình. Bà hỏi lại:

"Mẹ chỉ mới nói ba con nói mơ, mà chị quá lúng túng... Chị có hỏi con ba nói mơ chuyện gì không?"

Cô muốn chối, nhưng cô đổi ý. Nhìn thẳng bà, cô trả lời:

"Dạ có. Và con có cho chị hay."

Mím môi, bà mỉm cười:

"Mẹ biết thế nào chị cũng hỏi con... Con có nghĩ chị Quỳ có tình ý gì với ba con không?"

Hỏi xong, bà tự trả lời:

"Tất nhiên là có rồi, phải không con. Mẹ còn nghĩ là tình ý của chị không hẳn là một chiều. Ba con cũng yêu chị ấy..."

Cô phản đối:

"Mẹ lầm rồi, con không nghĩ như mẹ đâu. Ba không làm chuyện gì bất chính, mà chị Quỳ cũng vậy... Hai người không phải nhân tình..."

Cô nói xong thấy mình lỡ lời. Chữ nhân tình sao mà nặng nề, nghe như thương tổn tới ba cô, tới chị. Nhưng bà không tỏ ý khó chịu với cách dùng chữ của cô. Chậm rãi bà nói:

"Mẹ không bảo là họ ăn nằm với nhau... Họ mê nhau mà không là nhân tình của nhau, con ạ... Cái đó mới quan trọng... Cái đó mới rầy rà... Con biết đấy, chuyện thể xác thì ăn nhằm gì... Cái ngoại tình trong tư tưởng còn đáng trách hơn là chuyện xác thịt qua đường... Chuyện này đã lâu rồi."

"Mẹ không ghen sao?"

"Bây giờ thì mẹ không ghen nữa. Sáng ngày, mẹ đã khấn Phật. Là nếu Phật cho ba con qua khỏi cơn nguy này, thì mẹ sẽ tha thứ cho ba tội ngoại tình trong tư tưởng. Mẹ sẽ tha cho chị Quỳ tội lấy cắp tình thương lẽ ra ba phải dành cho vợ con..."

"Mẹ mặc cả với Phật làm gì cho phải tội."

"Con đừng trách mẹ. Mẹ không dám mà mẹ cũng không cần mặc cả. Chị Quỳ sẽ không lui tới nhà này nữa đâu. Mẹ biết vậy... Mẹ biết tính chị ấy... Tự ái lắm, mà cũng tham lắm... Chị ấy cướp ba con của mẹ, mà không muốn mang tiếng là cướp chồng người ta... Đừng cãi mẹ nhé, mẹ đã bảo là mẹ không nói chuyện nhân tình nhân ngãi xác thịt với nhau... Nhưng sau cơn khóc hôm qua, có gan cóc tía cũng không giả vờ là mình vô tình vô can được nữa."

"Nhà mình sắp mất một người bạn thân lâu năm..."

"Cái mất này, mẹ không tiếc. Mất sự trung thành trong tư tưởng của ba con cả mấy chục năm nay cũng chẳng tiếc được nữa là..."

(còn tiếp)

Bác Sĩ

VŨ ĐÌNH MINH

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF INTERNAL MEDICINE AND PULMONARY DISEASES

CHUYÊN TRỊ: BỆNH NỘI KHOA, BỆNH PHỔI

- bệnh nội khoa: tiểu đường - mấu cao...
- bệnh phổi: ho - suyễn - đau ngực - lao - khó thở

NHẬN MEDICAL và BẢO HIỂM

giờ làm việc: (gọi lấy hẹn)

ngày thường: 9 - 12 AM & 1 - 6 PM

thứ bảy: 9 AM - 1 PM

Tel: **(714) 641-0263**

Địa chỉ: 2740 S. Bristol # 118 Santa Ana, CA 92704

TRIỀU HOA ĐẠI

dường như

Dường như. Buổi sáng hôm nay
có ai hong tóc rơi đầy nắng trong
và rồi nỗi nhớ bâng khuâng
trên môi phiền muộn, sợi bồng bềnh trôi.

Dường như êm ả. Môi người
giấu đau thổn thức một đời cách ngăn
và, hình như chuyện trăm năm
ngoài kia nắng lại băn khoăn, trở về

Dường như lệ nhỏ đem chia
mây bay rụng nắng, đường lìa phân vân
tôi, hay người đó một lần
chiều vơi sông nước muôn phần lơi xa

Dường như. Trên ngón tay ngà
nhớ nhau ve vuốt tình xa. Mặn nồng
khuất dần như những nhánh sông
dòng xuôi, dòng ngược ngại ngùng tìm nhau

Dường như hương bưởi, hương cau
nửa khuya thơm nụ. Hôn đầu mong manh.

TRẦN HỒNG CHÂU

nghề làm vua của lệ hằng, bản cáo trạng nhắm vào kẻ cầm quyền, quá khứ cũng như hiện tại

Đây là tiếng nói, là những dòng chữ từ một không gian xa xôi. Đến với chúng ta từ Úc châu lẻ loi tận nơi góc biển chân trời. Cũng là tiếng nói quen biết vọng về sau một khoảng cách thời gian dằng dặng. Tiếng nói, khung trời, tình cảm thế giới chữ nghĩa của Lệ Hằng.

Trước 1975 chúng ta đã nói đến Lệ Hằng như một hiện tượng F. Sagan mới. Người nữ sinh viên trẻ trung của đại học Văn Khoa Sài Gòn thời đó viết tiểu thuyết như đi dạo phố, làm bếp hay ôn thi... Những trang giấy tươi mát trầm lắng hay sôi nổi đam mê, đầy suy tư và óng ánh màu sắc cứ đều đều tuôn ra như từ một nhà máy năng suất ở độ cao.

Chúng ta được biết trong những năm tháng bụi và rác, sau cuộc đổi dời đi xuống, Lệ Hằng cũng như nhiều nhà văn khác phải gác bút hay nếu may mắn không bị cấm hoạt động thì, bị kẹt trong gọng kìm của một thứ mỹ học hẹp hòi và giả tạo, họ đều phải vừa "viết" và "lách". Tác giả *Nghề Làm Vua* đã dùng khoảng thời gian nửa tỉnh nửa mê sau 75 để đọc và nghiền ngẫm về lịch sử và văn học Việt Nam xưa, được coi như điểm tựa, như nơi chốn ẩn náu lý tưởng nhất.

Nghề Làm Vua đã phôi thai từ những giây phút căng thẳng đó chăng? Nói những gì cần nói mà tưởng như không nói. Gói ghém niềm uất hận trong bài học lịch sử luôn luôn tái diễn, trong vàng son của lời văn và người đọc không ngừng phải bóc trần, như một lớp vỏ, mới tìm thấy hạt nhân bùi ngọt, đậm đà.

Trong *Nghề Làm Vua*, cuộn phim lịch sử đời Trần dàn trải trước mắt chúng ta những nét đặc thù nhất. Những võ công oanh liệt: ba lần đại thắng Nguyên Mông, mấy lần dẹp loạn Chiêm Thành ở

phương Nam. Sự hình thành của một tông phái Thiền đặc biệt Việt Nam với rừng trúc Yên Tử và những vương hầu từng can đảm trút bỏ gấm hoa để khoác áo vải nâu sồng quy ẩn. Cuối cùng, một thiên diễm tình với biển cả, Huyền Trân và Trần Khắc Chung, thơ mộng và gian nan, như phiên bản Nam phương của truyền kỳ Phạm Lãi - Tây Thi...

Đặc biệt là cái nhìn của Lệ Hằng mang nhiều suy tư bi phẫn về chính trị. Cái nhìn xuất phát từ lương tri người dân bình thường, đồng thời cũng là cái nhìn của nghệ sĩ, màu sắc và đầy lòng trắc ẩn. Suy nghĩ về chính trị trong cơ bản cũng là suy nghĩ về quyền bính. Chính trị được ý niệm trong nội dung kỹ thuật, ở mức độ thấp, bá đạo và dung tục, thường đồng nghĩa với quyền bính. Làm vua, làm chính trị là nắm lấy quyền bính. Phải dùng mọi phương tiện, mọi thủ đoạn để bảo vệ và củng cố vị trí ở đỉnh cao, để mãi mãi hưởng thụ những đặc ân bắt nguồn từ quyền bính. Và cuối cùng để chứng kiến, trong bất lực, run sợ và nuối tiếc, sự tan rã của quyền bính. Đúng như quy luật lịch sử và đạo hàm cấu trúc của mọi sinh vật, mọi hiện tượng: sinh thành, phát triển tới điểm cao nhất, rồi đổ dốc xuống điểm tận cùng, điểm chết.

Khởi đầu là "quốc phụ" Trần Thủ Độ. Con người xuất hiện trước thời những vương hầu Phục Hưng của N. Machiavelli, trước thời Curzio Malaparte phân tích *kỹ thuật đảo chính* lạnh lùng tỉ mỉ như một bộ máy hoàn chỉnh. Con người của nghị lực và thủ đoạn sắt máu. Như đa số những người sáng lập triều đại mới. Như Lê Hoàn, Triệu Khuông Dận hay Chu Nguyên Chương. Rồi đến những vị anh quân thừa hưởng cơ sở đã vững vàng, ổn định để mỗi ngày một củng cố thêm ngai vàng và đất nước như Trần Nhân Tông, Lê Thánh Tông, Hán Vũ Đế, Đường Huyền Tông... Rồi cuối cùng trên đà đi xuống: Trần Nghệ Tông, Lê Tương Dực, Tùy Dạng Đế... ở những triều đại khác nhau.

Khi đã nắm được quyền bính người ta dễ biến thành một con người khác. "Quyền bính làm xói mòn con người" (1). Người ta trở thành độc tôn, độc tài, không chấp nhận ý kiến đối lập và sẵn sàng thủ tiêu mọi đối kháng. Ngạo mạn, coi quần thần và nhân dân như cỏ rác. Khủng bố, tham nhũng, bóc lột người bị trị đến tận xương tủy. *Vua sinh ra để no nê và an hưởng. Một đời vinh hoa phú quý, nghề vua lời lãi vô hằng số.* Vì quả đúng có một nghề làm vua cũng

như có một nghề làm cách mạng lời lãi vô hằng số đối với một tầng lớp người của thời cuộc. Trong khi đó đại đa số nhân dân, nửa sống nửa chết, cắn răng rên siết ngoài đồng ruộng, trong rừng sâu, trên ruộng muối hay bãi cát ngoài khơi.

Thêm vào đó biết bao cảnh thâm cung bí sử. Vua quan hoang dâm vô độ. *Đêm lụa rơi hoa thơm đầy cung điện, da thơm mùi trầm, vua rơi, trong cơn sốt...* Tranh giành phe phái giữa các nhóm quần thần, phi hậu, như giữa Huệ Võ Vương và Văn Hiến Hầu. Rồi lại còn cảnh buôn vua bán chúa với những Lã Bất Vi Trần triều ở cuối đời Dụ Tông, những thiết triều náo nhiệt, uy nghi, bên cạnh nỗi đau xót quạnh hiu trong lãnh cung của những hoàng phi thất sủng.

Nét chính trong bản nhạc vừa hào hùng vừa bi thương của *Nghề Làm Vua* là lòng trắc ẩn thâm sâu của tác giả đối với những đau khổ triền miên của người dân thấp cổ bé họng. Vô vàn sưu thuế lao dịch để phục vụ chiến tranh, dù là chiến tranh chính nghĩa đi nữa. Vô vàn thân thể tàn phế dã lê lết trên những nẻo đường đất nước. Vô vàn vành khăn trắng đã xuất hiện. Những dải khăn sô của Nhã Ca. Những vòng trắng dưới gầm trời, màu tang tóc của Phạm Tiến Duật. Cảnh bà mẹ già la hét đòi trả lại đứa con trai đã vong mạng trong giấc mơ kinh hoàng của nhà vua là một điển hình. *Nhất đế công thành...*

Cảnh tượng xưa nà cũng là hôm nay. Cảnh tượng những năm Lệ Hằng còn bị mấc míu tại quê nhà. Như ta đã thấy, không nói trực tiếp được thì phải dùng ẩn dụ, ngụ ngôn, biểu tượng bóng gió. Một tấm màn thưa phủ lên sự thực phũ phàng. Lời phê phán kín đáo chua cay, bi hài, cái *ironie* của nhà văn vẫn là khí giới của người bị kẹt trong những hoàn cảnh nghiệt ngã, khi chưa nói được lời thẳng băng, trực diện của ngự sử đài. Chúng ta nghĩ đến hình thức ngụ ngôn của Nguyễn Huy Thiệp. Nhưng không phải cái trần trụi lạnh lùng và tàn nhẫn của *Tướng về hưu* mà là phong cách óng ả màu sắc của một nhà văn tinh tế và ý nhị.

Những ngờ vực, tra hỏi và "thiên mệnh", những ăn năn hối lỗi, những kinh hoàng mê thiếp, khi tỉnh dậy lúc tàn canh, thường trực theo dõi, ám ảnh kẻ nắm quyền bính và sinh mệnh của hàng triệu thần dân. Đã có nhiều cuộc đàm luận về chính trị, về lẽ phải trái, về chân ngụy trong cuộc tử sinh. Giữa công chúa An Tư và hoàng thúc Trần Ích Tắc tại Kim Lăng. Giữa An Tư và Trần Bình Trọng tại

Thiên Trường phủ, khi hai người đã mang tóc bạc như cước thời gian. Giữa vua cha và vua con cũng trên triền núi Yên Tử bất diệt, trên những bậc đá rêu phong, khi tiếng chuông chùa lặng rơi vào tịch mịch. Ngay những kẻ bàng quan nhất cũng cảm thấy cái phù du mây khói của quyền bính, cái cô đơn của thiên mệnh, cái ám ảnh không rời của tội lỗi, luôn luôn đi theo quyền bính như bóng với hình. Chuyến đi chơi, tình cờ lạc vào chợ âm dương của Anh Tông và Đoàn Như Hải vào lúc tranh sáng tranh tối của tâm hồn, lúc giao thoa giữa ý thức và vô thức. Cái *twilight* nằm giữa tỉnh và mê, giữa âm và dương, giữa sống và chết. Đây là giờ phút của sự thực, nỗi kinh hoàng lớn lao của kẻ cầm quyền.

Đấy là nói về những vị anh quân Trần triều mà sử sách còn ghi lại sự nghiệp oai hùng, vậy mà họ vẫn không thoát khỏi những giờ diện bích nóng bỏng vết cháy của lương tâm thì thử hỏi những vị hôn quân thối nát sẽ ở vị thế nào trong lòng những thế hệ tương lai!

Sinh mạng con người phải được đặt trên hết, tác giả luôn luôn nhấn mạnh điểm này. Trên mọi cứu cánh, mọi ý thức hệ. Trong thế giới của chính trị và quyền bính, thế giới của tranh bá đồ vương được mô tả trong *Nghề Làm Vua*, bánh xe lịch sử và cái *raison d'état* nghiệt ngã, tàn bạo nhất đã nghiền nát những cá nhân và những cuộc đời.

Đặc biệt là thân phận người đàn bà ở một thời mà *làm vua là trò chơi của đàn ông*. Tác giả với niềm cảm thông giới tính sẵn có, luôn luôn nhỏ lệ xuống những cánh hoa trôi tan tác bên dòng sông lịch sử. An Tư hội ngộ Thoát Hoan để dẹp ngọn lửa tham tàn phương Bắc, Huyền Trân ngàn dặm ra đi để xoa dịu nỗi hờn phương Nam... Tất cả chỉ còn là công cụ trong tay những người theo nghề làm vua, dù họ là ruột thịt thân thích. Nếu không là vật tế thần thì đa số chỉ còn là những hiu hắt, buồn tủi, những chết dần chết mòn trong cung cấm lạnh lẽo. Có thể nói tác phẩm Lệ Hằng mở ở nửa đầu với kinh nghiệm đau thương của một người đàn bà, An Tư, và khép với cuộc đời héo hon của một người đàn bà khác, Huyền Trân. Có thể nói lịch sử đời Trần ít nhiều đã được xây dựng trên số kiếp những người đàn bà đau khổ mà cũng là những người đàn bà tuyệt vời, như một số nhân vật nữ khác của Lệ Hằng.

Lạc Giao, người phi tần thất sủng, là hình bóng của Mai phi Đường triều, chỉ khác là nàng đã không ngại gặp Thánh Tông khi

thân hình tiều tụy chỉ còn là vang bóng những ngày vui xưa. Đó cũng là số phận Lệ Thánh, hoàng hậu của Minh Tông. Một đêm trong cơn thác loạn, vì bị ruồng bỏ và bức hại, nàng một mình đi lang thang trong cung vắng, tóc xõa, miệng lẩm nhẩm như người mất trí, gào thét đau thương và nguyền rủa vương quyền ác nghiệt... Đó cũng là những chứng tích nữa về đau đớn thay phận đàn bà!

Qua những bức tranh *Nghề Làm Vua* ta thấy cái xa hoa rực rỡ của lớp son bên ngoài đối chọi với màu sắc thê lương của tham nhũng, dâm bôn, của đói nghèo, sắt máu và tử biệt sinh ly, nếu nhìn từ phía quần chúng, từ phía những con người mà đa số đã bị tước đoạt hết cả quyền làm người. Đó cũng là bức tranh đen tối của hiện tại. Lịch sử luôn luôn tái diễn và đây là bản cáo trạng, là thông điệp tác giả gửi những người cầm quyền hôm nay. Là tín hiệu báo động của ngòi bút, của tư tưởng gửi tới lưỡi gươm thế quyền, phù du mà vẫn tưởng "muôn năm"! *Khi nhân dân ngoảnh mặt với nhà cầm quyền hậu quả sẽ không lường được. Sự quật cường của nhân dân giúp vua giữ nước nhưng cũng đạp đổ ngai vàng khi dân muốn*, Hưng Đạo Đại Vương đã từng sáng suốt tâm sự với Thượng Hoàng như vậy.

Một thông điệp nữa rất cần cho tất cả chúng ta đang âm thầm đi trong đêm dài Việt Nam. Ghi lại những trang sử oanh liệt thời kháng chiến chống Nguyên Mông và cuộc Nam tiến, đề cao ý thức chính trị khôn ngoan, nhìn xa trông rộng của tiền nhân, ý thức đưa đến hòa hoãn trong danh dự chung cho những lân bang không dễ hòa đồng... Có lẽ tác giả muốn chúng ta vững tin hơn: một dân tộc có lịch sử như vậy không thể chìm đắm mãi trong ly loạn và lầm than (2). Nhất định chúng ta phải vươn lên để xây dựng một Việt Nam hùng mạnh trong đó con người phải được tôn trọng và thoát khỏi mọi ràng buộc của ý thức hệ.

Đó là niềm tin của tác giả khi tạm rời lãnh vực tiểu thuyết tình cảm xã hội để đi vào quá khứ như một Nguyễn Triệu Luật, một Lan Khai thâm trầm hơn, có ý thức chính trị và cũng nhiều nghệ thuật tính hơn. Cũng trong chiều hướng tiểu thuyết lịch sử Lệ Hằng đã đem vào tác phẩm những hiện tượng gần như đặc biệt của đời Trần. Trước hết là sự hiện hữu song song của thần quyền và thế quyền. Trong thời thịnh trị thì đó là yếu tố tích cực để kiềm chế vương quyền. Đất nước, như Tây phương Thiên Chúa giáo thời Trung Cổ,

đã có lúc được khoác một tấm áo choàng đầy hoa thêu là những chùa chiền và trung tâm Thiền đạo. Nhưng khi triều đình suy vi, tôn giáo đồng hóa với nhà vua cũng nếm mùi quyền bính và, vì quyền bính làm xói mòn con người, cũng phải tàn tạ theo vương quyền. Cho nên, sang đời Hậu Lê, Nho gia mới có cơ lấn áp và dọn đường cho những Trương Hán Siêu, những Hàn Dũ Việt Nam không kém phần gay gắt!

Một yếu tố khác nữa là ở đời Trần, sự tiếp xúc với bên ngoài dưới hình thức binh đao hay hòa hoãn càng được mở rộng thêm với thời Tiền Lê và Lý. Nghĩa là mới chỉ có ở địa hạt chính trị, còn về kinh tế thì phải đợi tới thời Trịnh Nguyễn phân tranh. Những tiếp xúc không khỏi đem theo máu và nước mắt, làm tan vỡ nhiều cuộc đời, nhiều ước mơ.

Người ta ít nghĩ đến Lệ Hằng như một nhà viết tiểu thuyết lịch sử, nhưng tác giả đã khá thành công ở ngay những thử thách đầu tiên (3). Không quá tự do như A. Dumas, người chỉ sử dụng lịch sử như một cái đinh nhỏ hầu treo bộ áo tiểu thuyết của mình vào đó, nhưng Lệ Hằng cũng đã để trí tưởng tượng thật là thoải mái, do đó chúng ta có một số nhân vật và hoàn cảnh hư cấu, nhưng sống động và đầy kịch tính. Như cung phi, vũ nữ Đa La, người thay thế Huyền Trân trên dàn hỏa. Như cảnh hoàng hậu Lệ Thánh hóa điên không hề có trong sử sách.

Khả năng hư cấu và tái tạo là điều kiện tiên quyết đòi hỏi nơi tiểu thuyết gia. Về điểm này Lệ Hằng rất sung mãn, không nhường bước một ai. Quá khứ đã sống lại bằng thời gian và địa phương sắc. Trong ngôn từ (4), phục sức, hành động, khung cảnh. Và ta có cảm tưởng là tác giả - không hề là mọt sách đào sới tài liệu lịch sử - đã nắm bắt được hồn xưa, khí hậu xưa trong những khía cạnh đặc thù nhất.

Những cảnh đẹp và thành công về phương diện nghệ thuật xuất hiện khá nhiều trong tác phẩm. Trở lại thường xuyên như một điệp khúc là cảnh đàm đạo giữa những người cầm vận mệnh quốc gia ở Trúc Lâm Yên Tử, nơi ngọn linh sơn mà hơn một người trong chúng ta đã từng chiêm ngưỡng qua ánh mắt kỳ diệu của tuổi thơ. Từ lời nói, dáng điệu đến những trao đổi tâm tư thâm trầm và đầy màu sắc chính trị, tôn giáo. Lệ Hằng đã vượt lên khỏi tầm mức của giới tính

nếu người ta vẫn còn thành kiến, vẫn coi là nữ giới không sáng chói trong địa hạt những suy tư trừu tượng.

Nỗi đau khổ đè nặng lên số kiếp phụ nữ, nạn nhân chính của thời cuộc nhiễu nhương, được thể hiện rõ ràng trong những cảnh tâm sự giữa An Tư và Kim Cơ, giữa Huyền Trân lần lượt tới Đa La, Khâm Từ và Lệ Thánh, cảnh An Tư lạc lõng ở Kim Lăng, Lạc Giao chết mòn trong bóng tối âm u và Lệ Thánh "mộng du" giữa đêm trong những hành lang thâm cung đầy bí ẩn. Và ta phải công nhận là những vai nữ trong *Nghề Làm Vua*, từ một thị tỳ, một vũ công đến bậc mẫu nghi, tất cả đều là những nhân vật sống động, nhiều nữ tính nhất.

Con mắt nghệ sĩ của Lệ Hằng không chỉ bằng lòng với mô tả thực tiễn dù thực tiễn thi vị tới đâu đi nữa, ví dụ như cảnh Huyền Trân và Trần Khắc Chung trên biển cả mênh mông. Nhiều lần nó đi tới biên giới của siêu thực, mô tả những tình huống và tâm cảnh như chìm đắm trong mây khói của huyền hoặc và dị thường. Chúng ta đã thấy Anh Tông và Đoàn Như Hải trong chợ âm dương, trong thạch động kỳ bí. Chúng ta lại thấy đoạn cuối với sông Mê và đôi tình nhân, hóa thân của những người yêu đau khổ, đầy tình người và cùng hẹn kiếp sau sẽ như cây liền cành.

Nhưng ai cũng biết Lệ Hằng sở trường ở những truyện tình cảm đậm màu sắc dục, vừa táo bạo vừa thi vị mà cũng không kém phần sâu sắc về phân tích tâm lý. Cảnh vũ nữ Đa La *vưu vật tự viễn phương lai*, với thân hình gợi cảm và những đòi hỏi xác thịt nồng cháy từng làm mê hồn Anh Tông. Cảnh những ngày Huyền Trân chia sẻ long sàng với Chế Mân trong cung cấm Đồ Bàn. Cảnh Dụ Tông và vợ Dương Khương trong mê loạn cuồng say của vị hôn quân bất xứng với tiền triều...

Màn được khai thác nhiều nhất là cuộc gặp gỡ An Tư - Thoát Hoan, công chúa Nam phương với thái tử của sa mạc hoang vu. Đây là đất dụng võ của Lệ Hằng. Những chi tiết, cảm giác, ấn tượng sinh lý và tâm lý luôn luôn hòa hợp đan xen trên một hậu cảnh nhục cảm mơ hồ mà cũng hiện thực. Chỉ tiếc một điều là ở đây con trai Đại Hãn là kẻ thù dân tộc mà sao bức tranh "tình yêu" lại có thể mơ mộng, đồng tình như vậy (đã đành Lệ Hằng đã dùng thủ thuật lồng ảnh Lê Ngữ, người tình Nho sĩ của An Tư lên khuôn mặt gân guốc,

thoảng mùi lông ngựa trận và gió nắng thảo nguyên của Thoát Hoan).

Đáng lẽ ở đây, thay vì bản giao hưởng yêu mê, phải có một sức đẩy ly tâm, một chối bỏ, một dị ứng nào đó, dù là phải đóng kịch! Hình như Nguyễn Mạnh Côn đã có lần (trong *Kỳ Hoa Tử* thì phải) nói tới hiện tượng *repulsion* mang tính cách tâm sinh lý đặc biệt này, hiện tượng từng làm các y sĩ phụ khoa và tâm thần có lúc phải ngỡ ngàng! Ngược lại ta có thể nghĩ là tác giả đã dành hơi nhiều giấy mực cho cuộc gặp gỡ của kẻ xâm lăng với nàng công chúa phải hy sinh vì cái gọi là quyền lợi quốc gia (5).

Hiện tượng viết "bạo" về tình dục của một số nhà văn nữ, mà Lệ Hằng là một điển hình, có lẽ chỉ là một cách thế viết, một thái độ, hay cơn sốt của một giai đoạn. Hình như ở đây có một thứ bù trừ (compensation), một thứ hội chứng khiêu khích (bravado) nào đó của phụ nữ sống trong môi trường nhiều ràng buộc của xã hội Đông phương. Tiểu thuyết gia vẫn là thượng đế toàn năng, một người một ngựa trong vũ trụ mình tạo dựng chủ yếu bằng tưởng tượng, trong mạch đời được kể lại một cách hoàn toàn tự do. Vì thế những thế võ đạo đó, nếu có, cũng chỉ là những cái gì đáng yêu của một Hoàng Dung hay một Lưu Kim Đính, những "nữ tướng" hoang đại nhưng thật là hấp dẫn!

Đến một thời điểm thích hợp nào đó môi trường xã hội lại vội cướp lại những con người từng đi quá trớn trong thực tế hay tưởng tượng. Cho nên gặp bạn bè ở Los Angeles sau nhiều năm xa cách, Lệ Hằng trong tấm áo dài Việt Nam màu nước biển ngoài khơi, vẫn tâm sự với chúng tôi là mình *bản chất vẫn là old fashioned, vieux jeu đấy chứ!* (6). Tôi cũng chợt nhớ đến một số nhà văn nữ khác. Qua thời *Sturm und Drang* (tạm dịch là lôi vũ, là bão táp bản năng, có thể là thực mà cũng có thể là hư) của tuổi thanh xuân, cuối cùng họ cũng sống cảnh "cây im sông lặng" của những người mẹ và vợ, những người "trong cánh cửa", rất khuôn mẫu của văn chương cổ điển.

Tôi nghĩ là những cảnh như kể trên, những scènes đẹp, có khá nhiều trong *Nghề Làm Vua*. Cảnh hào hùng bi tráng, cảnh yêu đương say đắm, cảnh huyền hoặc u linh với hậu trường là Yên Tử Sơn hùng vĩ phảng phất mùi thiền, với biển Đông chứng tích nỗi truân chuyên của Huyền Trân trên bãi cát, với vàng son cung điện

Trần triều, Chiêm vương hay Nguyên chúa, với hang động kỳ bí và ánh sáng mờ ảo của chợ âm dương, với sông Mê, miếu mạo và những người đánh cá như đi trong mơ. Tôi nghĩ là những scènes rất nổi như vậy có thể gây cảm hứng cho một đạo diễn kịch ảnh. Truyện phim phỏng theo tiểu thuyết khá đơn giản. Phân đoạn cũng vậy, còn "cảnh" thì như đã nói, có nhiều màu sắc nên thơ, dù là ảm đạm hay trong sáng, nhiều nhân vật lịch sử ở tiền diện (gros plan) với những đối thoại thâm trầm và đầy kịch tính.

Qua *Nghề Làm Vua* Lệ Hằng đã đến với chúng ta lóng lánh nhiều sắc diện. Những suy tư không phải sâu sắc về chính trị, tôn giáo, xã hội... Ai bảo là phụ nữ thiếu cái thâm hậu về tư tưởng của phái nam? Những màu sắc địa phương và thời đại - nền móng của lịch sử - đã sống lại một cách mạnh mẽ, khả tín, mặc dầu tác giả không quên cái tự do vô biên trong sáng tạo. Những cảnh màu sắc tràn đầy thi vị và nét sắc dục vẫn là định nghĩa của nhiều tác phẩm Lệ Hằng trước 1975. Những nhân vật sống động, giữ đúng vị trí dù là ở thế giới hành động và độc tôn của đàn ông, dù ở nơi cái diễm lệ bi thương và nhẫn nhục của đàn bà...

Tâm hồn rộng mở, cảm xúc bi phẫn, lòng trắc ẩn của tác giả thấm dần từng trang giấy, từng dòng chữ. Lời văn nhẹ nhàng, màu sắc bàng bạc hơi thơ (7) trải rộng như một màn sương gói trọn một nội dung có trọng lượng.

Và cuối cùng, như đã nói, còn lại bài học lịch sử và phong cách ngụ ngôn, biểu tượng. Còn lại là những thông điệp, ẩn tàng mà cũng sáng tỏ.

Thông điệp cho người thống trị dương thời, như một lời cảnh cáo. *Cống Sinh phẫn uất khi thấy dân phu khổ nhọc vất vả bèn làm sớ kêu vang với Hồ rằng thành vua bệ rồng tôn quý bao nhiêu cũng phải nghĩ tới thân phận con người, chính lòng người mới là thành trì kiên cố và bền vững nhất để gìn giữ ngôi báu cho vua.*

Thông điệp cho người bị trị. Cho anh em, bè bạn, con cháu chúng ta. *Đất và nước, biển, trời, tổ tiên, nòi giống là đây!* Đất nước là của toàn dân. Không ai được độc quyền yêu nước, được coi mình là hiện thân của chân lý. *Quê hương ta đâu mãi thế này!* Rồi thì Việt Nam qua cơn gió bụi nhất định cũng sẽ hồi phục. Vì một dân tộc đã có quá khứ huy hoàng, đã bảo vệ được cuộc sinh tồn lịch sử, tất không thể không tìm thấy ánh sáng ở cuối đường hầm!

Chắc hẳn chúng ta phải đọc *Nghề Làm Vua* theo ý hướng những lời nhấn nhủ đó.

Trần Hồng Châu

---

(1) Le pouvoir use l'homme, nhận xét cổ điển của chính trị học.

(2) Lệ Hằng đã chia sẻ tâm tư với bạn bè về niềm tin sắt đá này khi giới thiệu tác phẩm.

(3) Cho nên ta thấy có lẽ người viết cũng chẳng cần đặt một đoạn sử ngắn ở mỗi đầu chương: "Lịch sử Việt Nam kể rằng...". Làm như vậy e người đọc có cảm tưởng sai lầm là tác giả chỉ quảng diễn sử liệu đã dẫn thôi. Đó là chưa kể cái "mùi" kinh viện, bác học rất có thể tràn vào một sản phẩm thuần túy nghệ thuật.

(4) Trừ một nốt nhạc lạc điệu lúc Huyền Trân nũng nịu với bạn đồng học Trần Khắc Chung bằng ngôn ngữ con gái Sài Gòn thế kỷ 20.

(5) Nhưng đây cũng vẫn là một trong những bức tranh đẹp nhất của tác phẩm.

(6) Trong buổi họp văn nghệ đó còn có nhà thơ Huyền Không, nhà văn Mai Thảo và nữ tài tử điện ảnh Kiều Chinh. Ngoài cái ngạc nhiên thích thú là thấy Lệ Hằng viết về lịch sử và vẫn old fashioned như thường lệ, tôi còn có cái ngạc nhiên cũng thích thú nữa, là thấy Kiều Chinh nói về Nghề Làm Vua bằng những lời rất "văn" và ý nhị, như sau này tôi lại có dịp gặp những nét đẹp đó trong một bài viết khác của Kiều Chinh.

(7) Văn xuôi lệ Hằng, trong những màn đặc biệt, đã làm thơ nên chúng ta có thể không đồng ý để những đoạn "thơ" ba chữ, năm chữ lẫn lộn với tản văn. Chúng hơi lạc chỗ và thường làm mất tính cách thống nhất của đoạn văn (xem những trang 74, 80, 83, 90, 91, 101, 102 v.v...)

HOÀNG XUÂN SƠN

tỏ tình

Đã nghe trăng hú lần nào
một đêm nằm gối trời sao ngập hồn
ô
thân nhỏ bé như còn
mà chân sương lạc về non cao đầy
em như phiền muộn đông tây
mới nghe hôn nụ đã ngày phất phơ
đã nghe mưa hát bao giờ?
mưa thâm kim chín mưa mưa
tỏ tình

GHI NHẬN ĐÓ ĐÂY

Cái tang lớn của hội họa Việt Nam

Tháng vừa qua, người phụ trách mục Ghi Nhận Đó Đây bận việc không gửi bài kịp, nên Văn Học chưa loan tin Họa sĩ Nguyễn Gia Trí đã từ trần tại Sài gòn lúc 10 giờ 30 đêm 20-6-1993, hưởng thọ 85 tuổi. Vì tuổi tác cao, từ ba năm nay họa sĩ đã không còn vẽ được nữa, tay bị run, và phải thường xuyên đi bệnh viện để trị những chứng bệnh do lão suy. Như vậy là thế hệ đầu tiên của các họa sĩ lão thành đào tạo từ trường Mỹ Thuật Đông Dương chỉ còn lại vài người.

Theo họa sĩ Đinh Cường thì Nguyễn Gia Trí học khóa 5 trường Mỹ Thuật Đông Dương, nhưng nghỉ nửa chừng, sau trở lại học khóa 7 cùng với Trần Văn Cẩn, Lưu Văn Sìn... Trong các họa sĩ tiên phong thuộc thế hệ này, Trần Văn Cẩn, Nguyễn Phan Chánh, Tô Ngọc Vân, Nguyễn Tiến Chung ở lại Hà Nội thời phân chia đất nước 1954; Lê Phổ, Mai Trung Thứ, Vũ Cao Đàm, Lê Thị Lựu sang lập nghiệp tại Âu châu từ trước thế chiến thứ hai; ở miền Nam chỉ có Lê Văn Đệ và Nguyễn Gia Trí. Đóng góp to tát của Nguyễn Gia Trí cho hội họa Việt Nam là ông đã đưa tranh sơn mài từ những tiểu phẩm trang trí trở thành những tuyệt phẩm hội họa đầy sức sống và đậm tính cách dân tộc.

Họa sĩ Đinh Cường viết: "Nguyễn Gia Trí, con người với vóc dáng nhỏ nhắn, đầy nghị lực và cá tính, với năng lực sáng tạo dồi dào, là một trong những họa sĩ đã từ bỏ sơn dầu, để định hình cho mình một bút pháp và phong cách riêng trong nghệ thuật sơn mài. Là người cùng hoạt động trong nhóm Tự Lực Văn Đoàn cùng với Nhất Linh, Hoàng Đạo, lại là nhà hoạt động cách mạng Việt Nam Quốc Dân Đảng, từng bị Tây bắt đi an trí trên những miền thượng du Bắc Việt, Nguyễn Gia Trí cũng đã từng lưu lạc qua Hồng Kông, đã vẽ nhiều phong cảnh bến tàu Hồng Kông bằng sơn dầu rất đạt. Thời kỳ trước 1954 ông đã sáng tác nhiều tranh sơn mài cỡ nhỏ với

những đề tài về Hà Nội, thiếu nữ và sen. Tranh của ông được nhiều người Pháp sưu tập thời đó, kể cả nhiều tranh gần như chưa vẽ xong, hoặc những phác thảo có ký tên. Thời kỳ sau 1954 ở miền Nam cho đến 1975, nhiều tranh quí của ông được nhiều người và cơ sở sưu tập. Bộ tranh sưu tập của bác sĩ Bùi Kiến Tín treo tại hãng dầu cũ là Mac-Shu ở đường Trương Minh Giảng là một trong những bộ tranh quí. Ba bức tranh sơn mài lớn hiện còn treo tại Thư Viện Quốc Gia Sài Gòn là ba kiểu mẫu của ba thời kỳ ở mức độ khác nhau mà ông muốn để lại cho thế hệ sau chiêm ngưỡng, nghiên cứu". Hiện nay, tranh của Nguyễn Gia Trí được xem là bảo vật văn hóa của quốc gia và bị cấm đem ra nước ngoài.

Triển lãm thư họa của họa sĩ Vũ Hối

Một buổi sinh hoạt văn học nghệ thuật đa dạng vừa được tổ chức tại Hoa Thịnh Đốn ngày 17-7-93 vừa qua, giới thiệu bộ sách "Kinh Việt" của Nam Thiên ở Úc, thư họa và bộ sưu tập "Paintings in Motion" của họa sĩ Vũ Hối và trình diễn thơ, nhạc, dân ca của Trần Lãng Minh, Nga Mi, bác sĩ Hoàng Thiện Căn, Thanh Hà... Số quan khách tham dự buổi sinh hoạt gồm cả người Việt lẫn người Mỹ.

Văn Học chưa có bộ Kinh Việt, nên không biết "Sứ điệp Hạnh phúc của Văn hóa Việt" là sứ điệp gì, riêng tài thư họa của họa sĩ Vũ Hối thì nhiều bạn hữu trong giới văn nghệ đã biết qua. Theo phóng viên Trần Hoài Hương của tờ The Little Saigon News, W.D.C. thì "Khi xem tới những bức thư họa của Vũ Hối, ai cũng phải công nhận là quá đẹp, nhất là những bức họa màu, chúng tôi gọi là những bức tranh thơ, ý thơ hòa trong sắc màu của hội họa bằng ngọn bút lông điêu luyện, hư thực, huyền ảo với nét đậm, nét lợt, những nét chấm phá, dấu "ă" như những vầng trăng lơ lửng hay dấu "sắc" như những chiếc lá trúc, nét vòng sắc bén như lưỡi kiếm, những đường cong chữ "G" như hình chữ S quê mình, những nét nhỏ mơ hồ như tóc tơ, những nét dài cuối nét như giọt lệ, giọt sương long lanh buổi ban mai. Những dấu chấm bay bướm như những cánh chim lờ lững giữa trời tạo cho chúng ta một sự xao xuyến, bàng bạc giữa ý thơ và nét họa đồng điệu". Họa sĩ Vũ Hối vừa đến Hoa Kỳ chưa được một năm đã hăng say vẽ và tổ chức được cuộc triển lãm thành công này. Xin chia mừng với anh Vũ Hối!

Vui buồn ở California

Tiểu bang California, nơi tập trung người Việt đông đảo nhất tại hải ngoại, đương nhiên cũng trở thành trung tâm của các sinh hoạt văn nghệ của cộng đồng người Việt sống xa đất nước. Mùa hè là mùa của những thăm viếng gặp gỡ giữa giới cầm bút California và văn hữu phương xa về thăm California nắng ấm. Khách từ Đức qua có Ngô Nguyên Dũng. Từ Canada xuống có Nguyễn Đức Bạt Ngàn. Từ Miền Đông Hoa Kỳ có Vi Khuê, Chử Bá Anh, Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Nguyễn Văn Khanh. Từ Tây Bắc về có Trần Mộng Tú. Nhà thơ khác, thân hữu lâu năm của Văn Học là Trần Thị Lai Hồng thì rời hẳn miền Tây Bắc xuống định cư tại Nam California. Khách phương xa mang tới những tin tức của các bạn địa phương, tận mắt chứng kiến sinh hoạt của các tòa soạn tạp chí, để rồi sau đó trở về tiếp tục viết với một nhãn quan mới, bớt đi một chút lãng mạn và thêm lên một chút thực tiễn. Thực tiễn về tình trạng xuất bản khó khăn. Thực tiễn về sinh hoạt quá sức đơn sơ và eo hẹp tài chánh của các tạp chí mà ở xa, cứ tưởng là những cơ quan ngôn luận có tòa soạn khang trang, có bộ biên tập thường trực, có chủ nhiệm chủ bút tổng thư ký tòa soạn ngồi bảnh chọe trên ghế bành! Nhưng đấy mới chính là sinh hoạt văn nghệ. Quan tâm làm gì những hình thức không cần thiết! Như đối với một người cầm bút, chỉ cần một xấp giấy, một cây bút, một tấm lòng.

Mùa hè ở California trong văn giới cũng có một số chuyện vui buồn. Tin buồn nhất là thân phụ của anh Thượng Văn, chủ nhiệm tạp chí Nhân Văn qua đời tại San Jose. Văn Học và tất cả văn hữu cộng tác với Văn Học xin chia buồn cùng anh Thượng Văn và anh em biên tập nòng cốt của Nhân Văn.

Tin vui mùa hè ở California cũng nhiều, lạ một điều là tin vui hầu hết liên quan tới các nhà văn nữ. Vũ Quỳnh Như (bút hiện Vũ Quỳnh N.H.), nhà văn nữ Văn Học có giới thiệu và phỏng vấn trong năm qua trên số 76, vừa lên xe hoa. Đám cưới tổ chức tại San Jose, có nhiều văn hữu các nơi về tham dự. Nhà thơ Minh Đức Hoài Trinh hai lần ra mắt tập thơ tâm huyết sưu tập những bài thơ đắc ý, một lần tại tư gia và một lần tại quán Ngự Bình. Một nhà văn nữ khác, Nguyễn Thị Ngọc Lan, ra mắt tập truyện đầu tay "Một chút hạnh phúc nhỏ". So với các nơi khác, Little Sàigòn thủ đô của người Việt tị nạn không tổ chức được những buổi ra mắt sách qui mô có đông

đảo người tham dự, vì cuối mỗi tuần luôn luôn có nhiều cuộc hội họp, số người tham dự do đó bị phân tán mỏng. Ra mắt sách mà không kèm theo ca nhạc, khiêu vũ, thì chắc chắn số người tham dự không lên cao. Mà văn chương phải núp sau ca nhạc để sống còn thì thảm quá. Quanh đi quẩn lại vẫn bấy nhiêu khuôn mặt, bấy nhiêu lời phát biểu vành ngoài, bấy nhiêu lời khen tặng vô thưởng vô phạt ít liên quan tới tác phẩm văn chương. Rất ít bạn đọc lớp trẻ. Có nên xét lại thói quen ra mắt sách hay không? Có nên đưa những buổi ra mắt sách về các phòng khách thân hữu, để tránh cảnh "kính thưa quí vị...", để tác giả được nghe những lời khen chê chân thành hơn, thân ái hơn?

Phòng sinh hoạt Thế kỷ 21

Tại Little Sàigòn, Phòng sinh hoạt Thế kỷ 21, trụ sở của Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA) đã trở thành nơi thường xuyên tổ chức những sinh hoạt văn hóa của người Việt Nam California. Triển lãm hội họa, nhiếp ảnh, trình diễn âm nhạc, diễn thuyết, hội thảo... thường thường không có ca nhạc giúp vui và khiêu vũ. Thông thường số người tham dự sinh hoạt ở đây không đông lắm, nhưng thành phần khá chọn lọc, và lớn tuổi.

Trong tháng 7, có hai buổi sinh hoạt tổ chức tại Phòng sinh hoạt Thế kỷ 21 liên quan tới văn chương.

Một buổi tổ chức hôm 10-7-93, chủ đề là "Hội luận về hoàn cảnh và tâm tình giới cầm bút tại hải ngoại", nghĩa là cùng chủ đề cuộc hội luận tại San Jose tháng trước. Rút kinh nghiệm ở San Jose, ban tổ chức không muốn để cho các nhóm chính trị lợi dụng diễn đàn thanh toán chuyện hiềm khích riêng tư, nên giới hạn đề tài thảo luận vào hai chủ đề: tình trạng viết lách tại hải ngoại qua nhận xét của các nhà văn mới đến Mỹ trong chương trình H.O., và đối thoại tìm hiểu nhau giữa người đọc và người viết. Chủ đề đầu có các nhà văn Huy Trâm, Đinh Phụng Tiến và Phạm Xuân Đài trình bày, và do Nguyễn Mộng Giác điều hợp. Những nhà văn mới đến bằng cái nhìn vô tư có đưa ra nhiều nhận xét lý thú. Nhưng cũng phải ghi nhận là không khí chính trị lấn áp mọi sinh hoạt cộng đồng cũng khiến cho một số nhà văn H.O. khác tránh phát biểu công khai những điều mình nghĩ, như trường hợp các nhà văn Thảo Trường, Duy Lam, Nguyễn Sỹ Tế. Sang chủ đề thứ hai, nhiều độc giả trẻ đặt nhiều câu hỏi cho các nhà văn, như vấn đề viết và lách, như chủ đề

sáng tác có còn hợp thời trước biến chuyển chung của thế giới. Và một lần nữa, các nhà văn hiện diện cũng tránh trả lời.

Buổi sinh hoạt thứ hai tổ chức chiều hôm sau, là buổi tưởng niệm thi sĩ Quách Tấn, do Hội Tây sơn Bình Định, Hội Văn Bút Tây Nam Hoa Kỳ và Hội VAALA phối hợp tổ chức. Buổi tưởng niệm qui tụ đa số đồng hương của Quách Tấn, có không khí thành kính, nghiêm trang, thiêng liêng, như những bài thơ Đường của cố thi sĩ.

Văn học nghệ thuật và chính trị

Cũng tại Phòng Sinh hoạt Thế kỷ 21, trước đó hai tuần xảy ra chuyện rắc rối chung quanh cuộc triển lãm tranh của họa sĩ Lâm Triết, nguyên do chính chưa rõ là gì nhưng cái cớ các bên đưa ra để tranh chấp là chính trị. Từ ba năm nay, Lâm Triết về Sài Gòn lập gia đình, vẽ tranh, triển lãm, và trong những lần về lại Mỹ có mang các tranh vẽ tại Việt Nam về triển lãm ở đây. Lần trước, triển lãm tại một phòng tranh tư nhân, không có gì xảy ra. Lần này, triển lãm ở Phòng sinh hoạt Thế kỷ 21, ngay trung tâm khu Bolsa, liền có phản ứng. Nhiều người lên tiếng phản đối Hội VAALA đã để cho Lâm Triết triển lãm tranh, vì họa sĩ đã sống và vẽ ở Việt Nam, đã được các hội mỹ thuật của chính quyền Việt Nam bảo trợ triển lãm tranh ở Sài Gòn, đã phát biểu công khai là về quê hương mới có hứng để vẽ trở lại... Hội VAALA chịu nhiều áp lực nên cuối cùng hủy chương trình triển lãm tranh Lâm Triết. Lập tức có người phản đối quyết định của VAALA, cho rằng một hội văn hóa như VAALA không nên để cho các áp lực chính trị xen vào, tranh vẽ nếu có giá trị thì ở đâu cũng có giá trị, bất luận vẽ ở đâu, bày ở đâu. Tạp chí Hợp Lưu đăng bài chỉ trích các họa sĩ liên can tới việc ngăn trở Lâm Triết triển lãm, và thế nào các họa sĩ bị chỉ trích cũng lên tiếng.

Đến lúc nào người ta mới hoàn toàn thảnh thơi hát tình ca và ngắm tranh tĩnh vật? Chắc còn lâu, lâu lắm. Vì lúc nào người ta cũng đòi gắn ngòi nổ dưới các câu chữ và màu sắc, nốt nhạc. Mỗi văn nghệ sĩ phải là một chiến sĩ. Câu đó nghe đã nhàm tai, mà vẫn cứ phải nghe hoài. "Biết rồi. Khổ lắm. Nói mãi". Xin minh xác: câu nói trong ngoặc kép là của Vũ Trọng Phụng, trong Số Đỏ.

TÒA SOẠN VÀ BẠN ĐỌC

Thư từ nhận được liên quan tới việc mua báo, gia hạn, đổi địa chỉ: Keilor City Library Australia, Library Menzies Camberra Australia, Thuy Nga Munson Sunnyvale CA, Nguyễn Đình Cường Cerritos CA, Trần Đức Hoan Westminster CA, Nguyễn Đ. Mai San Jose CA, Thái Hóa Lộc Arlington TX, Lê Quốc Vy Ontario Canada, Anh N. Ho U.S.N.S. Guadalupe. Lu Thanh Đat Greenfield Australia,

Bài vở nhận được trong tháng 7-1993:

Mê hoa, Đúng ngọ, Chiều mây, Chi lạ quá gửi từ Arabia Sea; Thiền sư, Người tình người tù gửi từ Netherlands; Giấc ngủ của mặt trời gửi từ Paris France; Mùa hạ này gửi từ Springfield VA; Bản tin của Indochinese Resettlement & Cultural Center San Jose; Trong cuộc tình ân hận, Dây kỷ niệm, Ngày vui bay đi gửi từ Santa Ana CA; Dam Square, Brussel, Rotterdam, Champagne-Troyes, Paris-Pigalle gửi từ Montréal Canada; Thư cho đồng nghiệp gửi từ Québec Canada, Vầng vặc trăng rằm gửi từ Seattle WA; Bên kia sông gửi từ Tustin CA; Lá thư văn hóa số 92/6-27 gửi từ Saratoga CA; Góp ý về hai chữ "là đá", Cuộc gặp gỡ không lời, Điểm sách "Phép giảng tám ngày" gửi từ Paris France, Những triệu chứng tâm thần nặng trong thi ca Việt Nam gửi từ Florida.

Xin cảm tạ sự cộng tác quí giá của các bạn. Ngoài thơ Văn Học sẽ lựa đăng dần, các bài khác nếu đăng được Tòa soạn sẽ liên lạc bằng thư hoặc điện thoại để quí bạn khỏi gửi đăng trùng ở các tạp chí khác. Mong nhận đều bài vở đóng góp của các bạn.

Sách mới nhận được trong tháng:

* *Một chút hạnh phúc nhỏ*, tập truyện ngắn đầu tay của Nguyễn Thị Ngọc Lan, gồm 14 truyện ngắn từng đăng rải rác trên các tạp chí văn chương như Văn, Văn Học, Làng Văn, Tân Văn. Bìa của họa sĩ Hồ Thành Đức, phụ bản của Nguyễn Thị Ngọc Lan. Sách dày 224 trang, giá 12 Mỹ kim. Nguyễn Thị Ngọc Lan là nhà văn nữ năm năm trước đây đã viết được những truyện ngắn độc đáo về tâm trạng lớp trẻ sau ngày 30-4-75 và ngay những truyện đầu tay đã tạo sự chú ý của giới viết lách cũng như bạn đọc. Bẵng đi một thời gian ngưng viết, nay Nguyễn Thị Ngọc Lan ra sách, tổ chức họp mặt ra mắt sách ở quán Tao Nhân hôm 8-8-93. Hy vọng đây là khởi đầu

một giai đoạn sáng tác mới trong đời cầm bút của Ngọc Lan. Sách hiện có bán tại các nhà sách. Bạn đọc ở xa liên lạc về:

Nguyễn Hương Thi, 14871 Jackson #2 Midway City, CA 92655

* *Thơ Minh Đức Hoài Trinh*, Nguyễn Quang xuất bản, tuyển tập gồm 43 bài thơ và ba kịch thơ Minh Đức Hoài Trinh sáng tác từ lúc bắt đầu viết tới nay. Tác giả tâm sự trong "Thay lời tựa": "Tự xét đã gần mãn một kiếp người mà chưa có gì đáng gửi lại, hôm nay xin cho tập thơ này được ra với đời. Nó chỉ là những mẩu vui buồn ưu tư từ thuở nào... góp nhặt". Tác giả khiêm nhượng cho tập thơ chỉ là những góp nhặt vui buồn rải rác trong đời mình. Nhưng vì Minh Đức Hoài Trinh là một nhà văn nữ đi nhiều, kiến thức rộng, hoạt động xông xáo trong nhiều lãnh vực báo chí, văn hóa, xã hội, âm nhạc, chính trị... nên những bài thơ của Minh Đức Hoài Trinh phản ảnh chẳng những cuộc đời và tài năng của tác giả, mà còn phản ảnh lịch sử của dân tộc. Cũng nhờ tuyển tập thơ này mà bạn đọc mới nhớ rất nhiều bài ca được yêu thích đã phổ nhạc từ thơ Minh Đức Hoài Trinh. Giá mỗi tập 12 Mỹ kim. Xin liên lạc về địa chỉ: Nhà xuất bản Nguyễn Quang, 8917 S. Sepulveda Blvd. Los Angeles CA 90045. Phone (310) 417-8169.

* *Nước tôi và Dân tôi*, bản dịch ra Việt ngữ từ nguyên tác My Land and My People của Đức Đạt Lai Lạt Ma, Văn Nghệ xuất bản, Hồng Hà dịch. Sau cuốn "Tự do trong Lưu đày" tự truyện của Đức Đạt Lai Lạt Ma do Văn Nghệ ấn hành được bạn đọc đón nhận hết sức nồng nhiệt, một lần nữa tập tự truyện đơn giản, chân thành mà sâu sắc này sẽ giúp cho bạn đọc hiểu rõ cuộc đời và tâm tình của một vị chân tu, đồng thời biết thêm những suy nghĩ của Đức Lạt Ma về mối liên hệ giữa dân tộc và đạo pháp. Sách dày 276 trang, có thêm các hình phụ bản về thắng cảnh và đời sống của dân Tây Tạng. Giá mỗi cuốn 13 Mỹ kim. Địa chỉ liên lạc: Nhà xuất bản Văn Nghệ P.O. Box 2301 Westminster CA 92683 USA. Phone (714) 527-5761.

* *Đoàn Viết Hoạt và Nhóm Diễn Đàn Tự Do*, Trăm Hoa xuất bản, tuyển tập tài liệu và nhận định về các hoạt động của Đoàn Viết Hoạt và tờ Diễn Đàn Tự Do. Sách được biên soạn khá công phu, gồm ba phần: phần 1 là Lập trường, nội dung của nhóm Diễn Đàn Tự Do, phần 2 là Diễn biến, phản ứng về vụ án Diễn Đàn Tự Do, phần 3 là phần Anh ngữ dịch lại cho độc giả Mỹ hiểu những bài

quan trọng trong hai phần trước. Đây là một đóng góp quan trọng của nhóm Trăm Hoa cho cuộc đấu tranh cho Tự do Dân chủ ở Việt Nam. Sách in đẹp, dày 240 trang, giá 10 Mỹ kim. Địa chỉ liên lạc: Trăm Hoa P.O. Box 4692, Garden Grove, CA 92642, USA.

* *Tuyển tập Nguyễn Kiến Giang*, Trăm Hoa xuất bản, gồm "Việt Nam, Khủng hoảng và Lối ra" và một số tiểu luận khác viết từ 1988 đến 1992. Nguyễn Kiến Giang là một trí thức được đào tạo trong chế độ cộng sản, và trong quá trình học tập cũng như hoạt động, ông dần dần nhận ra những trục trặc của chủ nghĩa, và trải qua một cuộc "tự lột xác đớn đau". Nguyễn Kiến Giang nhìn từ góc độ một đảng viên cộng sản nhận định về tình hình đất nước và đề nghị một lối thoát. Những nhận định của ông gần gũi với nhận định của nhiều người, nhưng lối thoát ông đưa ra còn có nhiều điểm cần bàn cãi, tranh luận. Dù sao, đây cũng là một cuốn sách cần đọc, để biết tâm tình của giới trí thức dám suy nghĩ lương thiện và can đảm phổ biến suy nghĩ của mình dưới chế độ cộng sản. Sách dày 210 trang, giá 10 Mỹ kim.

THƯ GỬI VĂN HỮU VÀ BẠN ĐỌC

Anh Cao Xuân Tứ, Netherlands: Đã nhận được hai bài thơ của anh, và đăng ngay trên số này. Xa xôi quá không biết chỗ anh ở như thế nào, chỉ đoán mò qua các truyện ngắn của Ngô Nguyên Dũng. Dũng đi California về kể chuyện anh em bên này, hy vọng câu chuyện thúc anh Mỹ du một chuyến.

Anh Lê Tấn Lộc, Québec Canada: Đáng lý viết thư riêng cho anh, nhưng sợ anh trông nên nhắn vài dòng ở đây. Dĩ nhiên đọc ngay lá thư dài anh gửi cho đồng nghiệp, và chia sẻ những vui buồn của anh. Rất đồng ý với anh về chuyện viết lách: "Đâu có gì quan trọng! Cho vui vậy mà!" Những người hợm hĩnh cho lời mình viết ra làm rúng động khắp cõi Thiên hà nên đọc lại Nguyễn Du, Cao Bá Quát. Các bậc thiên tài ấy không hề dao to búa lớn. Họ chỉ thì thầm tâm sự.

Chị H.P.L., Canada: Xin chị thông cảm cho hoàn cảnh khó khăn của những người phụ trách chọn bài ở các tòa soạn tạp chí văn chương. Văn Học không có "tôn chỉ" nào ghê gớm như chị nghĩ, không đưa ra khẩu hiệu nào ngoài dòng chữ đơn giản như chị đã thấy trên bìa báo: "Tạp chí sáng tác nhận định văn nghệ". Nếu chị có thì giờ đọc lại 88 số Văn Học, chắc sẽ thấy những tác giả, những

thơ truyện giới thiệu trên Văn Học rất nhiều khuynh hướng, cá tính, bút pháp, không ai giống ai. Văn Học chỉ mong được là nơi xuất phát của những nhà văn nhà thơ tài năng, và trong tám năm qua, đã có nhiều cây bút mới khởi dầu cuộc đời sáng tác, khởi đầu vui buồn vinh nhục từ Văn Học. Tòa soạn tự hiểu là cách lựa chọn bài vở của mình hoàn toàn chủ quan, và chắc chắn đã bỏ qua nhiều cơ hội gặp gỡ giới thiệu những tài năng mới. Nhưng làm sao được. Giải thích vì sao đăng hay không đăng một sáng tác phẩm là chuyện khó khăn, gây nhiều ngộ nhận nhiều hơn là cảm thông, trừ trường hợp quá thân tình. Mong chị không vì một truyện đầu tiên không đăng trên Văn Học mà giận oan tờ báo. Hy vọng đăng được sáng tác sau của chị.

Cổ Ngư, Paris: Đã nhận được "Giấc ngủ của mặt trời" và sẽ đăng trên các số sau. Sở dĩ thêm chữ "các" vì số tới dành cho chủ đề "Quách Tấn", nên lượng thơ truyện ngoài chủ đề bị hạn chế. Cảm ơn Cổ Ngư đã cho thấy "dung nhan". Trẻ trung lắm, tuổi trẻ đầy tràn trong ánh mắt. Nhân truyện ngắn Cổ Ngư mới gửi, có một gợi ý: Tại sao Cổ Ngư không khai thác tâm tình của giới trẻ, sau 30-4-75 còn học ở các trường trung học hoặc bước vào đại học. Thế hệ đó có nhiều tâm tư đặc biệt lắm mà rất ít người cầm bút trẻ đề cập tới. Mong nhận đều đặn các sáng tác mới của Cổ Ngư.

Dương Như Nguyện, Houston: T.Y.T. đã sửa lại địa chỉ mới của Dương Như Nguyện trong danh sách văn hữu, số báo này sẽ về địa chỉ mới. Cái truyện D.N.N. nhờ tìm không thấy trong những số hai năm 1993 và 1992. Rất thích cái truyện đăng trên Thế Kỷ 21, và T.Y.T. sẽ liên lạc với D.N.N. để thực hiện bài phỏng vấn. Mong nhận được các truyện mới.

Chị Nguyễn Thị Chân Quỳnh, Paris: Thư chị gửi về địa chỉ cũ của tôi, thất lạc nay mới tới. Xin lỗi chị về các lỗi đánh máy. Sẵn dây xin phép chị được đính chính để xin bạn đọc sửa lại giùm: Trong bài "Dame Ivy Comptom Burnett (1884-1946), một đóa kỳ hoa của làng văn Anh quốc", Tòa soạn đã đánh máy sai một số chi tiết rất quan trọng, kính xin bạn dọc sửa lại giùm:

a) Tên nhà văn Anh là Ivy Compton-Burnett chứ không phải Ivy Comptom Burnett.

b) Năm mất của nữ sĩ là 1969 chứ không phải là 1946.

Trân trọng xin lỗi chị Chân Quỳnh và quí bạn đọc.

THANH G. PHUNG, M.D.

Diplomate American Board of Radiology

X-RAY . CAT SCAN . ULTRASOUND

MAMOGRAPHY . NUCLEAR MEDICINE

Magnolia Imaging Medical Group, Inc.

Magnolia Medical Imaging Center, Inc.

14571 Magnolia Ave., Ste. 101

Westminster, Ca 92683

Tel: **(714) 893-1915**

Fax: **(714) 898-8142**

Trung tâm chuyên về BỆNH TIM và CAO MÁU

Bác sĩ NGUYỄN QUANG THÁI, M.D.

Chuyên trị: BỆNH TIM & HUYẾT QUẢN . BỆNH NỘI THƯƠNG . CAO MÁU

Bệnh cao mỡ (cholesterol), ngăn ngừa nghẹt mạch máu tim.
Tức ngực, nghẹt thở, đứng tim, tim to, đau tim.
Tim đập thất nhịp, hồi hộp, xây xẩm, ngất xỉu.
Các bệnh tim bẩm sinh, bệnh van tim.
Bệnh cao áp huyết (cao máu).
Bệnh phong thấp, phổi, bao tử, gan.
Bệnh tiểu đường, bướu cổ, tuyến nội tiết, thiếu máu.

Xin lấy hẹn trước: **(714) 531-5056**

14558 Brookhurst St.

Westminster, Ca 92683

Đã phát hành khắp nơi:

CÂY TRÁI QUÊ MÌNH

của HUỲNH HỮU CỬU và NGUYỄN VĂN BA

Với các đoản văn nhan đề: *Mù U Năm Ngoái, Xoài Tượng Nước Mắm Đường, Cây Trôm và Mủ Trôm Ngâm Đường Phèn, So Đũa và Nấm Mèo, Bông Giấy, Thịt Tam Tạng, Bông Jamaica, Dưa Hấu Cầu Đúc, Hoa Ưu Đàm, Lúa Thần Nông, Ở Quận Cam Nói Chuyện Bưởi, Hoa Mai Ngày Tết, Dưa Bồn Sông Hậu.*

Tựa của Phạm Hoàng Hộ
Bạt của Lê Văn Lân
Bìa bốn màu tuyệt mỹ của Lê Quang Xuân
Phụ bản Nguyên Khai, Lê Quang Xuân, Nguyễn Hợi, Lê Kim Sơn . . .

Giá bán 10 Mỹ kim
Hỏi mua tại các hiệu sách

ĐÃ PHÁT HÀNH KHẮP NƠI:
Dĩa nhạc CD Dương cầm

MUSIC OF THE NIGHT

trình tấu bởi:

TIEN NGUYEN

Gồm những nhạc khúc nổi tiếng từ Broadway như *The Phantom of the Opera, Cats, Miss Saigon, Les Miserables* . . . và đặc biệt bài *Half Moon Bay* do Yen Nguyen soạn dựa trên bài thơ *Trăng ở Half Moon Bay* của Vũ Quỳnh Hương.

Liên lạc:
TIEN NGUYEN P.O. Box 7717 Fremont, CA 94537

Bác Sĩ BÙI THẾ HOÀNH

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF FAMILY PRACTICE

801 W. Valley Blvd #203 lầu 2, Alhambra, CA 91803
Tel: (818) 570-1127

CHUYÊN TRỊ:

Bệnh toàn khoa người lớn, trẻ em
Bệnh ngoài da * Tiểu giải phẩu
Bệnh phụ nữ
Chích ngừa, khám bệnh nhập học, bông sữa WIC
NHẬN TẤT CẢ CÁC LOẠI BẢO HIỂM HMO

Ngày Giờ Làm Việc:
Thứ hai - Thứ sáu: 9AM - 6PM
Thứ bảy: 9AM - 12 AM

Asian American Dental Center

PHẠM ĐÌNH TUÂN, D.D.S.

FAMILY DENTISTRY for CHILDREN & ADULTS

9306 Bolsa Avenue, Westminster, CA 92683
Tel: (714) 895 -5002 / 5003

Office Hours
Mon - Sat: 10AM - 7PM
Sunday by Appointment

BÁC SĨ

TRẦN TRÚC QUANG

CHUYÊN KHOA NỘI THƯƠNG
7309 Arlington Blvd, Suite 314
Falls Church, Va 22042
(703) 560-0388 / 560-0389

CHUYÊN TRỊ CÁC BỆNH NỘI THƯƠNG
TAI NẠN XE CỘ

NHẬN MEDICAID, MEDICARE, VÀ BẢO HIỂM
LÀM VIỆC THEO HẸN:
Thứ 2-6: 9 giờ sáng đến 7 giờ tối
Thứ 7: 9 giờ sáng đến 2 giờ chiều

MINH VĂN
P.O. BOX 647, Oakton, VA 99214 - USA
Điện thoại: (703) 204- 9239
Chi phiếu, thư từ xin đề Minh Văn

Nhà Xuất Bản Minh Văn trân trọng giới thiệu những tác phẩm đã ấn hành của **Trần Long Hồ**:

Tập truyện ngắn	**NGÀY QUANH QUẨN**	$10.00
Truyện dài	**CÕI SA MÙ**	$18.00
(Quyển một trong bộ trường thiên **Dung Thân**)		
Tập truyện ngắn	**NIỀM VUI UNG THƯ**	$10.00

Và các tác phẩm sẽ xuất bản:
CHÂN TRỜI LAM NGỌC ký sự của **Hồ Trường An**
KẺ ĐÀO MỒ tập truyện ngắn của **Trần Long Hồ**
CỬA ĐỊA NGỤC truyện dài, quyển thứ hai trong bộ trường thiên **Dung Thân** của **Trần Long Hồ**

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ và tên: . . . . . .

Địa chỉ: . . . . . .

. . . . . .

Zipe code . . . . . .

Country . . . . . .

Đặt mua dài hạn Văn Học từ số . . . . . đến số . . . . . .

Mua một năm báo tại Hoa kỳ

Gửi hạng tư $36.00

Gửi hạng nhất $42.00

Mua một năm báo tại Canada

Gửi hạng tư $40.00

Gửi hạng nhất $46.00

Mua một năm báo tại Âu, Á và Úc châu

Gửi hạng tư $48.00

Gửi hạng nhất $84.00

Trả bằng Mỹ kim. Ngoài Hoa kỳ xin trả bằng International Money Order. Ngân chi phiếu đề Văn Học

PHIẾU TẶNG BÁO

Muốn mua một năm báo để tặng cho:

Họ và tên: . . . . . .

Địa chỉ: . . . . . .

. . . . . .

Zipe code . . . . . .

Country . . . . . .

NHÀ XUẤT BẢN THANH VĂN

MỘT KHOẢNH VIỆT NAM CỘNG HOÀ NỐI DÀI

Hồi ký cải tạo của

TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG

Ngành xuất bản ở hải ngoại đã từng xuất bản nhiều tập hồi ký cải tạo của Trần Huỳnh Châu, Hà Thúc Sinh, Phạm Quốc Bảo, Tạ Tỵ, Duyên Anh, Hoàng Liên, Đào văn Bình, Nguyễn Chí Thiệp... Mỗi cuốn hồi ký mỗi vẻ, vì từng tác giả cố gắng ghi nhận kinh nghiệm lao tù của mình, và hình như ở mỗi trại cải tạo, mỗi lao tù có những hình thái sinh hoạt riêng nên có thể nói không có kinh nghiệm nào giống kinh nghiệm nào.

"Một khoảnh Việt nam Cộng hoà nối dài" của Tạ Chí Đại Trường cũng là một tập hồi ký cải tạo. Tuy nhiên, bạn đọc sẽ tìm thấy trong tác phẩm này nhiều đặc điểm không có ở các tập khác.

Tạ Chí Đại Trường viết hồi ký theo cung cách một người chép sử. Ông không xem kinh nghiệm lao tù của mình là một bất hạnh phải kêu than, hay một vinh dự phải cao rao. Ông xem kinh nghiệm cá nhân như một tài liệu sử. Cho nên đọc hồi ký cải tạo của Tạ Chí Đại Trường có cái thú là được nghe kể tỉ mỉ những chuyện đời chuyện người bình thường, sau đó được nghe tác giả phân tích dẫn giải vì sao những chuyện như vậy lại xảy ra. Tạ Chí Đại Trường khách quan tối đa khi ghi nhận về thân phận người tù cải tạo lẫn các trái chứng bất trắc của người canh tù. Nhiều đoạn tập hồi ký có những phân tích tâm lý sâu sắc về phản ứng và thái độ của người tù cải tạo, giống như tác phẩm của Arthur Koestler hay Alexander Solzhenitsyn.

Tác giả tập hồi ký này hiện ở Việt nam, và vì là một sử gia, Tạ Chí Đại Trường không muốn ẩn danh để phòng ngừa những tai họa có thể đến. Ông muốn minh danh chịu trách nhiệm những lời mình viết ra trong tập hồi ký này, như một cách biểu lộ tư cách tối thiểu cần có của một người chép sử.

Sách có bày bán tại các nhà sách hoặc liên lạc về:

VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683
Tel: (714) 527-5761

VĂN NGHỆ

P.O.BOX 2301, Westminster, CA 92683. USA
Phone: **(714) 527-5761**
Ngân, chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ

SÁCH MỚI

- **Quê** - *Tác phẩm mới của* Võ Phiến 6MK
- **Minh Triết Trong Đời Sống**
  Darshami Deane, Nguyên Phong *dịch* 12MK
  (Sắp tái bản sau 6 tháng của ấn bản đầu)
- **Hồ Chí Minh Ngô Đình Diệm và Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam**
  Hồ Sĩ Khuê *(Sắp tái bản sau 6 tháng của ấn bản đầu)* *16MK*
- **Tự Do Trong Lưu Đày** - *Tự truyện* Đức Đạt Lai Lạt Ma
  Chân Huyền & Chân Văn *dịch (Tái bản sau 3 tháng của ấn bản đầu)* 14MK
- **Chuyện Của Một Người Di Cư Nhức Đầu Vừa Phải**
  Nguyễn Bá Trạc 10MK
- **Lịch Sử Văn Minh Trung Quốc**
  Will Durant, Nguyễn Hiến Lê *dịch* 14MK
- **Tiểu thuyết I** *(Tập chót của* Võ Phiến *trong toàn tập)* *15MK*

SÁCH PHÁT HÀNH

- **Cát Bụi Chân Ai** - *Hồi ký* Tô Hoài 12MK
- **Quyển Truyện Không Tên** - *Hồi ký* Hồ Dzếnh 7MK
- **Quê Ngoại 2, Tiếng Hát Thiên Nga** - *Thơ* Hồ Dzếnh 7MK
- **Cuối Đêm Dài** - *Truyện* Nguyễn Thị Thanh Bình 10MK
- **Hoa Tạng Trần Tư** - *Thơ* Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng 6MK
- **Một Khoảng VNCH Nối Dài** - *Hồi ký* Tạ Chí Đại Trường 16MK

SÁCH ĐANG IN

- **Mây Bão** - *Tiểu thuyết* Ngô Thế Vinh
- **Hành Trình Về Phương Đông II**
- **Nước Tôi Và Dân Tộc Tôi** - *Hồi ký* đức Đạt Lai Lạt Ma
- **Tuân Tử** - Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê *dịch, giới thiệu*
- **Ký - Bút - Kịch I** *(Trong bộ Văn Học Miền Nam)* Võ Phiến
- **Tùy Bút I** - Võ Phiến *(tái bản)*
- **Ký Thác** - *Truyện* Bình Nguyên Lộc *(tái bản)*
- **Cuống Rún Chưa Lìa** - *Truyện* Bình Nguyên Lộc *(tái bản)*
- **Phương Tiện Thiện Xảo** - Tarthang Tulku, Phạm Công Thiện *dịch*

Ngoài Hoa Kỳ thêm 1MK bưu phí cho sách dưới 10MK và thêm 2MK cho sách trên 11MK. Liên lạc lấy thư mục hơn 200 tên sách khác.

Nhà xuất bản Văn Nghệ
P.O.Box 2301 Westminster, CA 92683, USA.
Tel: **(714) 527-5761**

Giá $3.50